

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 450 – Chúa nhật 05.02.2023

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Hr 5, 1)

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

CÁC GIÁO HỘI ĐỊA PHƯƠNG	Vatican 2
CÓ THỂ THAY ĐỔI THẾ GIỚI	Lm Minh Anh, TGP Huế
SỐNG VỚI VÀ SỐNG CHO	Lm. Giuse Nguyễn Văn Nghĩa – Ban Mê Thuật
MUỐI ĐẤT VÀ ÁNH SÁNG CHO TRẦN GIAN (CN V TN A)	Lm Giuse Vũ Thái Hòa, Gs Phụng Vụ
LÒNG THƯƠNG XÓT VÀ CÔNG LÝ CỦA THIÊN CHÚA KHÔNG ĐỐI KHÁNG NHAU.....Phêrô Phạm Văn Trung chuyển ngữ
.....
SINH CON, NUÔI CON, DẠY CON.	Tiến sĩ Tâm Lý Trần Mỹ Duyệt
HÃY ĐỨNG NGOÀI CUỘC.....	Lm Tiến Sĩ Tâm Lý Peter Lê Văn Quảng
HIỆP THÔNG HIỆP HÀNH NỀN TẢNG VỚI THIÊN CHÚA.....
.....Lm Micae-Phaolô Trần Minh Huy, PSS
Học thuyết nhân bản và thời đại tân kỳ	Gs Nguyễn Đăng Trúc
VĂN HOÁ ỨNG XỬ – NGHĨ ĐẾN NGƯỜI KHÁC.....	LM ĐAN VINH – HHTM
BÀI GIÁO LÝ XI VỀ PHÂN ĐỊNH: TÌNH THỨC - MỘT THÁI ĐỘ CĂN BẢN TRONG TIỀN TRÌNH PHÂN ĐỊNH.....	Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp
MÈO MÈO MÓ	Chuyện Phiếm của Gã Siêu

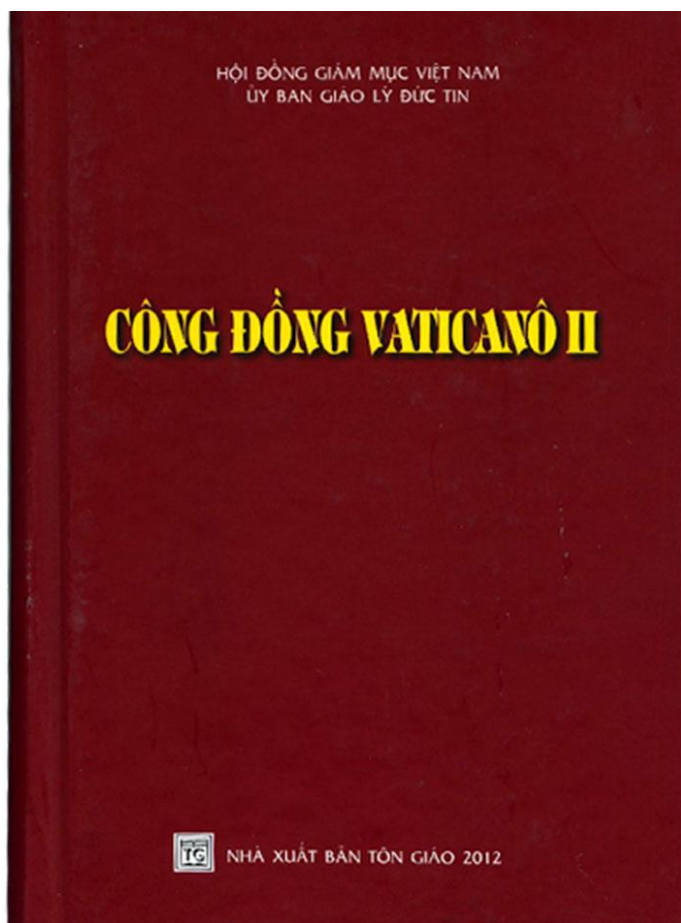
CÁC GIÁO HỘI ĐỊA PHƯƠNG

LTS. Mặc dù trong 18 năm qua, Đặc San GSVN đã phổ biến nhiều lần các văn kiện của Công Đồng Vatican II, nhưng chúng con vẫn thấy đây là những tư liệu vô giá, sẽ giúp nuôi dưỡng đời sống Đức Tin cho mọi Kitô Hữu, cũng như sẽ rất hữu ích cho những ai muốn tìm hiểu về Giáo Hội Công Giáo, vì thế chúng con sẽ tiếp tục giới thiệu về 16 văn kiện quan trọng của Công Đồng Chung Vatican II, đây là bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý & Đức Tin, HĐGM Việt Nam.

Kính mong được mọi người cùng quan tâm.

Xin chân thành cảm ơn.

Đặc San GSVN



PHAOLÔ GIÁM MỤC
TÔI TỚ CÁC TÔI TỚ THIÊN CHÚA
HỢP NHẤT VỚI CÁC NGHỊ PHỤ CỦA THÁNH CÔNG ĐỒNG
ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ

SẮC LỆNH
VỀ HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO CỦA GIÁO HỘI
AD GENTES

Ngày 18 tháng 11 năm 1965

CHƯƠNG III
CÁC GIÁO HỘI ĐỊA PHƯƠNG

19. Việc gây dựng Giáo Hội nơi một cộng đồng nhất định kể như là đã đạt tới mục đích, khi cộng đoàn tín hữu đã bén rễ trong đời sống xã hội và đã phù hợp phần nào với văn hóa địa phương, đồng thời cũng đã ổn định và vững mạnh, nghĩa là đã có nguồn nhân lực riêng khá dồi dào, tuy chưa hẳn đầy đủ, gồm các linh mục, tu sĩ và giáo dân địa phương, đã có những thừa tác vụ và những tổ chức cần thiết cho việc lãnh đạo và sự tăng triển đời sống của đoàn Dân Chúa, dưới sự hướng dẫn của vị Giám mục bản quyền.

Trong những Giáo Hội còn non trẻ đó, đời sống Dân Chúa phải đạt đến sự trưởng thành về mọi phương diện của đời sống Kitô hữu đã được canh tân theo những nguyên tắc đã được Công Đồng đề ra, đó là các cộng đoàn tín hữu càng ngày càng ý thức hơn rằng mình phải trở nên những cộng đoàn sống đức tin, cử hành phụng vụ và thực thi bác ái; qua các hoạt động dân sự và tông đồ, người giáo dân phải nỗ lực kiến tạo bác ái và công bình trong xã hội; phải sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội cách thích hợp và khôn ngoan; các gia đình phải sống đời Kitô hữu đích thực để trở nên những vườn ươm cho ơn gọi tông đồ giáo dân, cũng như ơn gọi linh mục và tu sĩ. Sau hết, đức tin phải được hướng dẫn nhờ chương trình giáo lý thích hợp, được cử hành trong phụng vụ phù hợp với sắc thái dân tộc, và được đưa vào các tổ chức đoàn thể cũng như các tập tục địa phương, theo đúng qui định của giáo luật.

Còn các Giám mục, luôn hợp nhất với linh mục đoàn của mình và ngày càng thấm nhuần cảm thức của Chúa Kitô và Giáo Hội, phải biết cảm nhận và sống cùng với Giáo Hội toàn cầu. Các Giáo Hội trẻ phải duy trì mối thông hiệp mật thiết với toàn thể Giáo Hội và phải liên kết những yếu tố của truyền thống Giáo Hội với nền văn hóa riêng, để nhờ được trao đổi sinh lực cho nhau

mà đời sống Nhiệm Thể được tăng trưởng¹. Do đó, phải trau dồi những yếu tố thần học, tâm lý và nhân bản có thể góp phần vào việc cổ võ cảm thức thông hiệp cùng toàn thể Giáo Hội.

Nhưng vì các Giáo Hội này thường ở những miền khá nghèo túng nên nhiều khi vẫn còn rất thiếu linh mục cũng như những viện trợ vật chất. Vì thế, hoạt động truyền giáo liên tục của toàn thể Giáo Hội phải đảm nhận việc trợ cấp để trước hết giúp cho Giáo Hội địa phương phát triển và giúp cho đời sống Kitô hữu được trưởng thành. Hoạt động truyền giáo này cũng phải giúp đỡ các Giáo Hội tuy đã thành lập từ lâu, nhưng đang bị rơi vào tình trạng thoái hóa và suy yếu.

Tuy nhiên, các Giáo Hội đó phải khôi phục lòng nhiệt thành mục vụ chung và những hoạt động thích ứng, để nhờ đó số ơn kêu gọi vào hàng giáo sĩ giáo phận và vào các Hội dòng được gia tăng, được biện phân cách chắc chắn hơn và được huấn luyện hữu hiệu hơn², sao cho dần dần các Giáo Hội đó có thể tự túc và giúp đỡ các Giáo Hội khác.

20. Vì Giáo Hội địa phương phải phản ảnh Giáo Hội hoàn vũ cách thật hoàn hảo, nên cần nhận thức rõ ràng rằng mình cũng được sai đến với những người chưa tin vào Chúa Kitô đang sống trong cùng địa hạt, để nhờ chứng tá đời sống của mỗi tín hữu và toàn thể cộng đoàn, Giáo Hội này trở thành dấu chỉ cho họ nhận biết Chúa Kitô.

Ngoài ra thừa tác vụ Lời Chúa rất cần để Tin Mừng đến được với mọi người. Do đó, trước hết Giám mục phải là người rao giảng đức tin để dẫn đưa các môn đệ mới đến với Chúa Kitô³. Để chu toàn tốt đẹp phận vụ cao cả đó, ngài phải thấu hiểu tường tận hoàn cảnh sống của đoàn chiên, cũng như những quan điểm riêng tư của dân chúng địa phương về Thiên Chúa, đồng thời ngài cũng phải đặc biệt quan tâm đến những chuyển biến phát sinh từ hiện tượng vẫn được gọi là đô thị hóa, từ việc di dân và chủ trương lãnh đạm đối với tôn giáo.

Các linh mục bản xứ ở những Giáo Hội trẻ phải hăng say đắm thân vào việc rao giảng Tin Mừng bằng cách tổ chức hoạt động chung với những vị thừa sai ngoại quốc, họp nhau thành một linh mục đoàn duy nhất, liên kết dưới quyền Giám mục, không những để chặn dất các tín hữu và cử hành việc phụng tự, nhưng còn để rao giảng Tin Mừng cho những người ngoài Giáo Hội. Các ngài phải luôn sẵn sàng, và khi có dịp, phải hăng say tình nguyện để Đức Giám mục sai đi khởi công truyền giáo tại những miền xa xôi và ít người tìm đến trong giáo phận mình hoặc tại các giáo phận khác.

Các tu sĩ nam nữ và cả giáo dân cũng phải thể hiện nhiệt tâm truyền giáo đối với đồng bào, nhất là với những người nghèo khổ.

Các Hội Dòng Giám mục phải quan tâm tổ chức những khóa tu nghiệp định kỳ về Thánh Kinh, thần học, tu đức và mục vụ, để giúp hàng giáo sĩ, giữa những thực tại đầy phức tạp và nhiều biến chuyển, được hiểu biết đầy đủ hơn về thần học và phương pháp mục vụ.

¹ x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Princeps Pastorum*, 28.11.1959: AAS 51 (1959), tr. 838.

² x. Đ. VATICAN II, Sắc lệnh về Tác vụ và đời sống linh mục *Presbyterorum Ordinis*, 11; Sắc lệnh về việc Đào tạo linh mục *Optatm Totius*, 2.

³ x. Đ. VATICAN II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 25.

Đàngh khác, cũng phải tuân giữ chu đáo những điều Công Đồng đã quyết nghị, đặc biệt trong Sắc Lệnh về Chức vụ và đời sống linh mục.

Để có thể chu toàn công cuộc truyền giáo của Giáo Hội địa phương, cần có những thừa tác viên đủ khả năng, được chuẩn bị đúng lúc và thích hợp với hoàn cảnh của từng Giáo Hội. Thật vậy, con người càng ngày càng sống qui tụ trong những cộng đồng, vì thế các Hội Đồng Giám mục rất nên thiết lập những kế hoạch chung để tổ chức đối thoại với những cộng đồng đó. Nếu trong một vài miền có những nhóm người không muốn đón nhận đức tin công giáo vì không thể thích ứng với hình thức đặc biệt của Giáo Hội tại địa phương đó, cần phải tìm kiếm một phương thức đặc biệt thích hợp với hoàn cảnh⁴, cho đến khi tất cả các Kitô hữu có thể qui tụ thành một cộng đoàn duy nhất. Mỗi Giám mục nên mời gọi hoặc sẵn lòng đón nhận vào giáo phận những nhà truyền giáo mà Toà Thánh đã dành riêng cho mục đích này, và tích cực ủng hộ hoạt động của những người ấy.

Để nhiệt tâm truyền giáo được phát huy nơi chính những anh em bản xứ, các Giáo Hội trẻ rất nên tham gia vào công cuộc truyền giáo phổ quát của Giáo Hội càng sớm càng tốt, bằng cách gửi những nhà truyền giáo của mình đi rao giảng Tin Mừng khắp nơi trên hoàn cầu, dù mình còn thiếu giáo sĩ. Thật vậy, tình hiệp thông với Giáo Hội hoàn vũ sẽ nên trọn hảo khi chính các Giáo Hội trẻ cũng tích cực tham gia và hoạt động truyền giáo nơi các dân tộc khác.

21. Giáo Hội chưa được thiết lập thực sự, chưa sống đầy đủ, cũng chưa là dấu chỉ tuyệt hảo của Chúa Kitô giữa loài người, nếu chưa có hàng giáo dân đích thực và nếu hàng giáo dân này chưa cùng làm việc với hàng Giáo phẩm. Thật vậy, Tin Mừng không thể đi sâu vào tinh thần, đời sống và sinh hoạt của một dân tộc nếu không có sự hiện diện linh hoạt của giáo dân. Do đó, ngay khi thiết lập Giáo Hội phải hết sức chú tâm đến việc đào tạo những Kitô hữu giáo dân trưởng thành.

Thật vậy, các tín hữu giáo dân trọn vẹn thuộc về Dân Chúa đồng thời cũng thuộc về xã hội trần thế: một đàn ông, họ được sinh ra nơi một dân tộc, được chia sẻ kho tàng văn hóa của dân tộc ấy nhờ việc giáo dục, liên kết với đời sống dân tộc bằng nhiều mối liên hệ xã hội khác nhau, cộng tác vào sự tiến bộ của dân tộc qua nghề nghiệp, cảm nhận và cố gắng giải quyết những vấn đề của dân tộc như là những vấn đề của chính họ; đàngh khác, họ cũng thuộc về Chúa Kitô, vì đã được tái sinh trong Giáo Hội bằng đức tin và phép Rửa, để nhờ đời sống mới và các hoạt động, họ là của riêng Chúa Kitô (x. 1 Cr 15,23), để mọi sự qui phục Thiên Chúa trong Chúa Kitô và như thế, Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài (x. 1 Cr 15,28).

Nhiệm vụ chính của giáo dân, nam cũng như nữ, là làm chứng về Chúa Kitô bằng cách sống cũng như bằng lời nói, trong gia đình, trong các đoàn thể xã hội, cũng như trong môi trường

⁴ x. CĐ VATICAN II, Sắc lệnh về Tác vụ và đời sống linh mục *Presbyterorum Ordinis*, 10: để sinh hoạt mục vụ đặc biệt cho những cộng đồng xã hội khác nhau được dễ dàng, phải tiên liệu việc thiết lập các Giám chức biệt hạt tùy theo đòi hỏi của việc tổ chức hoạt động tông đồ.

ngành nghiệp. Thật vậy, họ phải biểu lộ con người mới đã được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, trong sự công chính và thánh thiện của chân lý (x. Ep 4,24). Họ phải thể hiện nếp sống mới đó trong môi trường xã hội và văn hóa của quê hương, theo truyền thống của dân tộc mình. Chính họ phải hiểu biết, tu chỉnh, bảo tồn, cải tiến theo những hoàn cảnh mới, và sau cùng phải hoàn thiện nền văn hoá đó trong Chúa Kitô, để niềm tin vào Chúa Kitô và đời sống Giáo Hội không còn xa lạ với xã hội họ đang sống, nhưng bắt đầu thấm nhiễm và cải hóa xã hội. Họ phải liên kết với đồng bào mình bằng tình bác ái chân thành, để trong cách sống của họ xuất hiện một mối dây mới của sự hiệp nhất và tình liên đới đại đồng khởi phát từ mầu nhiệm Chúa Kitô. Họ cũng phải gieo rắc niềm tin vào Chúa Kitô nơi những người có chung môi trường sống hay cùng chung ngành nghề; đây là một nhiệm vụ khẩn thiết vì nhiều người chỉ có thể nghe Tin Mừng và nhận biết Chúa Kitô nhờ những giáo dân sống gần bên họ. Hơn nữa, nơi nào có thể, giáo dân phải được chuẩn bị để cộng tác trực tiếp hơn với hàng Giáo phẩm trong việc thực thi sứ mệnh đặc biệt là loan báo Tin Mừng và truyền thông giáo lý Kitô giáo để Giáo Hội mới khai sinh được thêm vững mạnh.

Các thừa tác viên của Giáo Hội phải đánh giá cao việc tông đồ đầy khó khăn của người giáo dân. Các ngài phải huấn luyện sao cho giáo dân, với tư cách là chi thể của Chúa Kitô, luôn ý thức về trách nhiệm của mình đối với tất cả mọi người; phải giúp họ thấu hiểu sâu xa về mầu nhiệm Chúa Kitô, chỉ dẫn họ những phương pháp thực hành, và đồng hành với họ trong những lúc khó khăn, theo tinh thần của Hiến Chế về Giáo Hội và Sắc Lệnh về Tông đồ giáo dân.

Vì thế, trong khi Chủ Chăn và giáo dân vẫn giữ đúng phận vụ và trách nhiệm riêng của mình, toàn thể Giáo Hội non trẻ phải trở thành lời chứng duy nhất, sống động và vững chắc về Chúa Kitô, để trở nên dấu chỉ rõ ràng của ơn cứu rỗi chúng ta đã lãnh nhận trong Chúa Kitô.

22. Hạt giống Lời Chúa, vừa nảy mầm trong đất màu mỡ thấm nhuần sương trời đổ xuống, vừa thu hút biến đổi và tiêu hóa dòng nhựa sống để sau cùng mang lại hoa trái dồi dào. Thật vậy, tương tự như ké đồ Nhập Thể, các Giáo Hội trẻ, khi đã cắm rễ sâu trong Chúa Kitô và được xây dựng trên nền tảng các Tông Đồ, nhờ cuộc trao đổi kỳ diệu, tiếp nhận tất cả những sự phong phú của các dân tộc đã được trao cho Chúa Kitô làm cơ nghiệp (x. Tv 2,8). Từ những tập quán và truyền thống, từ sự khôn ngoan và nền đạo lý, từ những nghệ thuật và khoa học của dân tộc mình, các Giáo Hội trẻ phải biết chắt lọc tất cả những gì có thể góp phần vào việc tuyên xưng vinh quang của Đấng Tạo Hóa, làm rạng ngời ân sủng của Đấng Cứu Chuộc và thể hiện tốt đẹp đời sống Kitô hữu⁵.

Để đạt tới kết quả đó, nơi mỗi vùng rộng lớn cùng trong một khối văn hóa-xã hội, như người ta thường gọi, cần phải thúc đẩy việc suy tư thần học, để trong khi vẫn dõng theo Truyền Thống của Giáo Hội hoàn vũ, sẽ nghiên cứu sâu rộng hơn những gì đã được mạc khải qua hành

⁵ x. CĐ VATICAN II, Sắc lệnh về Tác vụ và Đời sống Linh mục *Presbyterorum Ordinis*, 13.

động và ngôn từ của Thiên Chúa, được ghi chép trong Sách Thánh và đã được các Giáo Phụ và Huấn Quyền giải thích. Nhờ đó sẽ nhận thấy rõ ràng hơn đâu là những lối đường để đức tin, khi đã tiếp thu nền triết lý hay lẽ khôn ngoan của các dân tộc, có thể tìm gặp lý trí, đồng thời cũng tìm ra những phương thức để các phong tục, quan điểm sống và trật tự xã hội có thể hòa hợp với lối sống do Chúa mạc khải. Từ đó sẽ mở ra những con đường để thích nghi sâu xa hơn trong mọi lãnh vực của cuộc sống Kitô hữu. Nguyên tắc hành động đó sẽ giúp loại trừ mọi hình thức chủ nghĩa hòa đồng và chủ nghĩa cá thể sai lạc, và đời sống Kitô hữu sẽ được thích nghi với năng lực và đặc tính của từng nền văn hóa⁶, những truyền thống đặc thù và những đặc tính cá biệt của mỗi gia đình dân tộc, khi đã được ánh sáng Tin Mừng chiếu soi, sẽ được tiếp nhận trong sự hiệp nhất công giáo. Sau cùng, các Giáo Hội mới tại các địa phương, cùng với những truyền thống tốt đẹp riêng, vẫn có chỗ đứng trong tình hiệp thông Giáo Hội, dĩ nhiên vẫn bảo toàn quyền tối thượng của ngài tòa Phêrô đứng đầu toàn thể cộng đoàn đức ái⁷.

Vì thế, điều đáng ước mong, và cũng là điều rất thích hợp, là các Hội Đồng Giám mục ở những miền thuộc cùng một khối văn hóa-xã hội hợp nhất với nhau để có thể đồng tâm hợp ý thực hiện công cuộc thích nghi đó.

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

⁶ x. PHAOLÔ VI, Diễn từ đọc trong lễ phong thánh cho các Vị Tử Đạo Uganda: AAS 56 (1964), tr. 908.

⁷ x. Đ. VATICAN II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 13.

CÓ THẺ THAY ĐỔI THẾ GIỚI

QUÀ TẶNG TIN MỪNG:
KÍNH THÁNH PHAOLÔ TÔNG ĐỒ TRỞ LẠI 25/01
CÓ THẺ THAY ĐỔI THẾ GIỚI
Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ



Kính mời theo dõi video tại đây:

<http://bit.ly/3RgpKY8>

“Con người ấy là khí cụ Ta đã chọn để mang Danh Ta đến cho mọi dân tộc, các vua chúa và con cái Israel”. (Cv 9, 15)

**“Con người này
là khí cụ
Ta đã chọn...”
(Cv 9, 15)**



“Thập giá, cột thu lôi của ân sủng, làm tắt cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, để chỉ còn lại ánh sáng tình yêu của Ngài! Trên đường Đamas, một Saolô hung hãn đã bị cột thu lôi của ân sủng quật ngã, và con người này đã khám phá sức hút của Thần Khí; nhờ đó, đã ‘có thể thay đổi thế giới!’”.

Kính thưa Anh Chị em,

Hôm nay, Giáo Hội kính nhớ thánh Phaolô, một con người bị **“ân sủng và tình yêu Thiên Chúa quật ngã”**; đúng hơn, một vị thánh mà sự cải đạo của ngài, có thể nói, là **một trong những sự kiện quan trọng nhất sau cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu vào những thế kỷ đầu của Kitô giáo**. Thật khó để nhấn mạnh quá mức ảnh hưởng của ngày lễ hôm nay, **lễ kính một con người, một vị thánh bị ân sủng quật ngã, cuốn theo Thần Khí; một người đã ‘có thể thay đổi thế giới!’**.

Để hiểu tầm quan trọng của một sự kiện lớn nhỏ, hãy xét xem mọi thứ sẽ như thế nào nếu sự kiện đó đã không bao giờ xảy ra! Đây là tiền đề của bộ phim “It’s a Wonderful Life”, “Cuộc Đời Tuyệt Vời” của Frank Capra; Capra so sánh cuộc sống thực tế với một kịch bản giả định, **“Nếu không như thế, điều gì sẽ xảy ra?”**. Điều gì sẽ xảy ra nếu Phaolô chưa bao giờ trở lại? Chưa bao giờ viết một lá thư? Chưa bao giờ xuống tàu cho một hành trình truyền giáo? Điều đó có thể giả định một cách thuyết phục rằng, **bản thân thế giới, chứ không chỉ Giáo Hội, có lẽ sẽ trông ‘rất khác’ nếu không nói là ‘khá xa lạ’ so với ngày nay**. Có lẽ, Kitô giáo vẫn sẽ giới hạn ở Palestine trong nhiều thế kỷ nữa, trước khi lan ra Âu Châu; có thể, Kitô giáo đã rẽ phải thay vì rẽ trái, và tất cả Trung Hoa, Ấn Độ sẽ theo văn hoá Công Giáo như Âu Châu ngày nay. Không thể nói được! Nhưng tác động quy mô toàn cầu từ việc Phaolô cải đạo cho thấy ý nghĩa của việc trở lại nơi một con người vốn đã bị cuốn hút bởi Thần Khí, **con người đó ‘có thể thay đổi thế giới’ như thế nào! Tại sao? Bởi lẽ, Phaolô đã quá say mê Chúa Kitô, “đã là lợi khí” Ngài chọn!**

Dẫu Công Vụ Tông Đồ không nói rõ các chi tiết chung quanh cuộc trở lại, nhưng các nghệ sĩ thích vẽ lại một Phaolô bị ném khỏi yên ngựa trên đường Đamas. Đang khi quờ quạng trên

mặt đường, Phaolô nghe, **“Saolô, Saolô, sao người bắt bớ Ta?”**, chứ không nghe, ‘Sao người bắt bớ **những người theo Ta?**’. Rõ ràng, **Chúa Kitô và Hội Thánh là một; bắt bớ Hội Thánh là bắt bớ Chúa Kitô!** Phaolô tin điều các Kitô hữu đã tin trong nhiều thế kỷ, và vẫn tin cho đến ngày nay. **Yêu mến Chúa Kitô là yêu mến Hội Thánh và ngược lại. Hội Thánh không chỉ là phương tiện chuyên chở mặc khải, nhưng Hội Thánh thực sự là một phần trong sự mặc khải của Thiên Chúa; và nhất là với Chúa Kitô, Hội Thánh gồm những con người đã định hướng theo Ngài, được cuốn hút bởi Thần Khí, trở nên “lợi khí”, đó là những con người ‘có thể thay đổi thế giới!’.**



Kitô hữu là những **“lợi khí” đã được định hướng!** Kitô hữu mà không biết mình đi đâu, đi với ai, làm gì... khác nào cô bé Alice trong chuyện cổ tích “Alice Ở Xứ Thần Tiên”. Trong cuộc trò chuyện giữa cô bé và con mèo Cheshire, Alice hỏi, “Bạn vui lòng cho tôi biết, **tôi nên đi con đường nào từ đây?**”; con mèo trả lời, **“Điều đó phụ thuộc rất nhiều vào nơi bạn muốn đến”**. Alice bảo, **“Tôi không quan tâm lắm!”**; **“Vậy thì bạn hãy đi theo con đường nào không quan trọng!”**, con mèo trả lời. **Phần chúng ta, Kitô hữu luôn biết mình đi đâu, đi với ai, làm gì!**

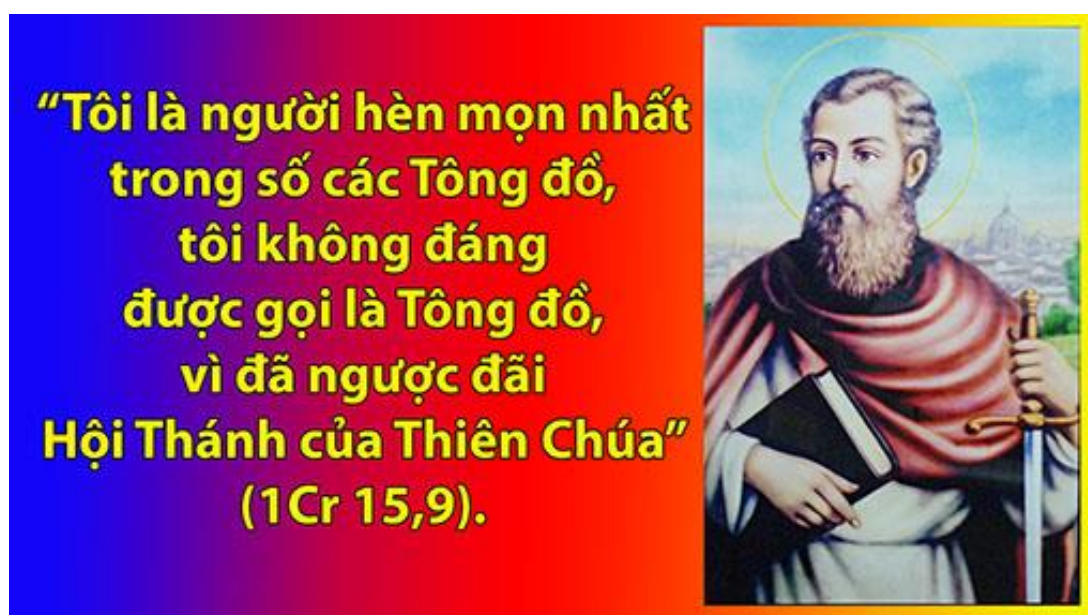
Anh Chị em,

“Người này là lợi khí Ta chọn”. Khác với Alice lẻ loi trong xứ sở diệu kỳ, cuộc cải đạo của Phaolô tiết lộ rằng, **Kitô hữu là người dò dẫm tìm đường dẫn đến Thiên Chúa. Đến với Chúa, bạn không đi một mình nhưng đi với tư cách thành viên của Hội Thánh vì bạn đã tháp nhập vào Hội Thánh trong ngày rửa tội; cũng từ ngày đó, bạn trở nên “lợi khí” của Ngài!** Phaolô đã đến với Chúa qua biến cố Đamas; cũng bằng cách đó, trên những ‘Đamas’ của mình, sau khi bị quật ngã, bị cuốn hút bởi Thánh Thần, **bạn và tôi đến với Chúa! Và như Phaolô, con người say mê Chúa Kitô, đã thay đổi thế giới; thì bạn và tôi, một khi say mê Ngài, chúng ta cũng ‘có thể thay đổi thế giới’.**



Chúng ta có thể cầu nguyện,

“Lạy Chúa, hôm nay, kết thúc tuần cầu nguyện cho các Giáo Hội Kitô hiệp nhất, **xin cho con luôn là “lợi khí”, đừng là “hung khí” của Chúa, hầu con cũng ‘có thể thay đổi thế giới!’**”, Amen.



(**lời nhắn:** mọi người đều có thể yêu cầu được nhận bài suy niệm ngắn gọn tương tự của cùng tác giả **trong mỗi ngày**, xin liên lạc qua email: minhanhue06@gmail.com – xin cảm ơn).

Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ

Hẹn gặp lại

[VỀ MỤC LỤC](#)

SÓNG VỚI VÀ SỐNG CHO

(Chúa Nhật V TN A)

Dù chứng cứ là các vật hóa thạch không là bao nhưng học thuyết tiến hóa dường như thu hút nhiều người khi giải thích mối liên hệ giữa các loài. Tuy nhiên gần đây một số nhà khoa học chợt thấy một vài khập khiễng trong hệ thống học thuyết vốn được xem là thời thượng này. Học thuyết tiến hóa đề cao sự chọn lọc tự nhiên, thích nghi môi trường và sự đấu tranh sinh tồn. Như thế loài càng phát triển cao thì hẳn nhiên khả năng đấu tranh sinh tồn và thích nghi môi trường sẽ mạnh. Thế nhưng, khi phân tích dáng đứng thẳng của loài người thì người ta thấy kiểu dáng đứng thẳng của con người lại gây trở ngại cho việc sinh sản hơn so với kiểu dáng đi bốn chân của loài vật. Bên cạnh đó trẻ sơ sinh hoàn toàn như không thể tự đấu tranh sinh tồn so với nhiều loài vật bậc thấp khi chúng ra khỏi dạ mẹ là có thể tự tìm đến vú mẹ.

Qua một vài hiện tượng trên người ta có thể nói rằng con người là sinh vật sống bởi và sống nhờ kẻ khác. Không có tha nhân thì con người không thể hiện hữu, không thể tồn tại và phát triển đúng nghĩa là con người. Và ngược lại, người ta có thể nói rằng con người là sinh vật sống với và sống cho ai đó. Vì sự sống, sự tồn tại và phát triển của tôi là nhờ tha nhân thì một trong những ý nghĩa của đời tôi đó là để cho ai đó nhờ tôi mà được sống, tồn tại và phát triển. Con người không hiện hữu cho chính nó. Không ai là một hòn đảo. Đây là một trong những nội hàm của câu Thánh Kinh: “Con người ở một mình không tốt” (St 2,18)

“Chính anh em là muối cho đời... Chính anh em là ánh sáng cho trần gian” (Mt 5,13-14). Muối hiện hữu không cho chính nó nhưng để làm mặn các vật thể khác, để ướp cho thực phẩm được tươi lâu... Cũng thế ánh sáng không có ra cho nó mà là để chiếu sáng môi trường, chiếu sáng các vật thể chung quanh... đúng hơn là để giúp các vật thể, môi trường cũng như con người thể hiện mình ra, nghĩa là được nhận thấy. Chúa Giêsu cũng đã từng ví các môn đệ như là men. Tương tự như ánh sáng và muối, men không hiện hữu cho nó nhưng là cho bột hay vật cần dậy men.

Để hữu ích cho tha nhân thì trước tiên chúng ta phải là chính mình trong sự chính hiệu và hoàn hảo một mức nào đó. “Muối mà nhạt đi, thì lấy gì mà muối cho mặn lại? Nó đã thành vô dụng, thì chỉ còn quăng ra ngoài cho người ta chà đạp thôi” (Mt 5,13). Có thể xem như chưa xứng đáng là người, khi một ai đó bị liệt vào hàng “đồ vô tích sự”. Ngay cả những người vì lý do nào đó mà sống cảnh tàn phế về thể lý thì luôn có đó khát khao sống cuộc đời “tàn”, nhưng không “phế”, tức là dù bị tàn tật mà không phải là “đồ bỏ đi”. Trong đức tin thì sự hiện hữu và chào đời của một em bé dị tật từ lòng mẹ cũng có một ý nghĩa nào đó cho nhiều người. Có thể có nhiều em bé dị tật bẩm sinh không ý thức gì, nhưng sự hiện hữu của em là một lời mời gọi tha nhân biết cách sống “có một tấm lòng”.

Định luật vạn vật hấp dẫn minh định sự tương tác giữa các hiện hữu đời này. Với trí khôn biết phản tỉnh thì con người một cách nào đó có thể nhận ra ý nghĩa của việc làm người của

mình. Không chỉ nhìn nhận như là hiện tượng mà còn xác tín “sỏi đá cũng cần có nhau”, cố nhạc sĩ họ Trịnh trong những ngày vất vả ở chốn “kinh tế mới” đã kiên định “Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui”. Đó là một bông hoa dại, là một nụ cười trao cho đời, cho người bên cạnh. Dù ở trong tình trạng như “bị thất sủng”, ông đã quyết tâm “chọn con đường đến với anh em, đến với bạn bè, đến với mọi người”, bởi chung nhạc sĩ mãi vững tin vào cái lẽ sống của mình đó là “vì đất nước cần một trái tim”.

Trong số tha nhân xa gần thì những người mà chúng ta cần sống với và sống cho cách đặc biệt hơn cả là những người đang cần tình yêu của Thiên Chúa qua chính chúng ta. Ngôn sứ Isaia trong bài đọc thứ nhất cụ thể hóa điều này: “Thiên Chúa phán: Hãy chia cơm cho người đói, rước vào nhà những người nghèo không nơi trú ngụ; thấy ai mình trần thì cho áo che thân, không ngoảnh mặt làm ngơ trước người anh em cốt nhục. Bấy giờ ánh sáng của người sẽ bừng lên như rạng đông...” (Is 58,7-8).

Lẽ sống của con người cũng chính là hạnh phúc của con người. Khi biết sống với và sống cho người anh em đồng loại, nhất là những người hèn mọn, yếu thế, cô thân, thì chúng ta sẽ được hưởng nhận hạnh phúc vĩnh cửu Thiên Chúa dành sẵn từ đời đời. Chúa Kitô đã khẳng định rõ chân lý này trong dụ ngôn ngày cánh chung. “Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các ngươi ngay từ thuở tạo thiên lập địa. Vì xưa Ta đói, các người đã cho Ta ăn; Ta khát, các người đã cho Ta uống, Ta là khách lạ, các người đã tiếp rước, Ta trần truồng, các người đã cho mặc, Ta đau yếu, các người đã thăm viếng; Ta ngồi tù, các người đến hỏi han... Ta bảo thật các ngươi, mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy” (Mt 25,34-40).

Vẫn có đó nhiều lời bào chữa: Một con én không làm nên mùa xuân; Tôi chỉ là hạt muối bỏ biển; Một ngọn nến nhỏ chẳng thể xua tan bóng đêm... Xin đừng quên: sẽ chẳng có mùa xuân nếu không có từng cánh én nhỏ và thà thấp lên một ngọn nến còn hơn ngồi nguyên rủa bóng tối đêm đen.

Lm. Giuse Nguyễn Văn Nghĩa – Ban Mê Thuật

VỀ MỤC LỤC

MUỐI ĐẤT VÀ ÁNH SÁNG CHO TRẦN GIAN (CN V THƯỜNG NIÊN, NĂM A)



* Để nghe trên Youtube:

<https://youtu.be/bpOtBEAvTP4>

- Trang Chủ của kênh:

<https://youtube.com/@loichualaanhsang>

- Quý vị có nhu cầu nhận bài suy niệm hàng tuần qua email, xin liên lạc trực tiếp với: Lm Giuse Vũ Thái Hòa: vuthaihoa2@gmail.com

Chúa nhật V Mùa Thường Niên, năm A

Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô theo Thánh Matthêu (5,13-16)

Khi ấy, Chúa Giêsu phán cùng các môn đệ rằng: "Các con là muối đất. Nếu muối đã lạt, người ta biết lấy gì mà ướp cho mặn lại? Muối đó không còn sử dụng vào việc chi nữa, chỉ còn ném ra ngoài cho người ta chà đạp lên nó.

"Các con là sự sáng thế gian. Một thành phố xây dựng trên núi, không thể che giấu được. Và người ta cũng không thắp đèn rồi để dưới đáy thùng, nhưng đặt nó trên giá đèn, hầu soi sáng cho mọi người trong nhà. Sự sáng của các con cũng phải chiếu giải ra trước mặt thiên hạ, để họ xem thấy những việc lành của các con mà ngợi khen Cha các con trên trời".

Bài chia sẻ Tin Mừng của Linh mục Giuse Vũ Thái Hòa

Muối đất và ánh sáng cho trần gian

Trong nhiều thế kỷ và trong nhiều quốc gia trên thế giới, muối là một món hàng quý được dùng để trao đổi lấy các hiện vật khác. Đối với một số nền văn minh, như của Afghanistan, muối tượng trưng cho tính hiếu khách. Khách đến nhà thường được tặng bánh mì và muối, biểu hiện sự tiếp đón nồng hậu.

Vào thời Chúa Giêsu, khi chưa khám phá ra phân bón, người ta trộn muối với phân để làm đất thêm phì nhiêu. Vì thế có thành ngữ "muối đất". Khi chưa có tủ lạnh, muối còn được dùng để ướp cá, thịt và thức ăn để giữ được lâu.

“Các con là ánh sáng cho trần gian.” Hình ảnh này còn mạnh hơn hình ảnh muối đất. Mặt trời là một trong những hình ảnh đẹp nhất khi nói về Thiên Chúa là nguồn mọi sự sống. Theo thánh vịnh 26,1: *“Chúa là nguồn ánh sáng và ơn cứu độ của tôi, tôi còn sợ người nào?”* Chúa Giêsu đã nói: *“Ta là ánh sáng thế gian”* (Ga 8,12). Khi Chúa Giêsu nói: *“Các con là ánh sáng cho trần gian”*, không có nghĩa chúng ta là ánh sáng! Chỉ có Chúa là ánh sáng tỏa lan đến mọi người và mọi nơi. Nhưng Chúa muốn chúng ta trở nên như tấm gương phản chiếu ánh sáng của Người. Chúa Giêsu nói: *“Ánh sáng của anh em phải chiếu giải trước mặt thiên hạ, để họ thấy những công việc tốt đẹp anh em làm, mà tôn vinh Cha của anh em, Đấng ngự trên trời.”* Đối với người Kitô hữu, làm “muối cho đời và ánh sáng cho trần gian” là một vinh dự lớn lao, đồng thời là một trách nhiệm nặng nề!

Khi có dịp băng qua đường, nếu để ý kỹ, chúng ta sẽ thấy một hiện tượng khá ngộ nghĩnh: nếu một khách bộ hành nào đó băng qua đường, khi thấy các xe hơi còn ở xa, mặc dù đèn vẫn còn đỏ, những người ở sau cũng sẽ đi theo! Những người này có thể không thấy đèn đỏ, nhưng cứ theo gương của người đi trước. Đối với họ, dấu hiệu để băng qua đường không phải là đèn xanh, mà là gương của người khác.

Trong đời sống thường nhật cũng thế, nhiều lúc chúng ta cũng bắt chước những người khác và muốn làm như mọi người! Đó cũng là điều khá tự nhiên. Cũng thế, dù muốn hay không, lời nói và hành động của chúng ta cũng ảnh hưởng ít nhiều đến người khác.

Đối với môn đệ của Chúa Kitô, vai trò chứng nhân cần phải hiển nhiên hơn. Đời sống của Kitô hữu phải là gương sáng cho mọi người chung quanh. Chúa Giêsu không nói: các con hãy cố gắng làm muối đất và trở nên ánh sáng cho trần gian, nhưng là: các con là muối đất và là ánh sáng bởi vì các con là môn đệ của ta. Như vậy, “là muối”, “là ánh sáng” chính là thuộc tính của người môn đệ Chúa. Sau khi lãnh nhận bí tích Thánh tẩy, người tân tòng nhận nến sáng, thắp từ cây nến phục sinh, và nghe vị linh mục mời gọi: *“Anh (chị) đã trở nên ánh sáng Chúa Kitô, anh (chị) hãy luôn sống như con cái sự sáng.”*

Làm thế nào để muối thêm đậm đà và ngọn đèn luôn tỏa sáng? Tiên tri Isaia, trong bài đọc I, có cho chúng ta một phương cách hữu hiệu, đó là sống bác ái: chia cơm sẻ bánh cho người nghèo đói, tiếp đón những kẻ bất hạnh vô gia cư, cho quần áo những người không đủ mặc... Khi ấy, *“ánh sáng người sẽ chiếu tỏa trong bóng tối, và tối tăm của người chẳng khác nào chính ngọ.”*

Có lẽ nhiều người sẽ băn khoăn: làm sao mình có khả năng và xứng đáng làm muối đất và ánh sáng cho mọi người? Nấm muối gồm những hạt muối nhỏ gom lại; ngọn đèn sáng được nhờ những giọt dầu hòa quyện. Những hạt muối nhỏ đó, những giọt dầu đó chính là những việc làm nhỏ bé mà chúng ta làm trong đời sống hằng ngày, như trao tặng một nụ cười, nói một lời nhã nhặn, lịch thiệp, làm những cử chỉ bác ái, khiêm nhường, kiên nhẫn, biết lắng nghe, tha thứ, biết nghĩ đến người khác, v.v...

“Các con là muối cho đời, là ánh sáng cho trần gian.” Đây không phải là lời xác nhận sự ưu thế của các Kitô hữu, nhưng là một sứ mạng truyền giáo: qua đời sống của mình, qua lời nói và hành động, người Kitô hữu mang lại hương vị cuộc đời cho mọi người, đem ánh sáng hy vọng cho những ai đang lặn mò trong đêm tối tuyệt vọng, đồng hành và dẫn đưa họ đến với Chúa là Chân lý, là nguồn Hạnh phúc và Bình an đích thật.

Lm. Giuse Vũ Thái Hòa

VỀ MỤC LỤC

LÒNG THƯƠNG XÓT VÀ CÔNG LÝ CỦA THIÊN CHÚA KHÔNG ĐỐI KHÁNG NHAU

Chuyên mục:

TÔI TIN, CHÚNG TÔI TIN LÒNG THƯƠNG XÓT VÀ CÔNG LÝ CỦA THIÊN CHÚA KHÔNG ĐỐI KHÁNG NHAU

Tác giả: Nicholas Senz, www.aleteia.org
Chuyển ngữ: Phêrô Phạm Văn Trung



Kính mời theo dõi video tại đây:
<https://bit.ly/3Rnna2O>

*Thánh Tôma lưu ý rằng trong **mọi hành động của Thiên Chúa, cả lòng thương xót và công lý đều hoạt động.***

Có phải Thiên Chúa có một nhân cách phân lập không? Đôi khi chúng ta nghe người ta nói về Ngài cứ như thể Ngài là như thế. Thật vậy, một linh mục ở thế kỷ thứ hai tên là Marcion đã thực sự cho rằng điều này là đúng. Marcion đã viết một cuốn sách có tên là *Antitheses - Phản đề* - trong đó ông đặt cạnh nhau những đoạn trong Cựu Ước và Tân Ước mà ông thấy mâu thuẫn.

Nhiều điểm khác biệt tập trung vào tuyên bố của Marcion rằng Thiên Chúa của Cựu Ước yêu thích công lý, trong khi Thiên Chúa của Tân Ước yêu thích lòng thương xót. Chẳng hạn, ông trích dẫn sách Xuất hành 21 - “mắt đền mắt, răng đền răng” - và đối lập với Luca 6 - “giơ má bên kia”. Marcion cố gắng chứng minh rằng “Thiên Chúa Tạo Hóa thì công bằng, khắc nghiệt và quyền năng trong chiến tranh” trong khi “Thiên Chúa Tối Cao thì dịu dàng, đơn thuần là tốt lành và tuyệt vời”.



Mặc dù chúng ta biết **chỉ có một Thiên Chúa**, nhưng đôi khi chúng ta vẫn nghe **người ta** nói về “Thiên Chúa của Cựu Ước” và “Thiên Chúa của Tân Ước,” như thể là hai **Đấng khác nhau**. **Làm thế nào chúng ta dung hòa những hình ảnh đôi khi khác nhau mà chúng ta thấy về Thiên Chúa?**

Thiên Chúa thuần nhất một cách trọn vẹn

Chúa Giêsu nói với chúng ta rằng Cha trên trời là “Đấng hoàn thiện” (Mátthêu 5:48). **Thiên Chúa sẽ không là Chúa nếu Ngài không bao hàm mọi sự hoàn hảo**. Bất cứ điều tốt lành nào mà chúng ta có thể quan niệm được, Thiên Chúa hoàn toàn sở hữu điều đó. Vì vậy, Thiên Chúa **hoàn toàn tốt lành, hoàn toàn yêu thương, hoàn toàn quyền năng và thông biết tất cả, và còn nhiều hơn nữa**. **Và vì Thiên Chúa thuần nhất một cách trọn vẹn** - nghĩa là Thiên Chúa không có thành phần hay bộ phận - nên mọi sự hoàn hảo đều là một trong Thiên Chúa. Sự hiểu biết và quyền năng của Thiên Chúa là một, cũng như sự thiện hảo và sự hiện diện của Ngài là một.

Tuy nhiên, có một số điều tốt lành, chẳng hạn như **công lý và lòng thương xót, mà chúng ta khó hình dung chúng có thể sánh đôi cùng với nhau.** Công bằng là một điều tốt lành. Đó là đức tính trả lại cho người khác những gì chúng ta mắc nợ họ, những gì họ đáng được hưởng. Lòng thương xót cũng là một điều tốt lành. Chúng ta thường nghĩ về lòng thương xót như là khoan dung trước hình phạt, hoặc tha thứ cho người khác về hậu quả hành động của họ.



Không phải hai điều này xung đột sao? Nếu chúng ta hành động một cách công bằng đối với một người đã làm điều sai trái, chẳng phải chúng ta cần bắt họ phải trả giá cho hành động của họ, như một sự trừng phạt sao? Nếu chúng ta hành động nhân từ đối với một kẻ làm điều sai trái, ta thả họ ra quá sớm trước khi họ bị kết tội, hoặc thậm chí hoàn toàn bỏ qua điều sai trái đó sao? **Lòng thương xót và công lý dường như đối nghịch nhau. Tuy nhiên, cả hai đều là điều tốt lành theo đúng nghĩa của chúng.** Làm sao Thiên Chúa có thể **vừa hoàn toàn thương xót vừa hoàn toàn công bằng?**

Câu trả lời là gì?

Câu trả lời cho câu hỏi này nằm trong Thập Giá, và Thánh Tôma Aquinô giúp chúng ta hiểu được điều đó.

Trong bộ Tổng Luận Thần Học (III, q. 46, a. 1, ad.3), Thánh Tôma khẳng định rằng **Thiên Chúa có thể cứu chúng ta bằng một cách khác hơn là bằng sự hy sinh của Con Ngài.** Mặc dù Thiên Chúa có thể khôi phục nhân loại trở về với ân sủng của Ngài chỉ bằng một lời nói, nhưng **Thánh Tôma nói rằng Thập giá là phù hợp nhất, bởi vì “Cuộc khổ nạn của Chúa Kitô phù hợp với cả lòng thương xót và công lý của Ngài.”** Cuộc Khổ nạn phù hợp với công lý của Thiên Chúa vì “sự đền bù đã được thực hiện cho tội lỗi của loài người.” Hậu quả của tội lỗi là đau khổ và sự chết. **Nhờ cuộc khổ nạn và cái chết của Ngài, Chúa Kitô đã cứu chúng ta khỏi tội lỗi bằng cách gánh lấy hậu quả của tội lỗi chúng ta.** Chúa Kitô không chỉ rũ bỏ tội lỗi

của chúng ta, mà còn trả giá cho chúng. Sự đền bù món nợ cho tội lỗi của chúng ta được thực hiện, và do đó công lý được thực hiện.

Cuộc Thương Khó cũng phù hợp với lòng thương xót của Thiên Chúa, vì **“tự thân con người không thể đền nổi tội lỗi của toàn thể nhân loại”**, nên chính **Con Thiên Chúa đã đến hiến mình để cứu độ chúng ta**. Bởi vì chúng ta mắc nợ mà chúng ta không thể trả, nên Thiên Chúa đã trả nợ thay cho chúng ta, qua đó bày tỏ lòng thương xót của Ngài cho chúng ta. Điều đó giống như một vị thẩm phán xét xử con trai riêng của mình trước tòa. Vị thẩm phán ra án phạt con trai ông ta vì hành vi phạm tội của nó, nhưng sau đó ông ta cởi bỏ áo choàng thẩm phán, bước xuống khỏi băng ghế và trả tiền phạt cho con trai mình.

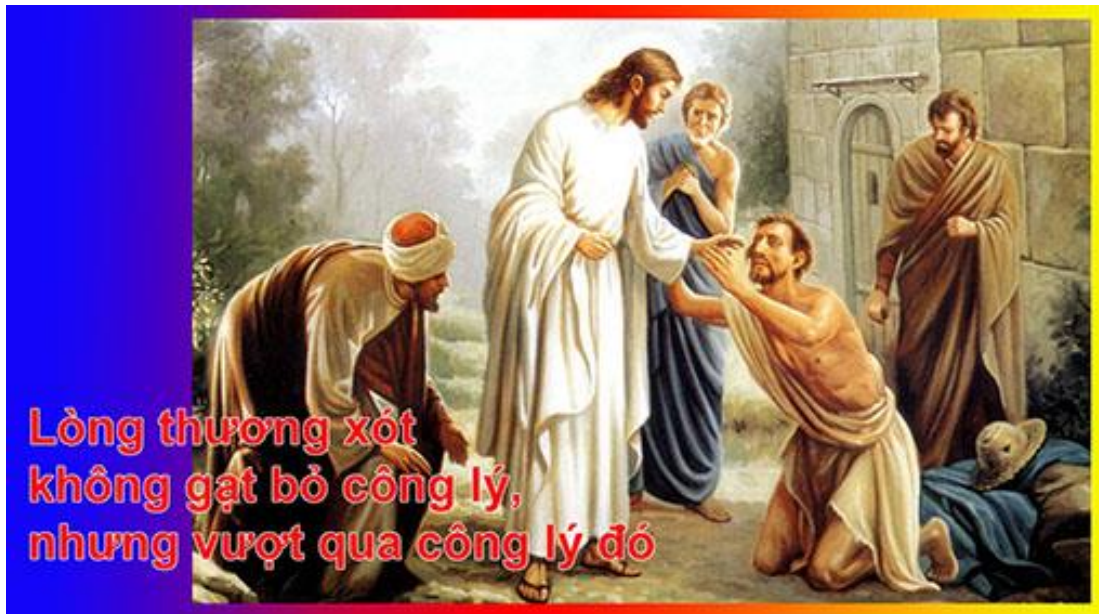


Vị thẩm phán công bằng vì ông ta yêu cầu phải thực hiện việc xét xử thỏa đáng hành vi phạm tội, và ông ta cũng nhân từ vì ông ta tự thực hiện việc đền bù thỏa đáng đó. Đây là một hành vi lớn lao hơn là chỉ đơn thuần bác bỏ hành vi phạm tội và món tiền phạt. Cũng vậy, **Thiên Chúa bày tỏ lòng thương xót của Ngài cho chúng ta bằng cách trả món nợ cho tội lỗi của chúng ta, thay vì để chúng ta mắc nợ mãi mãi**. Vì Thiên Chúa cứu chúng ta không phải bằng một mệnh lệnh đơn thuần mà bằng một hành động hy sinh chính mình, nên Ngài hành động với lòng thương xót lớn lao hơn. Như Thánh Tôma nói:

“Thiên Chúa hành động nhân từ, thực ra không phải bằng cách đi ngược lại công lý của Ngài, mà bằng cách **làm điều gì đó nhiều hơn cả công lý**; như thế, một người trả cho người khác hai trăm đồng tiền, mặc dù chỉ nợ một trăm, không làm gì trái với công lý, mà hành động một cách hào phóng hoặc nhân từ. Tương tự như vậy đối với trường hợp một người tha thứ cho một hành vi xúc phạm đến mình, bởi vì khi tha thứ cho sự xúc phạm đó, người ấy có thể được coi là đã trao ban một ân huệ.” (ST I, q. 21, a. 3, ad. 2)

Sự hiện hữu của chúng ta là lòng thương xót

Thập Giá là sự minh chứng của Thiên Chúa cho chúng ta thấy rằng lòng thương xót không đối lập với công lý. Hai điều này không trái ngược nhau. Chúng ở cùng một bên của sổ nợ. Lòng thương xót không ở phía đối lập với công lý, mà là một hình thức lớn lao hơn của công lý. Lòng thương xót không gạt bỏ công lý, nhưng vượt qua công lý đó.



Thánh Tôma lưu ý rằng **trong mọi hành động của Thiên Chúa, cả lòng thương xót và công lý đều hoạt động. Chính sự hiện hữu của chúng ta theo một nghĩa nào đó là một hành động của lòng thương xót**, bởi vì chúng ta không phải là chủ nợ của Thiên Chúa về sự hiện hữu mà Ngài thương ban cho chúng ta. **Thiên Chúa tạo dựng chúng ta từ sự tuôn đổ lòng tốt của Ngài** - vào trong chính con người chúng ta, **Thiên Chúa ban cho chúng ta nhiều hơn những gì chúng ta có quyền đòi hỏi**. Khi tha thứ tội lỗi cho chúng ta, Ngài ban cho chúng ta không kém hơn. Đức Thánh Cha Phanxicô đã gói gọn sự thật này một cách khéo léo khi ngài viết: **“Lòng Thương Xót là sự viên mãn của Công Lý và là biểu hiện rạng rỡ nhất của Sự Thật về Thiên Chúa.”** (Tông huấn Amoris Laetitia, số 311)

Phêrô Phạm Văn Trung,

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

SINH CON, NUÔI CON, DẠY CON.

Tiến sĩ Tâm Lý Trần Mỹ Duyệt

*“Để con chẳng dạy chẳng răn,
Thà rằng nuôi lợn* mà ăn lấy lòng”. [1]*

Không biết từ đâu và từ bao giờ, những tư tưởng như trên đã trở thành một thứ văn hóa dân gian dùng để mỉa mai, và cũng để nhắc nhở về bổn phận những kẻ làm cha mẹ. Trong hoàn cảnh và điều kiện sống của thế giới hôm nay, việc quan tâm về giáo dục con cái càng trở nên hết sức cần thiết. Nó đang trở nên một lời cảnh báo cho những bậc phụ huynh vì một lý do nào đó, bỏ quên trách nhiệm giáo dục và hướng dẫn con cái. Hai câu truyện sau đây không phải là những suy tưởng vô căn cứ, nhưng là một ký ức bao gồm kinh nghiệm nghề nghiệp cũng như sự suy tư của người viết.

1.

Hôm rồi, đưa con của tôi kể về một câu truyện người bạn của nó thời còn tiểu học. Bố bạn nó bỏ mẹ con nó. Mẹ nó một mình lo cho hai con trong hoàn cảnh khó khăn. Vì quá lao tâm, lao lực, mẹ nó đã chết khi mới ngoài 40 tuổi.

Hai chị em nó được một cặp vợ chồng trong chương trình Foster Parents (Cha Mẹ Nuôi) nhận nuôi, nâng đỡ, bao bọc. Vì hiểu được thân phận của mình, hai chị em đều cố gắng học hành tử tế. Khi vừa xong trung học, người chị đã ghi danh vào một đại học với ý định trở thành bác sỹ tương lai. Nó vừa đi học, vừa đi làm cho một nhà hàng để có thêm chi phí. Kết quả sau cùng nó đã đạt được ý nguyện trở thành một bác sỹ. Mấy ngày qua, nó ghé thăm Thủ Đô Tỵ Nạn và rủ con đi xem chợ hoa ăn tết....

2.

Tôi biết và quen anh đã lâu, tưởng mọi chuyện đều may mắn, nhưng gặp lại nhau thì mới biết hoàn cảnh của anh lúc này thật bi đát. Vợ anh đơn phương ly dị anh vì một người khác. Hai con anh đi theo mẹ...

Nhưng bất hạnh thay, vợ cũ của anh không chỉ có một người tình, mà là tiếp nối nhiều người tình. Tình cảm, tình yêu, và tình dục đã là mồi mịt lý trí của người đàn bà này. Chị ta bắt đầu bỏ bê việc giáo dục hai đứa con. Không quan tâm đến việc học hành, giờ giấc, và những gì xảy ra đối với chúng.

Không chỉ lơ là, thiếu trách nhiệm về việc giáo dục, người phụ nữ này còn bỏ rơi luôn con cái trong vấn đề nuôi dưỡng, ăn mặc, và sức khỏe. Hai đứa trẻ hầu như suốt tuần phải ăn mì gói. Không có mì gói thì ăn thức ăn đông lạnh, hoặc mua đồ ăn từ McDonalds hoặc Pizza. Ăn uống đã vậy, vệ sinh cá nhân thì còn khủng khiếp hơn nữa. Hai đứa không tắm, không gội đầu, không thay áo quần, không đánh răng. Chúng sống như người rừng.

Tuy là người chịu trách nhiệm và có thẩm quyền nuôi con trước pháp luật, nhưng mẹ của hai đứa lại không bao giờ liên lạc hoặc cộng tác với nhà trường để theo dõi việc học, và hành vi hạnh kiểm của hai đứa con, tất cả là do người bố vì thương hai con mà phải hy sinh chấp nhận. Ít nhất ba lần, anh đã phải bỏ sở làm về chở con đi bệnh viện tâm thần. Nhiều lần anh phải bỏ giờ nghỉ trưa, vội vàng đến trường để nói chuyện với các nhân viên y tế, tâm lý, và xã hội về tình trạng sinh hoạt và học vấn của hai con.

Về phần hai đứa con của anh, đứa con gái sau nhiều lần cãi vã kịch liệt với mẹ, nó đã bỏ học và giao du với bạn bè. Hai lần thất tình, hai lần phải vào bệnh viện tâm thần. Đến nay, sau thời gian chữa trị, nó đã định thần và nhận ra lỗi của nó. Theo anh, nó đang ghi danh học lại tại một đại học cộng đồng thay vì đáng lý nó phải học ở một đại học danh tiếng như các bạn của nó. Nhưng như vậy đối với anh cũng kể là tạm ổn.

Còn thằng em trai cũng hai lần thất tình ở tuổi 14-16. Lần gần đây, nó đã lấy dao rạch tay tự tử nhưng được phát hiện sớm và đưa đi nhà thương. Hiện giờ nó đang trong tình trạng cô đơn, và vẫn nuôi ý tưởng tự tử. Tương lại học lại là rất ít. Anh chỉ mong nó sớm bình phục rồi chuyện gì xảy ra sẽ tính sau. Tóm lại, con đường phía trước của hai chị em nó vẫn còn mờ mịt. Trước mắt, chỉ tạm ổn ở phần con chị, còn đứa em thì vẫn chưa biết tương lai sẽ đi về đâu?!

Qua hai câu chuyện trên, người đọc hiểu rằng, do sự thất bại trong hôn nhân của cha mẹ; đặc biệt, ảnh hưởng giáo dục gia đình đã dẫn đến những hệ quả rất tai hại cho con cái.

Trường hợp thứ nhất, người cha đã vô trách nhiệm bỏ rơi vợ con. Bỏ vợ là chuyện giữa hai người lớn. Nhưng ông không thể tỏ ra vô trách nhiệm, và thiếu bổn phận đối với con cái. Trường hợp thứ hai, người mẹ đã vô tâm, vô cảm, và vô đạo đức để mặc con mình rơi vào những khủng hoảng của tuổi trẻ ngay trước mặt mình. Đối xử với con mình như vậy, người mẹ này đã đánh mất bản năng làm mẹ của người phụ nữ, và không thể hiện một tình yêu căn bản đối với hai đứa con của mình.

Những điều trên càng đưa đến một kết luận rất rõ ràng và thực tế, đó là môi trường gia đình, giáo dục gia đình, và ảnh hưởng của cha mẹ hết sức quan trọng cho một đứa trẻ. Tại sao dân gian lại cố tình đưa ra những nhận xét xem như tiêu cực đối với sứ mạng của cha mẹ: “*Để con chẳng dạy chẳng răn. Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng*”. Việc sinh nở, nuôi dạy một đứa trẻ hoàn toàn khác với việc nuôi một con lợn. Nó không chỉ lệ thuộc vào cơm ăn, áo mặc, nhà ở. Nó cũng không lệ thuộc vào những nuông chiều, hoặc tiện nghi.

Tại các cuộc thảo luận về giáo dục hay gia đình, phần đông phụ huynh phàn nàn về sự nghịch ngợm, phá phách, lười biếng của tuổi trẻ, những cạm bẫy, ảnh hưởng tai hại của bạn bè, và của môi trường sống. Đa số những người này đều nghĩ rằng việc họ cho con họ mọi thứ chúng muốn, đã gửi chúng vào các trường tư, đã cho đi học kèm, học võ, học bơi, học vẽ, học đàn, học múa, đã mua điện thoại, máy tính bảng, computer, xe hơi cho chúng...Tóm lại, theo họ những đầu tư tốn kém cho tương lai của con cái như vậy nhẽ ra phải đem lại những kết quả tốt, nhưng thực tế vẫn là: Chúng tôi cảm thấy thất vọng và không biết phải làm gì hơn nữa? Tại sao con cái không nhận ra những vất vả của cha mẹ? Tại sao con cái không biết lo cho tương lai của chúng nó???

Dưới cái nhìn của tâm lý giáo dục, những hành động trên xem như nuôi một con lợn. Nó không phải là giáo dục, không phải là dạy dỗ, là răn đe. Khi bàn về giáo dục, đặc biệt là giáo dục gia đình, ca dao Việt Nam có câu: “Học ăn, học nói, học gói, học mở.”

Ăn và nói thuộc về bản năng bẩm sinh của con người. Đứa trẻ không cần phải dạy ăn hoặc nói, nhưng nó cần dạy cho biết phải ăn uống, nói năng như thế nào. Nó không phải là một con lợn, nên cần học cách ăn uống, và cách ứng xử lịch sự khi dùng bữa. Ngay từ bé, đứa trẻ phải được chỉ dạy cho biết chừng mực, điều độ khi ăn uống. Phải học biết cách kìm hãm đam mê. Không phải hễ đói là ăn, thích là ăn, muốn ăn thứ gì thì ăn cho thỏa thích. Những điều này cha mẹ phải dạy đứa trẻ khi ngồi vào bàn ăn, và khi ngồi ăn chung với người khác. Ngoài ra, nó còn phải học cách nhường nhịn anh chị em khi cần phải hy sinh, chia cơm, sẻ áo.

“Lời nói không mất tiền mua. Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Khả năng nói phải được trau dồi, phải được làm cho phát triển qua việc sử dụng ngôn ngữ: ngôn ngữ nói cũng như ngôn ngữ cơ thể (body language). Ngay từ bé, đứa trẻ phải học cách nói năng, thưa gửi, biết dùng lời nói của mình sao cho lễ phép, lịch sự, nhã nhặn. Tóm lại, ngôn ngữ là cách truyền đạt tư tưởng, trình bày ý nghĩ của một người, cho nên đứa trẻ cần phải được học hỏi, chỉ dẫn để khi lớn lên, vào đời nó biết cách sử dụng ngôn ngữ khi tiếp xúc và giao tiếp với những người chung quanh.

Tiếp tới đứa trẻ cần học gói, học mở. Điều này có ý nói về những kỹ năng sống, cách thức đối xử, xã giao với những người chung quanh, chứ không nhất thiết là việc mở hoặc gói một tấm bánh hay một món quà. Trong cuộc sống thường ngày và trong môi trường xã hội, nó phải biết nó là ai, làm gì, và muốn gì? Một đứa trẻ mà ngay từ khi còn trên gối mẹ đã được mẹ cha uốn nắn, dạy dỗ như vậy lo gì sau này không nên người. Và khi đã trưởng thành, cộng với kiến thức, khoa học và những điều học được từ trường lớp, từ kinh nghiệm cuộc sống sẽ làm nên một con người chín chắn, hiểu biết và có tư cách. Tuy không phải là những thánh nhân, quân tử, nhưng ít nhất cũng là những con người đáng nể, đáng sống, và đáng được kính trọng.

So sánh việc nuôi một con lợn và việc uốn nắn, dạy dỗ một đứa trẻ là so sánh bất tương xứng. Tuy nhiên ý nghĩa sâu cùng của nó là nói lên sự tương phản làm nổi bật tầm nghiêm trọng của việc giáo dục và rèn dạy con cái. Việc làm này đòi hỏi công sức và hy sinh của cha mẹ. Do đó, những người làm cha mẹ nên tự hỏi mình tôi đã dành bao nhiêu phút, bao nhiêu giờ mỗi ngày cho con tôi? Tôi có dành thời giờ để lắng nghe, chia sẻ, thông cảm và hướng dẫn đứa trẻ hay chỉ lo cho nó ăn, mặc, chiều chuộng, la mắng, đánh đập hoặc bỏ mặc? Ngoài ra, cái gương trước mắt mà đứa con muốn nhìn thấy chính là đời sống của cha mẹ. “Lời nói lung lay, gương bày lỗi kéo!” Đó là dạy, là uốn nắn, là hướng dẫn. Những việc làm này hết sức tế nhị, khó khăn và vất vả, vì nó còn tùy vào tuổi tác, hoàn cảnh, môi trường và tâm lý của mỗi đứa con để ứng dụng, để hướng dẫn.

Sinh con. Nuôi con. Dạy dỗ con. Đây là những trách nhiệm hết sức lớn lao, cao cả, đòi hỏi sự hy sinh, quên mình gần như tuyệt đối của cha mẹ. Bù lại, phần thưởng của các ngài cũng hết sức lớn lao:

“Các ngài là những vị đạo hạnh, công đức của các ngài không chìm vào quên lãng. Dòng dõi các ngài luôn được hưởng một gia tài quý báu đó là lũ cháu đàn con.

(Huấn Ca 44: 10-11)

*Lợn hay còn được gọi là heo.

1. <https://www.tu dien danh ngon.vn/ca-dao/ct/itemid/20205> © TuDienDanhNgon.vn

VỀ MỤC LỤC

HÃY ĐỨNG NGOÀI CUỘC

Chuyên đề:
SỨC MẠNH TÌNH YÊU
do Linh Mục Tiến Sĩ Tâm Lý
Peter Lê Văn Quảng phụ trách

54. HÃY ĐỨNG NGOÀI CUỘC



Kính mời theo dõi video tại đây:
<https://bit.ly/3DIDjKx>

Mỗi lần có dịp ghé thăm người chị của tôi, chỉ cần ở một tiếng đồng hồ thì cũng đủ cảm thấy nhức đầu, vì các cháu thay phiên nhau đến tâu thưa đủ mọi thứ kiện cáo. **Hình như hòa bình xem ra không thể có trong thế giới con trẻ vì trẻ con yêu chiến tranh hơn hòa bình.**

Hầu hết cha mẹ đều cảm thấy một sự quan tâm sâu xa về trận chiến không kết thúc giữa những con cái trong gia đình. Bố mẹ yêu mỗi đứa trẻ, mất nhiều năng lực để giải quyết những trận chiến và để dạy con cái biết sống hòa hợp với nhau. Nhiều đứa trẻ thích gây lộn với nhau và rồi **bắt đầu biết quý mến và lo lắng cho nhau khi chúng khôn lớn dần.** Những đứa khác tiếp tục hận thù và không bao giờ chịu làm hòa với anh chị em mình. Không có sự thuyết phục nào xem ra làm dịu bớt sự xung khắc đó. Hầu hết bố mẹ đã cố gắng tìm mọi cách để chặn đứng những xung đột đó, nhưng chúng vẫn cứ tiếp tục. **Xung đột giữa anh chị em là rất thông thường đến độ điều đó được coi là bình thường đối với con trẻ. Nó không bình thường chỉ vì nó xảy ra quá nhiều.** Nhưng thật ra con trẻ không nên đánh nhau. Có những gia đình, con trẻ không xung đột nhau. Khi chúng đánh nhau, có cái gì đó sai trong tương quan với nhau. Không ai cảm thấy tốt khi đánh nhau. Vì thế, nếu con cái tiếp tục đánh nhau, điều đó cho thấy rằng chúng chắc chắn cảm thấy có sự thỏa mãn nếu không thỏa mãn trong việc đánh nhau thì cũng thỏa mãn trong kết quả của việc đánh nhau.



Sự lượng định giá trị cho thấy rằng chúng ta nhận ra hành vi như là cùng đích. Ở đây chúng ta không thể thỏa mãn với sự cắt nghĩa thông thường cho việc tranh chấp hay xung đột là cái được gây ra bởi bản tính hay động lực hiếu chiến. Từ cái nhìn của chúng ta, chúng ta cần hiểu hành vi của một đứa trẻ trong hoàn cảnh xảy ra và mục đích mà nó muốn phục vụ.

Kim Thùy 8 tuổi và Đức Minh 5 tuổi đang xem tivi trong khi bà mẹ đang làm bữa ăn tối. Đức Minh xích lại gần chị nó. Chị nó dời chỗ xa hơn. Cậu bé đặt chân lên chân chị nó. Chị nó hất chân nó ra. Cậu bé ngã người dựa vào chị nó. “Không được dựa,” chị nó nói cách âm thầm chán nản nhưng vẫn chăm chú vào cốt truyện. Cậu bé cũng vẫn coi tivi nhưng không chăm chú như chị nó và bắt đầu lấy ngón tay vẽ theo đường nét của chiếc áo chị nó. Chị nó lấy tay hất tay nó. Cậu bé cười khúc khích. Cậu bé lại đưa ngón tay đi lên và lên tới tận tai chị nó. Chị nó chụp lấy tay nó và nhe răng cắn vào tay nó. Cậu bé thét lên và khóc. Mẹ nó chạy vào phòng, hỏi: “Cái gì vậy?” Bà nhanh chóng nhìn thấy cậu bé khóc và ôm lấy cánh tay lăn lộn vì quá đau. Bà vội vàng chạy tới bế nó lên và ôm nó vào lòng. Nó giơ cánh tay nó ra. Dấu răng còn rất rõ. Bà mẹ gọi: “Kim Thùy!” “Vâng, nó cứ trêu chọc con.” “Mẹ không cần biết nó đã làm gì. Con không được phép làm như thế đối với em con.”

Mục đích của cuộc chiến đó là gì? Và đâu là kết quả?

Cậu bé muốn mẹ bảo vệ nó. Vì thế, nó hành động trong cách thế để tạo nên một tình huống nó có thể đạt được điều nó muốn. **Chị nó cảm thấy bị xúc phạm vì bà mẹ bảo vệ đứa em và muốn dùng sự can thiệp để làm tăng cảm giác đó.** Vì thế, cô bé làm điều mà bà mẹ ghét nhất trong khi biết rằng bà mẹ sẽ bảo vệ em nó và sẽ tặng cho cô bé những điều không tốt đẹp. **Vì cậu em chọc giận, dĩ nhiên cô bé đau khổ trước nhất vì cậu em, sau đó càng thêm đau khổ vì bà mẹ đã đứng về phía em nó để chống lại nó. Để cô bé khỏi cảm thấy hận thù,**

bà mẹ không nên đứng về phía cậu bé và nên biết rằng chính nó là người đã gây ra rối loạn.

Vậy bà mẹ nên làm gì? Trước nhất **bà mẹ không nên làm theo phản ứng tự nhiên là chạy tới mắng la gào thét. Đó là đòi hỏi phải làm của bất cứ người mẹ nào, nhưng phải dừng lại và suy nghĩ một chút.** Tiếng thét khiến người mẹ chú ý một cách thảm thương. Nó ám chỉ rằng có cái gì sai một cách bạo động. Tuy nhiên, đó chỉ là tiếng rùng rợn và rồi đến tiếng khóc. Ô, tivi không nổ, nhà không sập, không có âm thanh nào khác ngoại trừ tiếng khóc. Điều đó chắc chắn là một trận chiến và cậu bé đã bị đau. Đúng vậy, **đó là một cuộc đánh nhau. Tôi phải ở ngoài cuộc.**



Để một bà mẹ có thể làm được hành động này, bà cần có kinh nghiệm quá khứ trong việc giữ bà khỏi những tranh chấp. Vì thế, chúng ta có thể nói rằng bà đã làm theo động lực tự nhiên – vội vàng chạy đi xem cái gì xảy ra. Bây giờ bà phải học: **không được làm theo động lực thúc đẩy đầu tiên, hốt hoảng và vội vã chạy đến khi nghe tiếng la hét của đứa bé. Sau khi đã khám phá chính cuộc chiến đã gây nên tiếng gào thét, bà nên rút lui vào nhà bếp, tiếp tục công việc chuẩn bị thức ăn của bà mà không cần nói một lời nào.** Sau đó, nếu cậu bé không muốn bị cắn, nó phải ngưng việc trêu chọc chị nó. Hành động của bà đặt trách nhiệm cho sự tương quan giữa chúng. Chúng ta không có quyền xếp đặt những tương quan giữa con cái chúng ta. Chúng ta có thể ảnh hưởng những hành động tương quan giữa chúng bằng điều mà chúng ta làm. Nếu chúng ta hành động trong cách thế đó như để loại bỏ những hậu quả của cuộc chiến, chúng ta làm phát sinh một mẫu mực mới trong quan hệ giữa chúng. Nhưng để làm được điều đó, **bà mẹ phải học để nhận biết được mục đích đằng sau hành động đó.**

“Không được đánh nhau! Các con làm mẹ phát điên bây giờ.” Bà mẹ la lên từ phòng bên cạnh.

“Cu Trí không để con xem tivi.” Bé Hồng méc mẹ như vậy.

Cậu bé nói lại: “Chị không để con xem chương trình của con.”

Với cái thờ dài, bà mẹ đi vào phòng tivi để giải quyết cuộc chiến.

Thái độ của bà mẹ cho một ám chỉ đối với cuộc chiến đó. Con trẻ cãi nhau giành tivi. Bà mẹ chán nản.

“Đừng làm mẹ nổi điên bây giờ”, bà mẹ nói trong sự buồn chán.

Thật khó tin, nhưng đây là mục đích của cuộc chiến, nó muốn làm cho bà mẹ phát điên. Điều này cho thấy đó là phương tiện lôi kéo sự chú ý của bà có hiệu quả nhất. Bà vào cuộc như một nhà trọng tài. Cuộc chiến làm bà chán, giữ bà trong sự hồi hộp, làm bà phải ngưng tất cả, và đi giải quyết vấn đề. Thật ra, **nó đã khiến bà có sự chú ý và phục vụ không mấy thích hợp.**

Bà mẹ có thể không bị làm chán nản bởi việc tranh chấp giữa hai đứa trẻ bao lâu bà nhận thức rằng **bà không phải làm bất cứ điều gì về vấn đề đó.** Càng có nhiều cảm giác về trách nhiệm đối với con cái và lợi ích của chúng thì càng thêm nhiều thất vọng khi thấy con cái mình như thế. Kết quả đương nhiên là chúng ta không thể ra khỏi những vấn đề của chúng. Sự tranh luận về chương trình tivi là của hai đứa trẻ. Đó không là chuyện của bà mẹ. Khi bà mẹ ý thức về nguyên tắc này, bà không còn cảm thấy chán chường nữa. Bà chỉ cần đi làm việc bà đang làm và **hãy để cho chúng giải quyết vấn đề của chúng. Chắc chắn là khi bà mẹ không chạy đến thì một đứa sẽ chạy đi tìm bà, bấy giờ bà mẹ có thể trả lời:**

“Mẹ xin lỗi, con đang có vấn đề, nhưng mẹ nghĩ con có thể giải quyết vấn đề đó với nhau.”

Bà hãy trao trách nhiệm lại cho chúng nó và từ chối đi vào chuyện không phải của mình. Bà cũng nên tước đoạt khỏi chúng những kết quả được mong đợi cho rằng: tranh cãi như vậy là có ích.

Hãy nhớ rằng bất cứ giải quyết bằng cách nào, cha mẹ cũng chỉ làm cho vấn đề thêm rắc rối, tồi tệ thêm khi cha mẹ can thiệp vào. **Khi có một cha mẹ can thiệp vào, họ tước đoạt con cái khỏi cơ hội học hỏi làm sao giải quyết những xung đột riêng của chúng.** Chúng ta đều đã có kinh nghiệm về những trường hợp có sự xung đột về quyền lợi, và tất cả chúng ta phải phát triển những khéo léo trong việc đối phó với những tình trạng xung đột như thế. **Chúng ta phải học cách “Cho” và cách “Nhận.”**

Mỗi lần bà mẹ quyết định ai sẽ coi chương trình nào, bà ta **đặt mình như kẻ có quyền và con cái không học được gì về sự cộng tác, sự thích nghi, hoặc trò chơi công bằng. Bao lâu chúng ta còn làm thay cho con trẻ, chúng không thể học cách tự xếp đặt cho chính chúng.** Điều này áp dụng cho sự tranh chấp và sự phát triển tự lập. Một đứa trẻ mà mọi trận chiến đều được giải quyết cho nó sẽ không bao giờ biết cách giải quyết những tình trạng khó khăn, và sẽ đi đến sự tranh chấp mà không có mục đích nào.

Thật rất khó cho cha mẹ để thấy tại sao những trận chiến giữa con cái thì không phải là công việc của cha mẹ. Họ xem đó là bổn phận của họ phải dạy chúng không chống đối nhau. Và họ có lý. Chúng ta nên dạy chúng không tranh chấp. Nhưng rất không may, sự can thiệp và việc làm trọng tài không mang lại kết quả này. Trong khi nó có thể chặn đứng những đứa trẻ đang giao đấu ngay tức khắc, nhưng không dạy cho chúng làm sao để tránh những lần xung đột kế tiếp, hoặc làm sao để giải quyết những xung đột trong cách thế khác.

Nếu những can thiệp của chúng ta thỏa mãn được con cái thì tại sao chúng nên ngưng tranh chấp. Nếu một cuộc đấu đá không sinh một kết quả nào khác hơn là sự bầm mặt hay chảy máu mũi thì đứa trẻ đó không có khuynh hướng giải quyết xung đột của nó trong cách thế khác sao? Nếu vết thương đau bởi cuộc đấm đá không suy giảm bởi những kết quả phụ thuộc khác, đứa trẻ có thể cố gắng tìm cách để tránh khỏi phải mang thêm một vết thương đau khác. Trong cách thế đó, mỗi đứa trẻ có thể phát triển cảm giác trách nhiệm đối với việc xử thế với anh chị em với nhau. Bà mẹ có thể giúp trong việc săn sóc cái lỗ mũi chảy máu nhưng không được đứng về phía nào, không được phê bình đứa nào đúng đứa nào sai. **“Mẹ xin lỗi con bị tổn thương trong khi đánh nhau” – chỉ nói vậy cũng đủ rồi.**

Và sau đây là sự chia sẻ của một bà mẹ trong nhóm chúng tôi:

“Chồng tôi và tôi bắt đầu phớt lờ cuộc chiến của hai đứa con. Thường ngày một đứa chạy đến mách chuyện về đứa khác và chúng ta thường nhảy vào cuộc chiến. Đó là một chuyện đau đầu. Tôi cảm thấy căng thẳng suốt ngày bởi những vụ kiện cáo đó. Đoạn tôi bắt đầu nói với chúng:

“Mẹ nghĩ các con có thể giải quyết vấn đề cho chính các con.”

Và tôi bắt đầu giữ yên lặng. Ngay tức khắc tôi phớt lờ bất cứ cái gì xảy ra và cũng ngay tức khắc chúng nó cũng không đến để kiện cáo nữa. Một ngày kia tôi nghe đứa em nói:

“Em sẽ đi méc mẹ điều chị làm.”

Đứa lớn nói: **“Có nói cũng vô ích. Mẹ cũng sẽ nói: con có thể tự giải quyết điều đó.”**

Đó là lần cuối cùng tôi nghe. Tôi có thể nói cho các bạn rằng điều đó đã tạo nên một sự khác biệt – không phải ở phía nào nữa, cũng không cảm thấy giận dữ khi đứa này lạm dụng đứa kia. **Tôi đã học được rằng hầu hết các trận chiến là để gây sự chú ý, và rằng đứa trẻ hơn có thể tự lo cho nó tốt hơn là bạn nghĩ.**

Bây giờ **tôi rất vững tin rằng bố mẹ nên đứng ngoài vòng tranh chấp của những đứa con,** không chỉ vì lợi ích của chúng nhưng cũng vì điều đó sẽ làm giảm bớt khoảng chín mươi phần trăm những căng thẳng mà do việc nuôi con trẻ mang đến”.

Một bà mẹ ngồi trên hành lang nói chuyện với những người láng giềng. Kim Chi 4 tuổi đi vào nhà và đứa em trai Minh Quân chạy theo sau. Cu bé đi chậm hơn để leo lên những bậc thang

nên chị nó đã đi vào phòng khi nó đến nơi. Cô bé cẩn thận đóng cửa lại khi em nó đến. Cậu bé thét lên. Bà mẹ phóng lên cầu thang, mở cửa phòng, chộp lấy cô bé và đánh nó.

“Con muốn gì khi đối xử với em con như thế? Con có thể làm kẹt ngón tay nó. Bây giờ con ở trong này cho tới khi con biết tử tế.”

Bà mẹ bế cu bé Minh Quân lên, trở lại chỗ cũ, và đặt nó lên vế bà. Không bao lâu nó leo xuống và tiếp tục trò chơi của nó. Trong khi đó những tiếng khóc thầm được nghe thấy từ trong phòng. Nhiều phút trôi qua. Cuối cùng bà mẹ đi vào phòng cô bé.

“Bây giờ con có sẵn sàng để trở thành một đứa con gái ngoan chưa?”

Nó càng khóc nhiều hơn. Bà mẹ bế cô bé lên, cô bé gục đầu vào vai mẹ. Bà mẹ mang nó ra ngoài và ngồi xuống, đặt cô bé ngồi lên vế bà và nói:

“Bây giờ con là đứa con gái ngoan của mẹ. Mẹ biết con không còn làm như vậy nữa!”

Không phải tất cả những trận chiến giữa con trẻ đều trên bình diện ngôn từ. **Cậu bé chiếm được quá nhiều chú ý. Cô bé dĩ nhiên là ganh tức về sự xuống ngôi của nó. Sự ganh tị ngày càng tăng thêm và càng ngày càng chồng chất thêm cao.** Cô bé khát khao sự chú ý của mẹ như một dấu hiệu của tình yêu. Nó khám phá ra rằng sau hình phạt là tình yêu. Nếu bà mẹ thật sự nhìn thấy cái gì đã xảy ra thì lẽ ra bà phải biết rằng **cô bé rất cẩn thận đóng cửa mà không hề làm kẹt ngón tay của em nó. Điều này cho thấy một ước muốn chú ý hơn là hận thù. Nếu là hận thù thì cô bé đã làm nát ngón tay của em nó rồi.** Cô không có ý làm tổn thương em nó nhưng có chút liên quan đến mẹ nó – **muốn lôi kéo mẹ nó hơn là em nó và muốn có tình yêu của mẹ nó sau khi bị la rầy.** Và sơ đồ đã được thực hiện một cách tuyệt vời.

Nếu những lần tranh cãi dẫn đến sự đánh lộn với đứa trẻ hơn, bố mẹ có thể chắc chắn rằng **những đứa lớn muốn tạo một rối loạn hơn là làm hại em nó.** Và đây là chia sẻ của một bà mẹ ở tại trung tâm hướng dẫn về giáo dục con trẻ.

Bà đi qua cửa của phòng chơi vào chính lúc nhìn thấy cậu bé Vinh Thắng 4 tuổi cầm chiếc xe đưa lên đầu cô em bé Liên 11 tháng tuổi. Cậu bé Vinh Thắng xem ra đang sẵn sàng dùng chiếc xe đánh vào đầu em bé nó. Cô bé bắt đầu hét. Lưu ý đến những cảnh cáo: phải tránh nhập cuộc mà bà đã lãnh hội được ở trung tâm hướng dẫn về giáo dục con trẻ, bà lấy can đảm nắm chặt bàn tay và tiếp tục đi qua cửa. Tuy nhiên, bà nhìn qua khe cửa. Điều bà thấy đã làm bà ngạc nhiên. **Cậu bé nhìn cửa mà bà vừa đi qua và cùng lúc nó nhè nhẹ hạ cái xe xuống trên đầu đứa em và xoa nhẹ đầu em với cái xe trên tay.**

Bây giờ bà mẹ thật sự tin điều bà đã được nghe. Cả hai đứa trẻ đã cộng tác để làm bà phải quan tâm. Dầu mới 11 tháng, cô bé cũng biết rằng nếu có hét, bà mẹ sẽ chạy đến và cái gì sẽ xảy ra cho anh nó. Và cậu bé cũng biết nếu nó làm cho em nó hét lên, bà mẹ sẽ chạy đến ngay. Con trẻ đã hành động như một tổ hợp để làm bà mẹ vội vàng chạy đến.

Như một qui luật, khi đứa này đe dọa đứa khác với một vật nguy hiểm, **bà mẹ có thể yên lặng đến và cắt nó đi. Điểm chính ở đây là làm điều đó cách yên lặng mà không cần phải nói gì cả.**

Ngồi vào bàn ăn, cha mẹ không có cơ hội nói chuyện mà không bị con cái cắt ngang câu chuyện. Gia đình gồm có Yến Nhi 4 tuổi và Minh Đức 6 tuổi, là những đứa con riêng của bà thuộc hôn nhân trước, Minh Trí và Yến Thanh, 5 tuổi và 7 tuổi, những đứa con riêng của ông bố. Yến Nhi dùng đũa chân đạp vào chân của Minh Trí.

“Bố ơi, Yến Nhi đá chân con” cu Trí cảm râm.

Bà mẹ xen vào:

“Yến Nhi, đừng đạp đây chân nữa. Để ý cung cách của con.” Yến Nhi ngồi yên ăn.

“Bố, Minh Đức không để con lấy muối,” Yến Thanh lẩm bẩm.

“Đức, con chuyển hũ muối sang,” bà mẹ ra lệnh. Cu Đức chuyển hũ muối sang.

“Mẹ, Minh Trí cứ thúc vào cùi chỏ con,” Minh Đức cảm râm.

Lần này ông bố nặng giọng:

“Minh Trí để cùi chỏ vào chỗ con.” Cu bé lui cùi chỏ về.

“Mẹ, Yến Thanh lấy giấy của con” Yến Nhi khóc.

“Yến Thanh, trả tờ giấy lau miệng cho Yến Nhi,” ông bố ra lệnh.

Lần lượt hết đứa này đến đứa khác kiện cáo, chúng chọc phá nhau và nạn nhân tức khắc kêu cầu công lý. Cuối cùng ông bố nổi cơn:

“Khi nào thì các con không tranh chấp nhau nữa? Chúng ta không có được một bữa ăn trong bình an sao? Bố chán và mệt mỏi lắm rồi. Bây giờ đứa nào không giữ luật sẽ bị phạt.”

Bây giờ, **các bé kết thúc bữa ăn mà không gây ra một bất ổn nào khác, nhưng mọi người xem ra căng thẳng và không được vui.**

Sự tranh chấp của con cái khiến cha mẹ bận rộn. Cần lưu ý: mỗi đứa trẻ phàn nàn với cha mẹ riêng nó và cha mẹ phía bên kia cố gắng sửa đổi tình thế. Đứa trẻ phía này trêu chọc đứa trẻ phía kia vì đó là cách bảo đảm nhất để tạo nên hành động của bố mẹ. Bố mẹ có khuynh hướng xem con trẻ là bất an và cảm thấy cưỡng bách phải gìn giữ một tiến trình công bình. Vì thế, mỗi đứa bây giờ cố gắng kích động đứa trẻ phía bên kia để giữ bố mẹ mình bận rộn với mình. Chúng làm việc cách khéo léo.

Trong một vài gia đình, bố mẹ cố gắng bảo vệ con riêng của người bạn mình, nhưng cũng có người bảo vệ con riêng của họ. Nhưng trong mỗi trường hợp, con trẻ thường kích động bất cứ ai đáp trả cách hữu hiệu nhất.

Vấn đề là con trẻ chỉ ngưng chiến khi bị đe dọa trừng phạt cho thấy rằng mục đích của chúng là gây sự chú ý. Nếu không, sự đe dọa như thế lẽ ra đã dẫn đến sự lộn xộn hơn. Vì thế, mỗi đứa trẻ đều chịu thua phục sau khi đã thành công trong việc chiếm được sự chú ý của bố mẹ. Điều này cũng cho thấy cuộc chiến là giá cho sự chú ý.

Cả hai bố mẹ chỉ có thể giúp con cái họ khi họ ngưng sự chú ý quá đáng và để cho con cái họ tự giải quyết vấn đề của chúng. Nếu thái độ của con cái họ ở bàn ăn quấy rối sự an bình của gia đình, bố mẹ có thể từ chối ăn uống với chúng cho tới khi nào chúng muốn có một bữa ăn gia đình đầm ấm. Bao lâu có sự bất đồng nổi lên, cả 4 đứa có thể được nói lý do và bị yêu cầu rời khỏi bàn ăn. Trong cách thế đó, chúng mới có thể học sống chung với nhau ở bàn ăn. Trong việc yêu cầu chúng rời khỏi bàn ăn, bố mẹ không nên đi vào xung khắc, không nên dục vào cuộc tranh cãi, và phải tỏ ra cứng rắn.

Cô bé Thanh Nga 6 tuổi ngồi bên cạnh anh nó Thanh Quang 9 tuổi, đang xây công trình trò chơi của nó. Thanh Mỹ 7 tuổi rưỡi giúp anh nó làm. Mọi người đang im lặng và hăng hái, bỗng Thanh Nga giang gót chân đụng vào anh nó Thanh Quang.

“Nga lấy chân đi,” Thanh Quang la lớn khi em nó hất chân đụng lần thứ hai.

“Cái gì?” Cô bé Thanh Nga hỏi lại giả vờ như không biết gì.

Sau cùng, cô bé lấy chân đi. Rồi cô bé lại giã chân ra. Anh nó đánh vào chân nó. Cô bé nhảy nhồm, khóc, và chạy vào trong nhìn ra cửa sổ. Từ cửa sổ nhìn quanh, cô bé nhìn thấy bà mẹ đang làm việc trong vườn hồng. Lúc này, cô bé mới thét lên và khóc:

“Mẹ, anh Quang đánh con.”

Bà mẹ ngưng việc và đi vào nhà. Bà nhìn thấy vết đỏ trên chân của Thanh Nga, yên ủi nó, và lập tức đi gặp anh nó.

“Quang, tại sao con đánh em con?”

“Nó chọc con trước” cậu bé bảo vệ mình.

“Em không đánh. Anh đánh em, cô bé hét lên, em không làm gì cả.”

“Mày cũng đánh tao, cậu bé la lên, mày đá tao nhiều lần.”

“Mẹ, con không đá ảnh. Con chỉ giang chân mà thôi và chân đụng phải ảnh. Con không đá ảnh.”

“Đừng có già mồm” cậu bé nạt lại.

Bà mẹ can thiệp: “Con phải biết xấu hổ. Bé Nga là đứa nhỏ nhất trong nhà và con là đứa lớn nhất. Con nên là một mẫu gương tốt. Con thật là ác khi con đánh một đứa nhỏ hơn con. Bây giờ con xin lỗi em đi và đừng bao giờ đánh em nữa.”

Trong khi bà mẹ quở trách cu Quang, cô bé Thanh Mỹ ngồi quan sát tất cả.

“Mẹ, con không đánh em” Thanh Quang nói.

“Mẹ biết con là đứa con trai tốt. Nhưng tại sao con thử mẹ như thế. Tại sao con không cư xử tử tế với chính con. Hãy xin lỗi em con đi.”

Cô bé Nga ngưng khóc và đứng nhìn anh nó với sự thích thú. Mặt cúi xuống, liếc mắt nhìn, và nở nụ cười mỉa mai trên môi. Cậu bé Quang làm bằm: “Xin lỗi” mắt nhìn xuống sàn nhà.

Bà mẹ lưu ý: “Bây giờ hãy chơi lịch sự với nhau. Tụi con nên yêu nhau vì là anh em với nhau. Không được đánh nhau nữa nghe chưa!”

Bà mẹ rời chúng nó. Cu Quang đi vào phòng nghiên răng giận dữ. Cô bé Nga hình mũi nói với anh:

“Mẹ nói anh nên lịch sự với em vì em là đứa nhỏ nhất.”

“Cóc kìa! Thôi đừng nói chuyện đó nữa. Đó là chuyện của tao và tao không muốn mày luẩn quẩn ở đây nữa.”

Cô bé quay một vòng và rời khỏi anh nó.

“Đi mách đi cô bé” cu Quang chọc tức cô bé.

Cô bé đi vào bếp tìm mẹ:

“Mẹ, anh Quang không cho con chơi với anh. Anh chọc tức con” cô bé cảm râm.

Bà mẹ đi vào phòng của cu Quang:

“Con ơi, sao vậy? Tại sao con không cho em chơi với con?”

“Nó làm lộn xộn tất cả đồ của con.”

“Quang, con hư lắm. Con đi ngồi vào ghế ở trong bếp kia cho tới khi nào con cảm thấy thích chơi với em con.”

Nói rồi, bà mẹ chộp lấy cánh tay của bé Quang trong lúc cô em nhìn với sự giận dữ. Bà mẹ đưa cậu bé vào bếp và đặt vào trong ghế. Cô bé Nga hài lòng và trở lại với Thanh Mỹ:

“Chúng ta đi ra ngoài chơi chị Mỹ.”

“Vâng, chúng ta chạy ra chơi trong lều.”

Cả hai đều phóng nhanh ra ngoài và rời khỏi đó.

Nhiều lần chúng ta cảm thấy rằng chúng ta cần có thêm hai mắt ở đằng sau đầu. Nếu được như vậy, trong trường hợp này, bà mẹ có thể đã có lợi là nhìn thấy được điều trẻ con nói với bộ mặt của chúng. Cu Quang, hai vai nặng gánh với trách nhiệm là đứa lớn nhất, có đủ thời gian thích nghi với hai đứa em của nó. Tương quan giữa con trẻ với nhau là tranh chấp. **Bà mẹ trong cố gắng giải quyết những trận chiến bằng cách tách rời chúng ra và thuyết phục chúng hãy yêu thương nhau, nhưng với cách đó bà chỉ làm cho vấn đề thêm trầm trọng. Bà đứng về phía đứa nhỏ hơn bằng cách bảo vệ nó chống lại đứa lớn.** Sự bảo vệ thái quá của bà củng cố quan niệm của cô bé về nó như một đứa sơ sinh, là đứa có thể đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt. Ở tuổi 6, cô bé có thể tự lo cho chính mình và không cần phải bảo vệ cho nó nữa. Ngay dầu những đứa lớn hơn thật sự nên trông chừng nó, nó hoàn toàn có thể tự bảo vệ được chính mình. Trong việc làm cho bé Quang trở thành người bị cáo, bà mẹ đã rơi vào bẫy của cô bé Nga để đê anh nó xuống và để nó nổi lên. Cái trò lên lên xuống xuống này tùy thuộc vào cha mẹ đứng về phía nào trong trận chiến giữa các con trẻ. Đứa trẻ thất bại kết thân với đứa thành công hơn. Như vậy, **không lâu sau khi trận chiến được giải quyết, trận chiến khác đang được chuẩn bị. Bất cứ khi nào cha mẹ còn đứng về một phía, đứa này là kẻ chiến thắng,**

và đưa kia là kẻ chiến bại. Người ta có thể chắc chắn rằng người chiến thắng là người xếp đặt để thuyết phục được cha mẹ về sự vô tội của nó, và **thường là đưa khơi nguồn trận chiến.** Cố gắng chiếm được ưu thế và có cha mẹ đứng về phía mình làm cho vấn đề càng dễ mang lại một trận chiến từ phía đối thủ. Sự nổi loạn nằm đằng sau trận chiến. Với sự nổi loạn trong đầu, làm sao những lời giáo huấn của chúng ta về sự yêu thương nhau có được kết quả? Việc giáo huấn chỉ làm tăng sự khó khăn vì nó đòi hỏi một điều nên làm mà người ta không thể đáp ứng nên chỉ làm tăng thêm căng thẳng.

Nếu bà mẹ nhìn cô bé Nga chỉ cần một giây, bà có thể nhìn thấy được tương quan giữa những đứa con. Luôn có vẻ thỏa mãn trên nét mặt của đứa con không bị quở trách. Đứa bị khiển trách không được ưu đãi. Một lần nữa, cô bé cố ý tạo nên cuộc chiến để đẩy anh nó đến chỗ rắc rối. Điều đó mang lại sự hồi hộp và càng củng cố vai trò của cô bé. **Sự kiện là cô bé chạy đi tìm cho ra mẹ nó đang ở đâu trước khi khóc là một máu chó.** Thanh Mỹ lợi dụng tình thế để nhắc nhở mọi người về việc nó tốt là đường nào để củng cố địa vị của nó. Một lần nữa, bé Quang cảm thấy mình trong vai trò của đứa con xấu. **Vì nó đã bị kết án như vậy nên nó không thêm cố gắng để có liên quan tốt đẹp với em nó. Khi bà mẹ can thiệp vào sự tranh cãi của chúng, bà cũng cố quan niệm về chính mình của mỗi đứa trẻ, củng cố quan niệm sai lầm về giá trị của mỗi đứa, và thay vì dạy cho chúng ngưng chiến, bà lại cho chúng thấy chiến tranh thì có lợi biết bao.**

Nếu bà mẹ phớt lờ tình trạng đó đi và cho thấy sự tin tưởng vào khả năng của cô bé có thể tự lo cho chính nó, và để điều đó cho chúng nó tự giải quyết những khó khăn của chúng, cuộc chiến sẽ mất đi sự hấp dẫn của nó. Cái khóc thét lên của cô bé là một chiến thuật, không phải là kết quả của cuộc chiến. Nếu bà mẹ không bị ám ảnh mỗi lần cô bé khóc, cô bé sẽ bỏ đi chiến thuật khóc la vô ích đó.

Dĩ nhiên, nếu bố và mẹ giao chiến, con cái sẽ bắt chước. Chúng thấy kỹ thuật này được dùng bởi người lớn như một phương tiện để giải quyết những khó khăn và như vậy chúng cũng có thể dùng. Trong trường hợp này, đánh nhau là phương tiện để giải quyết vấn đề, có thể trở thành một giá trị của gia đình, cho dầu một đứa nổi loạn có thể di chuyển trong chiều hướng ngược lại và phát triển những giá trị ngược lại với những giá trị của bố mẹ nó.

Luôn luôn có sự tranh chấp quyền lực trong một cuộc đánh đấu nhau. Những người bằng nhau không cần dùng những xung khắc như một phương tiện để chiếm ưu thế. Họ có thể giải quyết sự khác biệt mà không cần thắng bại. Nhưng khi cảm giác về vị thế của một người bị đe dọa bởi sự biến động của người kia, sự xung đột biến thành một sự đọ sức. Sự thù nghịch được khơi dậy để tỏ cho thấy sự thiếu chú trọng đến lịch sự và quan tâm, và người ta tìm cách phục hồi tình trạng đã mất với giá phải trả của đối phương. Khi chúng ta đứng về phía đứa bé sơ sinh, bảo vệ đứa trẻ nhất chống lại đứa lớn nhất, chúng ta đứng lên bảo vệ cho đứa trẻ bị lạm dụng, chúng ta củng cố cảm giác mặc cảm bé nhỏ vô dụng của nó và dạy nó cách dùng sự bất lực và

yếu kém của nó để chiếm sự quan tâm đặc biệt, càng làm tăng thêm tình trạng không tốt đẹp mà chúng ta muốn loại bỏ. **Khi chúng ta để mặc cho chúng, chúng sẽ thiết lập một tương quan bình đẳng và công bằng hơn chúng ta cung cấp cho chúng.** Chúng học bằng ảnh hưởng của thực tại để phát triển sự ngoại giao, bình đẳng, công bằng, công chính, quan tâm, và sự kính trọng lẫn nhau. Đây là những điều mà chúng ta muốn con cái chúng ta học. **Chúng ta cố gắng giúp chúng bằng cách đứng ngoài cuộc để cho chúng có khoảng trống để phát triển.**

Người ta có thể có một cuộc thảo luận thân tình về sự tranh chấp mà không phải dùng đến tay chân để đấm đá, và vạch ra với con trẻ những cách thế giải quyết những khó khăn. Tuy nhiên, điều này không thể làm được trong lúc trận chiến đang diễn ra, vì lúc đó lời nói không làm được gì, mà chỉ trở thành khí giới cho trận chiến đang tiến hành.

Lm. Peter Lê Văn Quảng

Hẹn gặp lại

LỜI NGỎ: Ngay sau mùa đại dịch, những cộng đoàn ở VN có nhu cầu mở những khóa chuyên nghiệp như: **Tâm Lý Mục Vụ (Bệnh Nhân, Hôn Nhân và Gia Đình)** hay **Tâm Lý Lãnh Đạo**, hoặc giúp **Giảng Phòng**, tôi xin tình nguyện về giúp miễn phí, ngay cả vé máy bay cũng miễn phí. Tôi chỉ muốn làm một chút gì cho Quê Hương và Giáo Hội quê nhà trước khi mình già yếu.
Trân trọng,
Lm. Peter Lê Văn Quảng Psy.D.
Email: quang1951510@gmail.com
Viber: 886-974333840.



VỀ MỤC LỤC

HIỆP THÔNG HIỆP HÀNH NỀN TẢNG VỚI THIÊN CHÚA

Tác phẩm

THƯƠNG CHO ĐẾN CÙNG

ĐỜI LINH MỤC THỪA TÁC

2022

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy, PSS



Phần Thứ Ba

GIẢI PHÁP BỜI CÁC TƯƠNG QUAN HIỆP HÀNH TRONG GIÁO HỘI

Hai

HIỆP THÔNG HIỆP HÀNH NỀN TẢNG VỚI THIÊN CHÚA

1. Hiệp Thông Hiệp Hành với Chúa trong Kinh Thánh

a. Hiệp Thông Hiệp Hành Trong Cựu Ước

Cựu Ước nói đến sự hiệp hành giữa Thiên Chúa và Israel qua việc Ngài tuyển chọn và thiết lập với Israel một mối liên hệ mật thiết. Sách Sánh Thế cho thấy Thiên Chúa muốn hiệp hành với nhân loại khi phán: “*Chúng ta hãy làm nên con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta*” (St 1,26). Ngài dựng nên con người để Ngài có thể nói với và kẻ đó lắng nghe Ngài. Ngài muốn họ hiệp hành với Ngài và hiệp hành với nhau khi tạo dựng họ có nam có nữ, bằng mối hiệp hành thâm sâu của Chúa Ba Ngôi và mối hiệp hành liên vị trong tình huynh đệ giữa người với người⁸.

Thiên Chúa luôn tỏ ra gần gũi và đem con người đi theo mình: *Enoch bước đi với Chúa* (St 5,22.24), *Noe, một người công chính bước đi với Chúa* (St 6,9). Nhưng rồi sự yếu đuối của con người đã tạo hố sâu ngăn cách và *bước đi trước mặt Chúa* chứ không phải *bước đi với Chúa nữa* (x.St 17,1), và Thiên Chúa chỉ đơn giản hiện ra trong thị kiến (x.St 3,8; 17,1; 35,9). Song với Abraham, sự hiệp hành được hồi phục: Thiên Chúa muốn là Chúa của Abraham và miêu duệ ông (x.17,8b), qua Lời cam kết vĩnh viễn với Abraham và miêu duệ ông, qua cuộc giải phóng Israel khỏi ách nô lệ Ai cập (x.Xh 6,6-7), và qua việc xây dựng Đền Thờ, nhờ đó Ngài luôn hiện diện giữa dân (x.Xh 25,8; 29,45-46). Phần Israel phải cam kết chu toàn các chỉ thị phượng tự và tuân giữ các giới răn của Chúa: “*Nếu các ngươi theo các quy tắc của Ta, tuân giữ các mệnh lệnh*

⁸ x. Huấn thị Đời Sống Huynh Đệ trong Cộng đoàn số 9.

của Ta và đem ra thực hành, Ta sẽ đặt nơi ở của Ta giữa các người, và sẽ không chán ghét các người. Ta sẽ đi đi lại lại giữa các người; Ta sẽ là Thiên Chúa của các người, còn các người sẽ là dân của Ta” (Lv 26,3.11-12).

b. Hiệp Thông Hiệp Hành Trong Tân Ước

Thiên Chúa là Tình Yêu, mà tình yêu thì luôn mở ra với *những tương quan và hành vi yêu thương*. Những tương quan và hành vi này nơi Thiên Chúa rất hiện thực và trọn vẹn: đó là *Hiệp hành Tình yêu* sâu xa giữa Ba Ngôi. Các Ngôi vị hướng về nhau, đến với nhau, gắn bó với nhau, tự hiến cho nhau, ở trong nhau và nên một với nhau (ad intra). Giáo Hội bắt nguồn từ *mầu nhiệm Hiệp hành Ba Ngôi* và hành trình hướng về sự *Hiệp hành Ba Ngôi*. Hiến chế Tín Lý về Giáo Hội viết: “*Giáo Hội phổ quát xuất hiện như một dân tộc được hợp nhất do sự Duy nhất giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần*”⁹.

Khi công trình Chúa Cha trao phó cho Chúa Con thực hiện trên trần gian đã hoàn tất, Chúa Thánh Thần được cử đến vào ngày lễ Ngũ Tuần để không ngừng thánh hoá Giáo Hội. Chúng ta hiệp hành với *Thiên Chúa Ba Ngôi* (trong Chúa Thánh Thần chúng ta nên một với Chúa Giêsu, và nhờ Chúa Giêsu chúng ta nên một với Chúa Cha); rồi nhờ kết hợp với Chúa Giêsu trong Chúa Thánh Thần, chúng ta nên một với nhau, làm thành Giáo Hội, *Thân Thể mầu nhiệm* của Chúa. Nhờ việc thánh hiến, linh mục được thông phần vào quyền bính mà Chúa Kitô điều khiển Giáo Hội nhờ Chúa Thánh Thần, nghĩa là linh mục được thông hiệp cách riêng biệt và đặc thù với Thiên Chúa Ba Ngôi. Quả thế, bản chất và sứ vụ linh mục không thể được xác định nếu không có những tương quan bắt nguồn từ Chúa Ba Ngôi, được kéo dài trong sự hiệp hành của Hội Thánh và của toàn thể nhân loại¹⁰.

Như vậy, đời sống và sứ vụ của linh mục là tiếp nối đời sống và sứ vụ của Chúa Kitô. Căn tính linh mục liên quan thiết yếu với tình thương cứu độ của Chúa Cha, với sự tuyển chọn và kêu gọi đích danh của Chúa Kitô, và với ân huệ thông ban sự sống của Chúa Thánh Thần, nhờ đó linh mục tìm được sức mạnh hướng dẫn cộng đoàn đã được trao phó cho mình, và gìn giữ cộng đoàn ấy trong sự hiệp nhất như Chúa muốn¹¹.

Hiệp Thông luôn là một ân sủng mà Chúa Giêsu đã tha thiết cầu xin cùng Chúa Cha: “*Con không những cầu nguyện cho những người này, nhưng còn cho những ai nhờ họ mà tin vào Con, để tất cả nên một, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha để họ cũng ở trong chúng ta*” (Ga 17,20-21). Giáo Hội không ngừng đón nhận ân sủng đó: Nhờ mầu nhiệm Nhập Thể, Chúa Kitô mặc lấy nhân tính của chúng ta; nhờ Phép Rửa, Chúa Thánh Thần tháp nhập chúng ta vào thần tính của Chúa Kitô; nhờ Bí tích Thánh Thể, chúng ta càng được hiệp thông sâu xa hơn nữa với Mình và Máu Chúa Kitô, được sống bằng sự sống của Người và nên một với nhau.

Hiệp Thông này vừa vô hình (hiệp thông với Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô, trong Chúa Thánh Thần), vừa hữu hình (trong phẩm trật Hội Thánh). Phẩm trật được Chúa Giêsu lập ra để phục vụ và hướng dẫn Giáo Hội. Phẩm trật không đi ngược với sự hiệp thông, trái lại được Chúa Thánh Thần sử dụng để hoàn toàn phục vụ sự hiệp thông. Và Hiệp thông là đặc tính căn bản của sứ vụ linh mục trong tình yêu và ân sủng của Ba Ngôi Thiên Chúa: Vì yêu thương, Chúa Cha đã sai Con Một đến cứu độ loài người, và nhờ Bí tích Truyền Chức, linh mục trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô là Đầu và là Mực Tử, Đấng đã đến “*không phải để được kẻ hầu người hạ nhưng để phục vụ và hiến mạng sống làm giá cứu chuộc cho mọi người*” và “*để đoàn chiên được sống và sống dồi dào*” (Mt 20,28; Ga 10,10).

Cũng nhờ Bí tích Truyền Chức, linh mục lãnh nhận ấn tín Chúa Thánh Thần để nên Ngôn sứ, Tư tế và Mực tử. Là *Ngôn sứ*, linh mục loan báo và giải thích Lời Chúa một cách có thẩm

9 Lumen Gentium số 4.

10 JP. II, Pastores Dabo Vobis, số 12.

11 Chi Nam 1994 số 4-11; PO số 6

quyền, vì được Thần Chân Lý soi dẫn. Là *Tư Tế*, linh mục hành động nhân danh Chúa Kitô, luôn thông hiệp với Chúa Thánh Thần, Đấng làm phát sinh hiệu năng các Bí tích. Là *Mục tử*, linh mục luôn được Chúa Thánh Thần soi sáng để hướng dẫn và gìn giữ cộng đoàn trong sự hiệp nhất (“*hiều đặc sủng khác nhau nhưng chỉ có một Thánh Thần*” x. 1 Cr 12,4).

Hội Thánh biểu lộ tình yêu và sự sống hiệp thông với Ba Ngôi Thiên Chúa, đồng thời có sứ vụ trao ban sự hiệp thông ấy cho nhân loại. Linh mục là người của Hội Thánh nên phải luôn sống tình hiệp thông trong Hội Thánh. Hiệp thông hiệp hành chính là nét đặc trưng của đời sống linh mục và là điều kiện làm trở sinh hoa trái cho thừa tác vụ của linh mục. Linh mục còn được tham dự vào chiều kích hôn ước giữa Đức Kitô và Hội Thánh, yêu mến Hội Thánh bằng cách cống hiến mọi năng lực và tự hiến mình trong Đức ái Mục tử đến độ hy sinh chính cuộc sống mình hằng ngày.

2. Hiệp Thông Hiệp Hành trong Căn Tính Linh Mục

Hiến Chế Tín Lý *Lumen Gentium* về Giáo Hội của Công đồng Vaticanô II bắt đầu với cái nhìn chiêm ngắm Mầu Nhiệm Ba Ngôi¹² và cũng kết thúc với cái nhìn chiêm ngắm Mầu Nhiệm khôn tả này: “*Tất cả các Kitô hữu hãy tha thiết khẩn nguyện Mẹ Thiên Chúa cũng là Mẹ nhân loại, để như ngài đã trợ giúp Giáo Hội sơ khai bằng lời cầu nguyện, thì ngày nay, được tôn vinh trên trời, vượt trên các thánh và các thiên thần, ngài cũng chuyển cầu cùng Con ngài trong sự hiệp thông của toàn thể các thánh, cho tới khi mọi gia đình dân tộc, hoặc đã được vinh dự mang danh hiệu Kitô hữu, hoặc chưa nhận biết Đấng Cứu Chuộc mình, đều hân hoan đoàn tụ trong an bình và hoà thuận, họp thành đoàn Dân Thiên Chúa duy nhất, để làm vinh danh một Chúa Ba Ngôi chí thánh*”¹³.

Giáo Hội là hình ảnh của sự hiệp thông Ba Ngôi và sự hiệp thông Ba Ngôi là cội nguồn của Giáo Hội. Cội nguồn Ba Ngôi của Giáo Hội không cho phép Giáo Hội co rút vào chính mình (ad intra), nhưng ngược lại là khởi điểm cho sứ mạng loan báo Tin Mừng, làm chứng cho tình liên đới và chia sẻ, cho sự hiệp hành giữa các thành phần trong Giáo Hội theo cách thể của Chúa Ba Ngôi (ad extra). Giữa lòng Giáo Hội hiệp hành này, linh mục có sứ mạng xây dựng và làm triển nở sự hiệp hành của Giáo Hội.

Pastores Dabo Vobis số 12 đã viết: “*Căn tính linh mục, cũng như bất cứ căn tính nào của người Kitô hữu, bắt nguồn từ Mầu Nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi*”. Còn *Christifideles Laici* số 22 tổng hợp giáo huấn của Công đồng bằng cách trình bày Giáo Hội như là mầu nhiệm, hiệp thông và sứ vụ: “*Giáo Hội là mầu nhiệm bởi vì tình yêu và sự sống của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần là ân huệ tuyệt đối nhưng không, được ban cho tất cả những ai sinh ra bởi nước và Thần Khí (x. Ga 3,5), được kêu mời sống chính sự hiệp thông của Thiên Chúa, biểu lộ và lan truyền sự hiệp thông ấy trong lịch sử (sứ vụ)*”.

Chính trong lòng Giáo Hội xét như là mầu nhiệm hiệp thông giữa Thiên Chúa Ba Ngôi mà căn tính của mọi Kitô hữu, cũng như căn tính loại biệt của linh mục được mạc khải. Quả vậy, nhờ sự thánh hiến đã lãnh nhận qua bí tích Truyền Chức Thánh, linh mục được Chúa Cha sai đi, được nên đồng hình dạng với Chúa Giêsu, Đấng là Đầu và Mục Tử, để sống và hoạt động trong sức mạnh của Chúa Thánh Thần nhằm phục vụ Giáo Hội và cứu độ thế giới¹⁴. Nhờ đó, chúng ta hiểu được tính chất thiết yếu của căn tính linh mục là được phát sinh từ tình yêu của Chúa Cha, ân sủng của Chúa Giêsu và ơn hiệp nhất của Chúa Thánh Thần. Qua bí tích truyền chức, linh mục được hội nhập vào sự hiệp hành với Giám mục và với các linh mục khác để phục vụ Dân Chúa và dẫn dắt mọi người đến với Chúa Kitô, như lời Ngài cầu nguyện: “*Lạy Cha rất thánh, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha, xin cho chúng cũng ở trong chúng ta, để cho thế gian tin rằng Cha đã sai Con*” (Ga 17, 11-21).

12 x. LG số 1-4.

13 x. LG số 69.

14 Tông Huấn *Christifideles Laici* số 23.

Chúng ta không thể xác định bản chất và sứ vụ của chức linh mục thừa tác ở bên ngoài những tương quan từ Mầu Nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi và nối dài trong sự hiệp thông với Giáo Hội xét như là dấu chỉ và khí cụ của sự nối kết giữa loài người với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại. Chính vì vậy, qui chiếu về Giáo Hội là điều cần thiết để định nghĩa căn tính linh mục. Giáo Hội là sự viên mãn, là Thân Thể và là Hiền Thê của Chúa Kitô, là dấu chỉ, là kỷ vật sống động nói lên sự hiện diện liên lí của Ngài, cũng như hoạt động của Ngài giữa chúng ta và cho chúng ta.

Linh mục tìm được sự thật về căn tính của mình trong việc tham dự cách loại biệt vào Đức Kitô và nối tiếp chính Ngài, vị tư tế Tối Cao và độc nhất của Giao Ước mới: linh mục là hình ảnh sống động của Chúa Kitô linh mục. Chức tư tế của Chúa Kitô là cội nguồn độc nhất của chức tư tế cộng đồng của tín hữu và cách riêng của chức tư tế thừa tác của linh mục. Bởi đó, qui chiếu về Chúa Kitô là chìa khoá tuyệt đối cần thiết để có thể thấu hiểu thực tại linh mục.

Trong nghi lễ phong chức, Giám mục được xúc dầu thánh ở trên đầu, nhận Thần Khí thủ lãnh, để lãnh đạo Dân Chúa, dẫn dắt Dân Chúa trên con đường lối thứ trần gian về với Chúa. Trái lại, linh mục được xúc dầu thánh trong lòng bàn tay, để đôi bàn tay được hiến thánh xứng đáng dâng của lễ, và trở thành những cánh tay nối dài cho sứ vụ tông đồ của Giám mục.

3. Hiệp Thông Hiệp Hành trong Bí tích Thánh Thể

Trọng tâm của Mầu nhiệm Giáo Hội là Hy tế Tạ ơn mà Giáo Hội cử hành hằng ngày, để tôn vinh Ba Ngôi Thiên Chúa. Hy tế Tạ ơn cũng là trọng tâm của sự Hiệp hành trong Hội Thánh. Nhờ được nối kết với Chúa Kitô mà chúng ta nên một với nhau và nên một với Ba Ngôi Thiên Chúa. Thánh Phêrô nói: *“Hãy để Thiên Chúa dùng anh em như những viên đá sống động mà xây nên ngôi đền thờ thiêng liêng, và hãy để Thiên Chúa đặt anh em làm hàng tư tế thánh, dâng những lễ tế thiêng liêng đẹp lòng Người, nhờ Đức Giêsu Kitô”*.

Công trình thiêng liêng này được xây dựng cách đặc biệt khi Mình và Máu Thánh Đức Kitô được thể hiện từ bánh và rượu do chính thân mình của Người là Hội Thánh hiến dâng. Chén chúng ta uống là thông phần Máu Đức Kitô, và bánh chúng ta ăn là dự phần vào thân thể Chúa Kitô. Bởi vì chỉ có một tấm bánh, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể khi chia sẻ cùng một bánh ấy. Xin cho ơn đã biến Hội Thánh thành thân mình Đức Kitô cũng làm cho chúng ta, nhờ liên kết chặt chẽ với nhau mà biết kiên trì sống hiệp hành với nhau trong thân mình ấy. Thánh Phaolô dạy phải thiết tha duy trì sự hiệp hành thiêng liêng này bằng cách ăn ở hòa thuận gắn bó với nhau: *“Anh em hãy sống cho xứng với ơn kêu gọi mà Thiên Chúa đã ban cho anh em. Anh em hãy ăn ở thật khiêm tốn, hiền từ và nhẫn nại, hãy lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau. Anh em hãy thiết tha duy trì sự hiệp nhất mà Thần Khí đem lại, bằng cách ăn ở thuận hòa gắn bó với nhau. Chỉ có một thân thể, một Thần Khí”*. ĐTC Phanxicô nói: *“Chúng ta chỉ có thể là những người đánh cá người, nếu trước tiên chúng ta nhìn nhận mình đã được sự dịu dàng của Chúa thu hút. Ơn gọi của chúng ta bắt đầu khi rời bỏ lãnh vực cá nhân chủ nghĩa và những dự phóng bản thân của chúng ta, chúng ta tiến bước trong cuộc du hành thánh, phó thác cho Đấng là Tình Yêu đã tìm kiếm chúng ta và Tiếng Nói đã làm rung động tâm hồn chúng ta”*.

Để chu toàn việc cầu nguyện không ngừng, ĐTC nhấn nhủ các linh mục hãy cố gắng sống sự hòa hợp giữa kinh nguyện, làm việc và nghỉ ngơi, sự hòa hợp ấy là nguồn năng lực quý giá để đối phó với những vất vả tông đồ. Mỗi ngày chúng ta cần dừng lại, lắng nghe Lời Chúa và ở lại trước Nhà Tạm Mình Thánh Chúa. Chúng ta cũng cần lắng nghe thân xác chúng ta, vốn như là một bác sĩ giỏi hàng kịp thời báo động cho chúng ta khi sự mệt mỏi vượt quá giới hạn. Ngài nói: *“Cầu nguyện, tương quan với Thiên Chúa, chăm sóc đời sống thiêng liêng mang lại cái hồn cho sứ vụ, và có thể nói, sứ vụ mang lại hình dạng cho đời sống thiêng liêng: vì linh mục thánh hóa bản thân và tha nhân trong việc thực thi cụ thể sứ vụ, nhất là khi giảng giải và cử hành các*

*bí tích*¹⁵. Chúng ta cầu nguyện như chúng ta đã sống và chúng ta sống như chúng ta đã cầu nguyện.

4. Hiệp Thông Hiệp Hành bằng Đời Sống Nội Tâm

Là người của Thiên Chúa, trước hết, linh mục phải nên giống Chúa Giêsu là con người cầu nguyện và có đời sống nội tâm sâu xa. Các trình thuật Tin Mừng khắc họa Chúa Giêsu là con người cầu nguyện. Ngài là con người xuống với đám đông, nhưng cũng là *con người lên núi* nữa. Ngài gần bó với dân chúng, nhưng cũng trải qua những khoảng thời gian một mình cầu nguyện lâu giờ và hiệp hành với Chúa Cha. Sự gần bó của Ngài với dân chúng là một cái gì trào ra từ sự hiệp hành của Ngài với Chúa Cha. Khi Ngài nhận thấy các tông đồ quá bận rộn đến nỗi thậm chí không có thời giờ để ăn uống, Ngài đã truyền cho các ông tách khỏi đám đông, lên thuyền và ra đi đến một nơi thanh vắng mà nghỉ ngơi đôi chút (x.Mc 6, 11).

Chúa Giêsu đã dạy các môn đệ cầu nguyện bằng chính gương mẫu của Ngài (*"Xin Thầy dạy chúng con cầu nguyện"*: Lc 11,1). Ngài cầu nguyện khi Ngài được dân chúng nồng nhiệt ngưỡng mộ, như sau biến cố hóa bánh ra nhiều (x.Mc 14,23) và khi Ngài vui mừng đón bảy mươi hai môn đệ trở về (x.Lc 10,21); Ngài cầu nguyện khi Ngài buồn sầu và cô đơn ở vườn Giết-sêmani (x.Mc 14,32), Ngài cầu nguyện trên Thập Giá tại đồi Canvê (x.Mt 27,36), Ngài cầu nguyện cả khi Ngài trút hơi thở cuối cùng, phó thác chính mình trong tay Chúa Cha (x.Lc 23,46).

Phải sống giữa thế gian nhưng không thuộc về thế gian, linh mục phải vun xới đời sống nội tâm và cầu nguyện, có khả năng chiêm niệm trong hành động: yêu mến cầu nguyện, dành ưu tiên cho giờ cầu nguyện hằng ngày, sắp xếp ngày sống sao cho có thể dành cho Chúa một thời gian chất lượng. Chính đời sống cầu nguyện sẽ làm cho linh mục luôn ở lại trong Chúa Giêsu như cành nho ở lại trong thân nho (x.Ga 1,5). Sự *ở lại* này là bí quyết giúp linh mục sống một đời sống tâm linh sinh động và một đời sống mục vụ phong phú. Chính nhờ đời sống cầu nguyện này mà linh mục trở nên nhạy cảm hơn, ngoan ngoãn hơn trước những gợi ý và thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, để qui phục hoàn toàn theo Thánh Ý Thiên Chúa.

Nhiều giáo dân ngày nay rất trông mong linh mục cung cấp cho họ sự hướng dẫn tinh thần, dẫn dắt họ bước đi trên nẻo đường của cầu nguyện và của Thánh Thần. Đây cũng là một nhu cầu mục vụ thiết yếu, chúng ta phải đáp ứng cơn đói khát thiêng liêng này của giáo dân, nếu không muốn họ bị kéo lôi đến một chỗ khác. Bộ Giáo sĩ dạy: *"Chỉ có người mục tử cầu nguyện mới có thể chỉ bảo cho người ta biết cách cầu nguyện, và mới có thể đem ơn Chúa xuống cho những người mà mình chịu trách nhiệm săn sóc mục vụ... Chỉ có linh mục biết sống hằng ngày kinh nghiệm hoán cải và biết quan hệ thân mật với Chúa Kitô mới có thể thúc đẩy những bước tiến đáng kể trong công cuộc Phúc âm hóa đích thực và mới mẻ"*¹⁶. Còn thánh Gioan Thánh Giá nói trong *Ngon Lửa Sống của Tình Yêu*: *"Linh mục không thể lãnh đạo và hướng dẫn người khác nếu chính bản thân linh mục lại xa lạ với những nẻo đường và những cách làm việc của Chúa Thánh Thần. Và nếu bản thân linh mục là người thiếu năng lực biện phân, thì ngài sẽ phá hỏng công cuộc của Chúa Thánh Thần nơi những tâm hồn mà linh mục dẫn dắt"*¹⁷.

Dành thời giờ sống hiệp hành mật thiết với Chúa Giêsu Thánh Thể là phương dược chữa lành vạn năng, vì việc kết hợp với Chúa Giêsu giúp chúng ta thống nhất đời sống của mình¹⁸. Đặt trọng tâm nơi Chúa Giêsu là cách thể duy nhất để vượt lên khủng hoảng, tái định hướng đời sống và sứ vụ linh mục. Thái độ chúng ta phải có là *"nhận biết và chấp nhận vị thế trung tâm của Chúa Giêsu Kitô trong cuộc sống, trong suy nghĩ, trong lời nói và trong các việc làm của chúng*

15 ĐTC nói sáng 1-6-2017 với khóa họp toàn thể của Bộ giáo sĩ - http://vi.radiovaticana.va/news/2017/06/01/duc_thanh_cha_nhan_nhu_cac_linh_muc_tre/1316191

16 Thánh Bộ Giáo Sĩ, Linh Mục và Thiên Niên Kỷ Thứ Ba: Thầy Dạy Lời Chúa, Thừa Tác Viên Bí Tích và Người Lãnh Đạo Cộng Đoàn, Ch.3, số 2.

17 Thánh Gioan Thánh Giá, *Ngon Lửa Sống của Tình Yêu*, đoạn 3, 45.

18 X. Sắc Lệnh Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục, số 14.

ta. Khi vị thế trung tâm này không còn nữa, khi nó được thay thế bằng ai khác hay cái gì khác, thì khi đó tác hại sẽ xảy đến cho tất cả mọi thứ xung quanh chúng ta và cho chính chúng ta”¹⁹.

Thánh Gioan Tẩy Giả ước mong “Ngài phải lớn lên còn tôi phải nhỏ lại”. Nếu Chúa Giêsu thực sự lớn lên trong chúng ta thì chúng ta mới có thể suy nghĩ với đầu óc của Chúa Giêsu, nhìn sự việc với con mắt của Chúa Giêsu, hành động với sức mạnh của Chúa Giêsu, phán đoán với sự khôn ngoan của Chúa Giêsu, sử dụng biện pháp với lòng nhân hậu của Chúa Giêsu, yêu thương với con tim của Chúa Giêsu, đào tạo với sự phạm của Chúa Giêsu, nhẫn nại với sự nhẫn nại của Chúa Giêsu, tha thứ với lòng độ lượng của Chúa Giêsu. Nghĩa là “*chúng ta chỉ là một với Đức Giê-su, như chi thể là một với đầu, chỉ có cùng một tinh thần, một tâm hồn, một sự sống, một ý chí, một tình cảm, một trái tim với Người. Chính Người phải là tinh thần của chúng ta, trái tim của chúng ta, tình yêu của chúng ta, sự sống của chúng ta và tất cả của chúng ta*”²⁰.

Để được như thế, chính Chúa Giêsu dạy: “*Hãy ở lại trong Thầy như Thầy ở lại trong anh em. Cũng như cành nho không thể tự mình sinh hoa trái, nếu không gắn liền với cây nho, anh em cũng thế, nếu không ở lại trong Thầy. Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai ở lại trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều hoa trái, vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được. Nếu anh em ở lại trong Thầy và lời Thầy ở lại trong anh em, thì muốn gì, anh em cứ xin, anh em sẽ được như ý. Điều làm Chúa Cha được tôn vinh là anh em sinh nhiều hoa trái và trở thành môn đệ của Thầy*” (Ga 15, 4-5.7-8).

ĐTC Phanxicô đã nói rằng mọi người, giáo dân hay giáo sĩ đều phải đặt mối thân tình của mình với Chúa Giêsu lên trên tất cả mọi thứ khác, phải cố gắng để thực hiện việc này, ngay cả dù không hoàn thiện, cũng sẽ giúp chúng ta trở nên giống Chúa Kitô nơi thế gian: “*Người ta cần biết rằng đối với môn đệ của Chúa thì Chúa Giêsu chính là Thiên Chúa thật, là trung tâm, là tất cả cuộc đời của họ, dù họ có những yếu đuối giống như thân phận bao con người khác. Họ có những giới hạn và ngay cả những vấp phạm, miễn là họ khiêm nhường nhận ra những sai lỗi của mình*”²¹.

Thế giới đang đi trệch đường, ngay cả Giáo Hội cũng bị chia rẽ, nhiệm thể Chúa đau khổ, Satan được cỡi trời. Nó gieo rắc lộn xộn khắp nơi, nó làm mù trí khôn, không nhận ra những thực tại thiêng liêng, nó làm chai cứng trái tim con người trước lời mời gọi tình yêu của Chúa. Các linh mục và những người hiến dâng phải phản ứng lại bằng cách dâng mọi khổ đau, mọi hấp hối của nhân loại nối kết với đau khổ, hấp hối của Chúa cho trần gian được sống.

Linh mục không còn thuộc về mình nữa, vì đã tự nguyện dâng hiến cho Chúa mãi mãi, cả thân xác cả linh hồn. Vì vậy, linh mục không hoàn toàn giống như những đàn ông khác: Sống trong thế gian nhưng không còn thuộc về thế gian, nên phải cố gắng đồng nhất với Chúa, trong hiệp nhất tư tưởng và con tim, trong chia sẻ những lo âu và ước muốn, trong sự thân mật mỗi ngày một lớn thêm mãi. Bằng cách cư xử của mình, linh mục diễn tả lòng kính trọng vô biên của Chúa Giêsu đối với Chúa Cha và lòng bác ái của Ngài đối với con người, dù họ thế nào đi nữa. Và linh mục phải làm mới lại không ngừng việc tự hiến trọn vẹn cho Chúa.

Trong sự hiệp hành này, sự qui chiếu về Chúa Giêsu phải là tuyệt đối. Dostoievski xác tín: “*Tôi tin rằng không có gì đẹp hơn, không có gì sâu xa hơn, không có gì thiện cảm hơn, không có gì hữu lý hơn, không có gì mạnh mẽ hơn, và không có gì hoàn hảo hơn Chúa Kitô*”. Còn Thánh Patrick thì nói cách mạnh mẽ: “*Chúa Kitô ở với tôi, Chúa Kitô ở trong tôi, Chúa Kitô ở sau lưng tôi, Chúa Kitô ở trước mặt tôi, Chúa Kitô ở bên cạnh tôi, Chúa Kitô đến nắm tay tôi, Chúa Kitô đến an ủi tôi, Chúa Kitô đến bổ sức cho tôi, Chúa Kitô ở dưới chân tôi, Chúa Kitô ở trên đầu tôi, Chúa Kitô ở trong sự bình tâm, Chúa Kitô ở trong hiểm nguy, Chúa Kitô ở trong trái tim của những người yêu mến tôi. Chúa Kitô ở nơi môi miệng của bạn hữu cũng như của người xa lạ.*”

19 Trích bài giảng lễ Chúa Kitô Vua, kết thúc Năm Đức Tin, của ĐTC Phanxicô <http://www.vietcatholic.net/News/Html/119233.htm>.

20 Trích khảo luận của thánh Gio-an O-đơ, linh mục, về trái tim rất đáng ngợi khen của Chúa Giê-su.

21 ĐTC nói ngày Chúa Nhật 2/7/2017 - <http://www.vietcatholic.org/News/Html/228221>.

Đi xa hơn, Thánh Vinh sơn đệ Phaolô khuyên: “*Bạn hãy nhớ rằng chúng ta sống trong Chúa Kitô nhờ cái chết của Chúa Kitô, và chúng ta phải chết trong Chúa Kitô để được sự sống của Chúa Kitô, đời sống chúng ta phải được giấu ẩn trong Chúa Kitô và tràn đầy Chúa Kitô, và để rồi nếu muốn được chết như Chúa Kitô thì phải sống như Chúa Kitô.*” Còn Thánh Gioan Tiền Hô ước muốn “*Ngài phải lớn lên, còn tôi phải bé đi*”, và Thánh Phaolô xác tín: “*Tôi sống, nhưng không còn là tôi mà là Chúa Kitô sống trong tôi.*” - “*Những gì xưa kia tôi cho là có lợi thì nay vì Đức Kitô tôi cho là thiệt thòi. Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi so với mối lợi tuyệt vời là được biết Đức Kitô Giêsu, Chúa của tôi*” (x.PI 3, 7-14).

Chớ gì mỗi người chúng ta có thể nói được cùng với Thánh Phaolô: “*Ai có thể tách biệt chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Kitô? Phải chăng là gian truân, khốn khổ, đói rách, hiểm nguy, bắt bớ, gươm giáo?... Nhưng trong mọi thử thách ấy, chúng ta toàn thắng nhờ Đấng đã yêu mến chúng ta. “Đúng thế, tôi tin chắc rằng: cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, trời cao hay vực thẳm hay bất cứ một loài thọ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta”* (Rm 8, 35-39). Tuy nhiên chúng ta vẫn phải luôn cảnh giác, vì trong thực tế, rất nhiều lần chúng ta đã để một ai đó hay một cái gì đó tách biệt Chúa Giêsu ra khỏi tình yêu và cuộc đời của chúng ta, cho dù không hề có cái gì tách biệt chúng ta ra khỏi tình yêu của Chúa Giêsu: chúng ta có thể nào đi nữa thì Ngài vẫn hằng thương yêu chúng ta, và thương yêu chúng ta cho đến cùng.

Chính trên mỗi hiệp thông nền tảng với Thiên Chúa này mà các mối hiệp thông khác trong đời sống và sứ vụ linh mục được xây dựng và bảo đảm. Mục đích chức vụ và đời sống linh mục là phải tìm kiếm vinh danh Thiên Chúa Cha trong Chúa Kitô, nhờ Chúa Thánh Thần. Chớ gì được như vậy.

Ý Chúa trên cuộc đời chúng ta

Thiên Chúa đặt hai mắt chúng ta ở đằng trước, vì Ngài muốn chúng ta luôn hướng tới phía trước, hướng về tương lai đổi mới, chứ không phải để chúng ta cứ ngoái nhìn về những sự việc ở phía sau, lùi lại với quá khứ không thể thay đổi được!

Ngài đặt hai tai chúng ta ở hai bên là để chúng ta nghe từ hai phía, người này lẫn người kia, cả lời khen lẫn tiếng chê, chứ không phải để chúng ta chỉ nghe từ một phía, chỉ nghe kẻ khéo nói đội trên đạp dưới, hoặc chỉ để nghe những lời nịnh hót tăng bốc êm tai!

Ngài tạo cho chúng ta chỉ một cái miệng và một cái lưỡi mềm mại, vì Ngài muốn chúng ta nói ít, nghe nhiều và chỉ nói những lời khôn ngoan, chân thật mang lại an bình, chứ không phải để chúng ta nói nhiều nghe ít và nói những lời sâu hiểm làm tổn thương người khác!

Ngài đặt bộ não chúng ta trong một hộp sọ vững chắc, vì Ngài muốn chúng ta nên tích lũy sự hiểu biết chân lý cứu rỗi, những thứ chẳng ai có thể lấy đi, chứ không phải chỉ chăm lo tích lũy những của cải bên ngoài, những thứ dễ dàng bị mất mát!

Ngài đặt trái tim chúng ta nằm trong lồng ngực, vì Ngài muốn những tình cảm yêu thương giữa những con người phải được xuất phát và lưu giữ tận nơi sâu thẳm trong cõi lòng, chứ không phải ở một nơi hời hợt bên ngoài, yêu thương đầu môi chót lưỡi!

Thử nghĩ mà xem: Thiên Chúa cấu tạo cơ thể con người một cách rất hợp lý, nhưng sao chúng ta lại không sử dụng nó theo đúng ý của Ngài?

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

Học thuyết nhân bản và thời đại tân kỳ

(Trích trong tác phẩm “NHỚ NGUỒN” của Gs Nguyễn Đăng Trúc)



**Từ huyền thoại nhân bản
đến
ưu tư về thân phận con người**

***Ôi, con người! con người!
vực thẳm kinh hoàng***

Học thuyết nhân bản và thời đại tân kỳ

Dồn dập vào các thế kỷ 17, 18, 19 Tây phương, các triết gia tân thời thiết định dần dần khung trời mới, con người mới của các kỷ nguyên nhân bản này. Theo quan điểm mới gọi là nhân bản, nền tảng siêu việt, ẩn kín không phải thực chất, nhưng được quan niệm là sản phẩm của khả năng tạo hình do chính con người. Nói cách khác con người không phải được ví như ánh dọi của một Mặt Trời, hay là hình ảnh của Thiên Chúa theo quan điểm của Do Thái giáo và Kitô giáo, nhưng Mặt Trời kia, Thiên Chúa kia là sản phẩm của chính trí tưởng tượng của ta và lòng ước muốn tuyệt đối của ta tạo ra. Từ đó điều mà tôn giáo gọi là Mầu Nhiệm, tức là Một Thực Thể ẩn kín đối với khả năng tiếp nhận của con người, nay trở thành hình ảnh, câu chuyện hoang đường, được xếp vào loại văn chương huyền hoặc.

Trên bình diện ngôn ngữ, ngoài chữ nhân bản, chúng ta thấy xuất hiện những chữ viết hoa: Ánh Sáng, Con người, Nhân loại, Tôi (*Tôi suy tư* của Descartes, *Tôi tiên nghiệm* của Kant, Husserl) Lịch sử, Tiến bộ...

Nếu đọc lại những pho sách của các truyền thống văn hóa, ta sẽ ngỡ ngàng vì những đổi thay điên đảo về từ ngữ. Soren Keerkegaard đã phải thốt lên:

*Những gì xưa kia người ta hải hùng xem như là những biểu lộ của phản kháng vô đạo thì nay trở thành dấu hiệu của một bản chất sâu xa và tuyệt diệu.*²²

Do đâu có những sự kiện lịch sử lạ thường đó?

Theo Martin Heidegger, đây chỉ là một trong nhiều cách biểu lộ trong lịch sử về một sự hiểu lầm và sử dụng lầm tư tưởng, phát xuất ngay từ thuở bình minh của nền văn hóa Hy Lạp. Nền văn hóa đó chi phối vận hành lịch sử triết học Tây phương, và nay đang chi phối toàn cầu. Buổi bình minh đó đã xây dựng tư tưởng mình trên *vật thể* (xét như là vật thể = *étant en tant que étant*), thay vì truy nguyên ý nghĩa của *hữu thể* (Être). Ngôn ngữ Tây phương khi dùng chữ *tham thể* (*étant*), thì đã hàm ngụ rằng tham thể đó thông dự vào Hữu thể, mà Hữu thể là cái gốc bên trên mọi thay đổi, nguồn của thời gian, nhưng không đồng hóa với một vật thể nào thuộc thời gian. Nhưng *triết học đã đổi thay âm hưởng thi ca nơi chữ này, và biến đổi ý nghĩa của tham thể ấy thành "tự thân" (= un soi), thành một vật thể tự đủ cho mình, trong bản chất bất di bất dịch của mình, và lấy vật thể đó làm đối tượng cao nhất của nền tảng siêu hình học.* Từ đó dẫu có thổi phồng một vật thể làm tối thượng cho các vật thể khác, thì rốt ráo nó vẫn là vật thể. Kết quả là tham thể cũng không còn là tham thể chân thật trong bản tính thông dự vào Hữu Thể. Và thời gian là thân phận của tham thể cũng không còn được lý đến. Nói cách khác, từ thuở bình minh của triết học Tây phương, tư tưởng đã nhìn con người là ông Tề Thiên, quên thân phận hữu hạn của mình khi nghĩ rằng do khả năng lý trí có thể *tự đồng hóa với Hữu thể*. Kết quả là Hữu thể siêu việt bị hiểu lầm như toàn khối của các vật thể, nên tính cách Thần thánh cũng vắng bóng trong triết học; và con người đã được xếp vào một loại vật thể, một ý niệm trừu tượng không cần biết đến ý nghĩa của thời gian, là nỗi khắc khoải, khát khao Hữu Thể.

Thời Trung Cổ Tây phương, mặc dầu mang lấy danh hiệu Kitô giáo, nhưng tự căn như đã được xây dựng trên nền tảng của nếp suy tư truyền thống triết học Hy Lạp. Hậu quả là tương quan Yêu Thương giữa Thiên Chúa và con người không còn là nền tảng thiết yếu của tư tưởng. Tư tưởng được giản lược là sự hiểu biết, đo lường sự vật; và đồng thời lấy thước đo sự vật này để suy nghĩ, phán xét về bản chất, thân phận con người và cả Thiên Chúa! Chân lý, đạo lý không dựa trên tương quan Yêu Thương, nhưng dựa trên tiêu chuẩn hiểu biết của lý trí, của sự phân biệt hai cảnh giới vật chất, thể xác, hữu hình... và bên kia là thế giới của trí năng, siêu nhiên, vô hình. Từ tiền kiến văn hóa này, con người tôn giáo (*homo religiosus*) không còn được cảm nhận là hơi thở, là ánh dọi, là nỗi khát khao Thượng Đế, nhưng là con người khắc khổ, ép xác, chế ngự thế giới vật chất để thành tiên, thành thánh, do tài năng mình và cho lợi ích của riêng mình.

Bây giờ chúng ta hiểu, tự tiềm thức, nhân bản thuyết trong lịch sử Tây phương luôn âm ức chống đối lại hình ảnh của con người tôn giáo bị hiểu lầm đó. Nhưng khi phản kháng chống lại con người tôn giáo kia, thì các thuyết nhân bản cũng ở trong khuôn khổ suy tư của nếp cũ truyền thống. Nói cách khác, các nhân bản thuyết đảo lộn cơ cấu nhận thức về con người truyền thống, nhưng không đặt vấn đề tận căn là ngay cả toàn cơ cấu ấy. Ngược hay xuôi, cũng đã lệch đường. *Ngược lại không có nghĩa là khác đi.*

Vật thể trừu tượng, tổng quát, phi thời gian làm nền cho siêu hình cũ, thì nay được thay bằng là cái *tôi suy tư* ở vào một hoàn cảnh nhất định, một khoảnh khắc thời gian 'tự biến thành vĩnh cửu', làm điểm khởi đầu đặt nền cho hữu thể và chân lý²³. Trong chiều hướng nói ngược thuộc khuôn khổ phán đoán "Có-Không" của siêu hình học và luận lý học truyền thống, Goethe đã mô tả hướng đi của các nền nhân bản mới qua hình ảnh của *Faust*. Faust nhận Méphistophéles làm thầy, và tên gọi của vị thầy đó là chối bỏ.

Ta là khí lực luôn chối bỏ...

²² Soren KEERKEGAARD, *La Maladie à mort*, traduction Tisseau, Oeuvres complètes, Paris 1971, tome 16, tr. 269

²³ Xem Descartes trong cuốn *Discours de la Méthode*

Ở cuối tác phẩm Faust, Méphistophéles này đã tóm gọn quan điểm của thân phận con người trong các nền nhân bản tân thời như sau:

Ở đây, thuộc về ta

Và để giải thích thêm về ý đồ căn đế nhất của Faust, Goethe đã tráo câu nói của thánh Gioan, trong phần dẫn nhập Tin Mừng thứ tư như sau:

Khởi thủy là hành động

Chúng ta sẽ gặp những nội dung then chốt đó trong tư tưởng của Kant và Nietzsche.

Hành động để xóa Lời.

Lời hàm ngụ sự trao đổi, chân nhận sự khác biệt, độc đáo của kẻ đối thoại.

Hành động là một từ ngữ thường dùng trong văn hóa truyền thống. Adam và Eva lấy tay hái trái biết lành biết dữ để có kiến thức bằng Thiên Chúa. Nhà Phật gọi là *Karma*, là *hành động* tự làm nên ngã của mình, từ đó nảy sinh muôn vàn chủ thuyết về thế giới con người. Hành động là chữ *tác* trong câu nói của Khổng Tử "*thuật nhi bất tác*". Hành động khởi thủy của Faust hàm ngụ nội dung truyền thống, đó là *ta làm nên ta*.

Tiếp theo ý định căn đế "*ta làm nên ta*", là *khung cảnh phải thuộc về ta, tức là lịch sử phải do ta làm chủ lấy ngay từ bây giờ*. Trong khung cảnh thế giới toàn là ta và hình ảnh, vết tích của ta, thì hẳn tha nhân và những gì còn cao hơn tha nhân đều là kẻ thù nghịch, một hỏa ngục theo lối nói của Jean-Paul Sartre (- kẻ khác là hỏa ngục). Nietzsche đã đi sâu vào căn cơ của ý định còn tiềm ẩn của các nhân bản thuyết để trình bày rõ ràng như sau:

Ý niệm "Thiên Chúa" được bày đặt ra như là phản đề đối kháng với sự sống; và trong ý niệm đó là tất cả những nguy hại, đầu độc, chối bỏ, tất cả sự thù hận bệnh hoạn chống lại sự sống; tất cả những điều này được dồn tóm vào một nhất thống đáng nguyên rữa! Ý niệm về "bên kia thế giới", về "quê hương chân thật" được bày đặt ra chỉ với mục đích là hạ thấp giá trị của một thế giới duy nhất đang hiện hữu, là từ chối mục đích và phận vụ phải hoàn thành cho chính thực tại trần thế của chúng ta! Ý niệm "linh hồn bất tử" đã được phaja ra với mục đích duy nhất là coi rẻ thân xác, làm cho nó thành bệnh hoạn - thành "thánh"! -, là đề cao một thái độ thờ ơ đáng lo ngại trước tất cả những gì ít nhất phải được quan tâm trong cuộc sống: những vấn đề thực phẩm, nhà ở, giáo dục, chữa bệnh, vệ sinh, thời tiết! Thay vì lo sức khỏe, thì chỉ biết "sự cứu độ" của linh hồn.²⁴

Những gì Nietzsche và các thuyết nhân bản chống đối, - ý niệm về Thiên Chúa, linh hồn bất tử, thế giới đời sau...-, lại hàm ngụ những nội dung hạn hẹp đầy tiền kiến của truyền thống siêu hình học duy lý cũ, và đặc biệt trong các tác phẩm của Kant.

Đi trước Hegel và ảnh hưởng rất nhiều trên triết gia này, Kant là nhà tư tưởng cố tâm đặt lại câu hỏi về triết học trong tương quan với thân phận con người. Trong cuốn "*Lịch sử triết học*", Emile Bréhier đã nhận định:

Từ cuối thế kỷ 18 đến ngày nay, không có một tư tưởng triết học nào, trực tiếp hay gián tiếp đã không lấy việc nghiên cứu học thuyết của Kant làm điểm khởi đầu: Do đó thường người ta có khuynh hướng xem triết học kiểm thảo không phải như một giai đoạn nhất thời của lịch sử các ý tưởng, nhưng như một khám phá có tính cách quyết định, vạch ra một làn ranh thật sâu giữa quá khứ và tương lai.²⁵

²⁴ F. NIETZSCHE, *Ecce homo* - Texte établi par G. Colli et M. Montinari, bản dịch pháp ngữ của J. C. Hémerly, Gallimard, Paris 1974, tr. 152-153

²⁵ E. BRÉHIER, *L'histoire de la philosophie*, PUF, Paris 2e Ed. 983, tome 2 - tr. 452

Khám phá mới của Kant được gọi là *kiểm thảo*, tức là giật mình tự đặt vấn đề xem thật sự con người có thể biết được những gì, và gián tiếp đặt lại vấn đề xem con người là gì. Nhưng nặng nề với tiền kiến của câu hỏi truyền thống triết học Hy Lạp, công việc kiểm thảo của Kant cũng không vượt qua khung của *sự hiểu biết về sự vật* như là sinh hoạt cao nhất và hầu như duy nhất của tư tưởng. Khả năng hiểu biết đó gọi là *lý tính*, mà con người, với thân phận của mình, vốn (= tiên thiên) có được như thế nhưng với một cách thể đặc biệt. Cách thể đó ở vào việc tiếp thu sự vật. Con người với cách thể của lý tính nơi mình chỉ tiếp thu hình ảnh sự vật trong việc "hình dung sự vật" (*représentation*), khác với việc trực tiếp tiếp nhận chính bản chất của sự vật như khả năng của Thiên Chúa. Chính nhờ ý thức phương cách tiếp nhận sự vật đặc loại này, con người ý thức được sự hữu hạn của mình.

Đến đây, là điểm tâm kỳ của Kant, điểm tâm kỳ được tiếp nối mãi cho đến các lý thuyết nhân bản về sau. Điểm tâm kỳ đó là **khởi đầu làm lại chính mình với cái sẵn có nơi mình** (cái sẵn có đó còn gọi là "tiên thiên").

Nói như Faust thì công việc khởi đầu làm lại mình và do mình mới đúng là thế giới của "ở đây, thuộc về ta", hay như Voltaire là chăm lo cho chính mảnh vườn của mình. Kant đã cảnh giác tư tưởng triết học truyền thống về hữu hạn tính là thân phận của con người; nhưng khác với sách Trung Dung khi sách này không những nhắc nhở *tính bởi thiên mệnh*, mà còn nhắc thêm là khi suất tính ấy trong thời gian, khi hành Đạo, con người cần cẩn trọng trước những điều còn ẩn kín.

Ngay từ điểm khởi đầu của con người tân thời của Kant, *bóng dáng kẻ khác* và *lời nói* cũng chầm dứt để chỉ còn ngã tiên nghiệm tìm sự hiểu biết, và làm nên chính mình qua sự hiểu biết đó. Lời nói nay chỉ là những mệnh đề tổng hợp các kiến thức của chính mình. Toàn bộ cuốn "*Kiểm thảo lý tính thuần lý*" không có lấy một bóng dáng *một ai khác* ngoài cái tôi và đối vật của sự hiểu biết của mình. Thượng Đế được thoáng nêu lên ở một hai hàng của mấy trang đầu, và nói như J.P.Sartre sau này, đã trở thành một xác chết không tương quan gì đến cuộc sống của con người tân thời:

Thượng Đế đã chết: chúng ta không muốn nói là Thượng Đế không hiện hữu, cũng không phải là không hiện hữu nữa. Thượng Đế đã chết: trước đây Ngài nói với chúng ta và nay Ngài làm thinh, chúng ta chỉ còn đụng đến xác Ngài. ²⁶

Và khi cần phải tạo ra một ý niệm Thượng Đế do đòi hỏi của cấu trúc hợp lý của lý trí hữu hạn, thì tùy nhu cầu của con người mà phải đặt ra. Chính vì thế, trong một phần như là bản phụ đính, Kant lại nêu lên *ý niệm về Thượng Đế* ở phần biện chứng tiên nghiệm như một yêu sách của lý tính con người nhằm điều hợp cấu trúc của quan điểm triết học. Nhưng theo Nietzsche, ý niệm đó lại trở thành một chướng ngại không cần thiết cho hiện sinh:

Ý niệm về Thiên Chúa từ xưa đến nay đã là một sự chống lại hiện sinh. Chúng ta chối bỏ Thiên Chúa: Chỉ có cách đó chúng ta mới cứu được thế giới. ²⁷

Thời gian gắn liền với sinh, lão, bệnh, tử, là dấu vết của lời nhắc nhở thân phận hữu hạn của nhân sinh, nay được Kant biến thành thời gian làm điều kiện cho sự hiểu biết, một thời gian vô tận: "*điều kiện chủ quan cho tất cả các trực giác mà chúng ta có thể có*" ²⁸. Nói theo Schopenhauer "*Trước Kant, chúng ta đã ở trong thời gian, thì từ Kant chính thời gian ở trong ta*" ²⁹. Mảnh vườn nhà ta (mà Voltaire muốn dành cho con người) nay không còn hàng dậu nào ngăn cách nữa, vì khung của nó là không gian và thời gian *do nhu cầu hiểu biết* mà đã trở thành vô tận. Nay có thể nói như Faust: *tất cả thuộc về ta*. Nhờ trí tưởng tượng là một khả năng lạ lùng mà ta có, tri thức con người có thể nối kết ngã độc tôn tổng hợp liên tục với thời gian vô tận kia,

²⁶ J.P. SARTRE, *Situations I*, NRF 1947, tr. 153

²⁷ F. NIETZSCHE, *Le Crépuscule des idoles*, trad. Albert, Mercure de France, tr. 125.

²⁸ Kant, *Critique de la Raison pure*, Esthétique trans. 6, trad. I, tr. 7

²⁹ SCHOPENHAUER, *e volonté et comme représentation*, tr. A. Burdeau, Paris 1943, tome II, tr. 13

nên con người có thể có được kiến thức khách quan, hành động hữu hiệu, làm tăng trưởng quyền lực của mình. *Đó là tiến bộ.*

Thế giới ấy như không còn có những người sống, chết, yêu thương, khác khoải..., nhưng chỉ có một ý niệm "Người" được viết thành chữ lớn, còn gọi là Nhân loại, Lịch sử, Khoa học, Kỹ thuật, Tiến bộ, Cách mạng...

Vấn đề đặt ra ở đây đối với Kant là: có phải ông là nhà tư tưởng đã can cù khám phá cuộc phiêu lưu của khả năng tự tác của con người, với hậu ý cho thấy rằng kỳ cùng tất cả cuộc sống con người đều thuộc về thế giới của hiện tượng, giả ảo trước chân lý? Hay đây là sự nghiêm túc một cách khốn khổ, khi đóng khung chân lý vào khuôn khổ của mảnh vườn phán đoán nơi con người?

Trước câu hỏi này, nhà tư tưởng bạo miệng, hung hăng là Nietzsche³⁰ đánh giá rằng chính Kant đã khai phá một cái nhìn mới và thấu đáo về thân phận của con người chấp mê, được định nghĩa như một *vật thể hiểu biết* nơi triết học truyền thống Tây phương. Nietzsche cho rằng Kant đã thấy được những xác quyết về chân lý dựa trên trí năng con người trong siêu hình học truyền thống không có căn cứ vững chãi; nói cách khác toàn bộ tư tưởng siêu hình học tưởng như đã được xây dựng trên những "chân lý trường cửu", nhưng thực ra chỉ là những ước mơ của con người chỉ biết bằng lòng với bào ảnh của sự vật. Trong cuốn "*Khai sinh của bi kịch*" ông viết:

Với sự can cường và khôn ngoan lạ thường, Kant và Schopenhauer đã đạt được một vinh quang khó thực hiện hơn cả; họ đã chiến thắng sự lạc quan ẩn kín trong luận lý học xây dựng nên nền văn minh chúng ta. Sự lạc quan đó dựa trên những "chân lý trường cửu" mà từ lâu được xem là bất kháng, luôn tin rằng tất cả những gút mắt của vũ trụ có thể biết được và có thể hoàn toàn được minh giải, và quan niệm rằng không gian, thời gian và luật nhân quả là những định luật tuyệt đối có giá trị một cách phổ quát. Kant đã cho thấy rằng các định luật đó chỉ nâng bào ảnh, công trình của Maya, lên hàng thực thể duy nhất và tối thượng, hoặc chúng chỉ ghép bừa bào ảnh đó vào vị trí của yếu tính thâm sâu và chân thật của các sự vật, nên vì thế chúng không có cách gì giúp ta có được một sự hiểu biết thật sự, nói theo Schopenhauer (Die Welt als Wille und Vorstellung tr. 498) là chúng chỉ mãi ru ngủ kẻ đang ngủ triền miên.³¹

Giấc mơ hảo huyền của triết học duy lý truyền thống được Kant và trước đó là Descartes nói đến, là mãi mê suy tư với các ý niệm trừu tượng với phương tiện của các mệnh đề luận lý hình thức, mà quên đi câu hỏi nền tảng và khởi thủy: con người có thể biết được gì? Nói cách khác, dựa vào nền tảng nào để xây dựng các công trình suy tư?

Chúng ta nhớ lại câu chuyện Trang Chu mơ mình là bướm trong cuốn Trang Tử, thiên Tề Vật Luận. Vì không biết phải thiết định đâu là nền tảng khởi đầu, Trang Chu hay là bướm, cũng không thiết định được cảnh vực nào là thật và cảnh vực nào là mê: giấc mơ và thế giới đều là thật, hay thế giới thời gian trôi chảy tất cả vốn có thể là giấc mơ! Nên kỳ cùng với lối đặt vấn đề nền tảng như thế không thể nào xác quyết được đâu là chân lý để khởi đầu.

Với một lối nói khác, Kant đã phát biểu:

Vận mệnh thông thường của lý trí con người trong việc suy tư, là vội hoàn tất thật sớm ngôi nhà suy tư, rồi sau đó mới tìm xem nền tảng của nó có được thiết định vững chãi hay không.³²

Nhưng nếu qua công trình kiểm thảo, qua việc đặt lại thân phận con người hữu hạn gắn liền với thời gian và không gian, mà Kant đã trở lại với con người để suy tư, thì liền đó Kant đã dựa vào những yêu sách mà siêu hình học truyền thống để nâng con người, một sinh vật có lý trí, một vật thể tự đủ cho mình, lên thành nền tảng (=nhân bản) cho chân lý và đạo lý làm người:

³⁰ Xem *Naissance de la Tragédie*

³¹ F. NIETZSCHE, *La Naissance de la Tragédie* - chương 18 năm 1871

³² KANT, *Critique de la Raison Pure*, Introduction, III, 32

*Triết học tiên nghiệm là ý thức về khả năng ta tự làm cho ta thành tác giả của hệ thống các ý niệm về quan điểm thuần lý, cũng như về quan điểm thực hành.*³³

Đây là bản tuyên ngôn của các thuyết nhân bản tân thời. Chỉ với ý thức mình là tác giả của các ý niệm, con người không những vượt lên được những thao thức về một cảnh giới xa lạ, ẩn kín mà mình không thể hiểu được, mà còn quẳng bỏ một cách dễ dàng những ưu lo dằn vặt về thân phận con người trong thời gian qua đi và đang đưa mình đến sự chết. *Con người được đặt làm nền* (= nhân bản) là con người tri thức các sự vật bên ngoài và hành động theo khả năng phán đoán của trí năng. Con người đó không phải anh, chị, tôi, cha tôi, mẹ tôi, bạn tôi, với phẩm cách cá biệt và khác tôi để tôi có thể chào hỏi, thương mến ... Nhưng con người của các nền nhân bản chỉ còn lại là một khả năng nhận thức các sự vật bên ngoài, được gọi là "*ngã tiên nghiệm*". Con người đó có thời gian riêng, không phải là thời gian chứng kiến ngày mình sinh ra, lớn lên rồi phải chết, nhưng là một thời gian vô tận làm điều kiện cho tri thức. Và thời gian vô tận đó ở trong con người, lớn lên với nhận thức con người, còn được gọi là thời gian lịch sử, cuộc sống văn hóa. Nói cách khác con người làm nên lịch sử mình và lịch sử đó ghi khắc *tiến bộ, sự triển nở của con người "tự làm nên chính mình"*. Con người trừu tượng đó còn gọi là Nhân loại

...

Trong cuốn "Triết học lịch sử", Kant viết:

*Lịch sử (...) làm (...) ta hy vọng rằng khi nhìn (đại thể) trò chơi của tự do của ý chí con người, nó có thể khám phá được một giọng triển nở đều đặn; và đúng như thế: dấu trong mỗi chủ thể cá nhân ta thấy có một hình thức lộn xộn và bất chừng, thì ít nhất trong toàn thể nhân loại nói chung vẫn có một sự phát triển đều chậm nhưng liên tục của những khuynh hướng thô sơ lúc đầu.*³⁴

Với con người làm chủ thời gian của nhận thức và làm nên thời gian lịch sử, Kant đã đặt nền cho hai khuynh hướng của các nền nhân bản tân thời: *Chủ nghĩa duy khoa học* và *chủ nghĩa tiến bộ lịch sử*. Những nội dung được các nền nhân bản đề cao như tự do, giải phóng, tiến bộ, đại đồng, tất yếu của lịch sử... đều nặng nợ với những tiền đề định nghĩa con người trong triết học của Kant.

Những tiền đề được xây dựng trên tiền kiến thiết định bản chất con người là *vật thể có khả năng biết* các sự vật khác và làm nên thân phận mình trong việc chế ngự thiên nhiên. "Tiên thiên" là ơn ích, là vốn làm nền cho nhân tính nơi Kant đã bị cái "*dục*", bàn tay con người tước mất một chiều kích, mà chiều kích đó lại căn cơ hơn. Nếu có thể nói điều Kant gọi là *tiên thiên* trên bình diện nhận thức sự vật, thì hẳn đó là *hậu thiên* tiếp sau nỗi thắc mắc, kiểm thảo thành thực về thân phận làm người. Không phải vì thế mà có lần Kant đã từng phát biểu như thế này hay sao!:

*Lý do tại sao cảm năng của chúng ta lại lệ thuộc vào các điều kiện tối thượng này (không gian và thời gian) hơn là các điều kiện khác, thật sự là điều chúng ta không biết.*³⁵

Và đối với nhà tư tưởng không chủ trương thuần nhân bản thuyết tân thời, thì điều ta không biết, không nghe, không thấy (như sách Trung Dung trong chương đầu đã nói) lại là nền của tư duy. Cũng vì thế bên ngoài truyền thống triết học và nhân bản, thì khiêm cung và hy vọng còn là sức mạnh (= đức) của kẻ sĩ.

Nếu có một cảm năng để con người mở ra với vũ trụ thiên nhiên gắn liền với trí tưởng tượng sản xuất (imagination productive) như Kant mô tả, thì sâu hơn nữa và yên nguyên hơn nữa, nơi tận đáy lòng con người, còn có nỗi thao thức về một cái gì mà tất cả khả năng của thực tế trước mắt và trí tưởng tượng không thỏa mãn được. Nên nhà Phật gọi nền của nhân sinh là "khổ", tức

³³ KANT, *Opus postuum*, liasse I. fo VII, tr. 2, trad. J. Gibelin, Paris 1950, tr. 37

³⁴ KANT, *Philosophie de l'histoire*, trad. S. Piobetta, Paris 1947 tr. 59

³⁵ KANT, *Critique de la Raison Pure*, Introduction, VII

là "khát khao" một cái gì khác, nằm ngoài thế giới hành động (*karma*) và dục vọng làm nên chính mình. Có thể nói triết học tiên nghiệm của Kant là việc mô tả thân phận của con người mê lầm từ cái dục "chấp ngã", một trong những nội dung của Tứ Diệu Đế. Nhưng thấu đáo hơn, nhà Phật đã cho thấy trước rằng *không phải chỉ có một thế giới người* nơi một ý định "ta làm nên ta", nhưng mỗi thời khắc ta làm nên ta, thì *muôn vàn thế giới* giả ảo được hình thành. Và thực tế lịch sử đã chứng minh chân lý đó, **ước mơ xây dựng một nền nhân bản duy nhất sau mấy thế kỷ qua chỉ là một giấc mơ hảo huyền**. Con người ngày nay đang bị dày xéo bởi trăm ngàn nền nhân bản khác nhau đến độ kỳ cùng các nhà cơ cấu thuyết đã tuyên bố: *"con người đã chết, chỉ còn những "cái đó" (le ça) tồn tại"*.

Không bằng lòng với lối kiểm thảo nửa vời của Kant:

- nửa vời vì còn bỏ lửng điểm khởi đầu khi đặt vấn đề kiểm khảo, nghĩa là không dứt khoát giải quyết sự hiện hữu của sự kiện "không biết", đồng thời vô đoán nêu lên những nội dung như "tự thân", chân lý, cần thiết ...,

- nửa vời vì bỏ lửng việc truy cứu lý do tại sao có sự hiện hữu của sai trái, ý thức tội lỗi,

- nửa vời vì không lý đến thời gian qua đi gắn chặt với nghiệp con người phải chết,

nên Nietzsche, người đã từng ca ngợi Kant vì đã chân nhận được giấc mơ huyền hoặc của siêu hình học cổ truyền, nay lại nhìn Kant như kẻ bị khống chế bởi bản năng làm lạc, khiếp nhược đầu hàng uy lực của cuộc sống thiên nhiên. Trong tác phẩm vào cuối đời *"l'Antéchrist"*, Nietzsche đã viết:

"Bản năng làm lạc trong tất cả mọi sự vật, bản năng chống lại tự nhiên, sự suy thoái của người Đức trên bình diện triết học - đó là Kant!"³⁶

Tại sao Nietzsche đã nặng lời với Kant như thế? Vì theo Nietzsche, khi Kant cố tâm đưa con người làm chủ tể của vũ trụ, thì con người đó của Kant lại vẫn còn ràng buộc với những mẫu mực (mà Nietzsche gọi là những giá trị) Chân, Thiện, Mỹ của triết học cổ truyền và thần học duy lý Kitô giáo đặt bày ra.

Về con người kỳ lạ này, là Nietzsche, Jean Brun đã viết:

Trước thế chiến vừa qua, Nietzsche được xem là một nhà tư tưởng phản động, chống Do Thái, là người cha tinh thần của học thuyết Quốc xã; ngay cả em của Nietzsche, "cô Lisbeth quá hồ đồ", đã không cho rằng Hitler chính là Siêu nhân đã từng được anh cô tiên đoán hay sao? Từ ngày thế chiến chấm dứt người ta lại đảo lộn cái chân dung kỳ quái của Nietzsche để lấy ông làm một thần tượng khác, người ta xem nơi ông là nhà cách mạng chống trường giả, dẹp bỏ các mẫu mực giá trị và loan báo một bình minh giải phóng hoàn toàn các bản năng cuộc sống vượt qua những nền đạo lý áp bức. Những khai thác đó về Nietzsche quên rằng Nietzsche là một người đầy mâu thuẫn và ray rứt dày vò đến điên loạn cho đến chết vào năm 1889.³⁷

Câu hỏi đặt ra là tại sao nhiều học thuyết nhân bản tân thời dựa vào Nietzsche? Và không phải chỉ những kẻ sống thác loạn, bất chấp thần thánh, nhưng những nhà luân lý đạo đức như Max Sheler, các nhà thần học Kitô giáo cũng mức lấy hứng khởi nơi tư tưởng của người điên quái dị này. Theo M. Heidegger, Nietzsche là người thấy thấu đáo bề tấc của suy tư triết học truyền thống Tây phương; và nơi Nietzsche siêu hình học Tây phương thấy mình trần trụi và không còn lý do tồn tại:

³⁶ NIETZSCHE, *l'Antéchrist*, 11

³⁷ Jean BRUN, *L'Europe philosophique* - Ed. Stock - 1988 - p. 289-290

Sự chỉ dẫn này xác định một giai đoạn của siêu hình học Tây phương, có lẽ đây là giai đoạn cuối cùng, vì do Nietzsche mà siêu hình học hạt nhân đứng không còn tự khai triển được nữa, chúng ta không thấy có cách nào khác để siêu hình học tồn tại ³⁸

Điều mà Heidegger nói là siêu hình học Tây phương chính là quan niệm về hữu thể và các giá trị Chân, Thiện, Mỹ dựa trên sự phân biệt hai cảnh giới: *vật chất - thân xác* và *lý trí - ý niệm*.

Với cái nhìn sắc bén, Nietzsche cho thấy những gì được siêu hình học và các luận chứng thần học duy lý xác quyết là Chân, Thiện, Mỹ, thế giới của thần thánh và ý niệm trường cửu, thực ra đó chỉ là sản phẩm bất chùng của trí tưởng tượng con người, những hình ảnh vô hồn và không liên quan gì đến cuộc sống con người, những "con bò vàng" vô tri vô giác. Đồng thời ông cũng cảm nhận ngay được rằng vật chất khả giác vốn bị chi phối bởi thời gian qua đi cũng không tìm đâu ra được một yếu tính nào bền vững để trụ cả. Heidegger nhận xét cảm nhận đó của Nietzsche như sau:

Siêu cảm nay chỉ là sản phẩm bất chùng của khả giác. Nhưng khi hạ giá cái đối nghịch của mình, thì thế giới khả giác cũng đã tự chối bỏ chính mình nơi yếu tính của mình

³⁹

Và cả hai thế giới nay không còn giá trị nào tự nội, nên cũng không có gì khác biệt nhau. Như thế mọi sự là bào ảnh hay sao? Nietzsche trả lời: đúng như thế, tất cả là bào ảnh, là "hư vô". "Hư vô" là hư vô đối lại với tiền kiến về "hữu thể" làm nền cho Chân, Thiện, Mỹ của truyền thống tư tưởng. Hãy lấy một thí dụ thông thường của cuộc sống để hiểu được quan điểm hư vô của Nietzsche. Trong một căn phòng bít kín cửa, nếu ta tắt đèn, trước mắt chỉ là đêm tối và mọi sự chung quanh là hư vô, ít nhất đối với cái nhìn của ta. Lối nói này không phải lần đầu được dùng đến; Tin Mừng của Gioan đã dùng đến chữ hư vô này:

Ngoài ta, các con không thể làm được gì cả

(Gioan 15, 5)

Và đó cũng là lối nói của nhà Phật về sắc sắc, không không để chỉ về thời gian con người.

Với cảm nhận về "hư vô", cái "không có điểm tựa", không khác thế giới của giấc mơ Trang Chu và bướm, Nietzsche đã nhìn vào nỗ lực vô vọng của các ý đồ nhân bản, đặc biệt là lý thuyết đạo đức của Kant và biện chứng lịch sử của Hegel như những trò đùa vô ích và vô nghĩa. Dừng lại ở đây ta thấy quan điểm của Nietzsche không khác với thế giới giả ảo của *nhân vi*, gọi là *thiên hạ* trong Đạo Đức Kinh.

"Hư vô" vì không có Đại Mẫu Mục (Hồng Phạm) nào cả để con người từ đấy làm chuẩn đo lường giá trị của cuộc sống và hành động mình. Nếu Lão Tử gọi Đạo là con đường con người phải đi, thì thánh nhân còn nhắc thêm rằng Đạo đó con người không làm ra được. Và đấy là cái khác biệt với Nietzsche. Theo Nietzsche, Đạo mà con người không làm ra được do tự ý muốn và khả năng của mình, thì không phải là đường đáng cho con người đi. Nên Zarathoustra, người hùng của Nietzsche, đã nói: "*vì đạo, đường đi - điều đó không hiện hữu!*"⁴⁰. Và như thế, mọi con đường đều là đạo, và nói cách khác không có đạo gì cả. "*Mọi sự đều không có gì là thật, nên tất cả đều được phép làm!*"⁴¹.

Đây chính là châm ngôn và lời biện minh sâu kín nhất của chủ nghĩa "tự do" tân thời. Điều gì làm được, có thể thực hiện được đó là chân lý, và nói cách khác thì đó cũng là đạo đức. Và những ngày tháng cuối thế kỷ 20 không thiếu những nhà khoa học về sự sống con người đang cố tâm tuyển chọn giống người, ngay cả muốn tác tạo một loại người theo khả năng của mình!

³⁸ M. HEIDEGGER, *Chemins qui mènent nulle part - Le mot de Nietzsche "Dieu est mort"*, trad. Wolfgang Brokmeier, Gallimard, Paris, 1962 - p. 253

³⁹ *Sđđ.* tr. 253

⁴⁰ NIETZSCHE, *Zarathoustra*, câu kết của chương "De l'esprit de pesanteur"

⁴¹ *Sđđ.* chương "l'Ombre"

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

VĂN HOÁ ỨNG XỬ – NGHĨ ĐẾN NGƯỜI KHÁC

Loạt 120 bài “Học làm người và làm con cái Chúa”

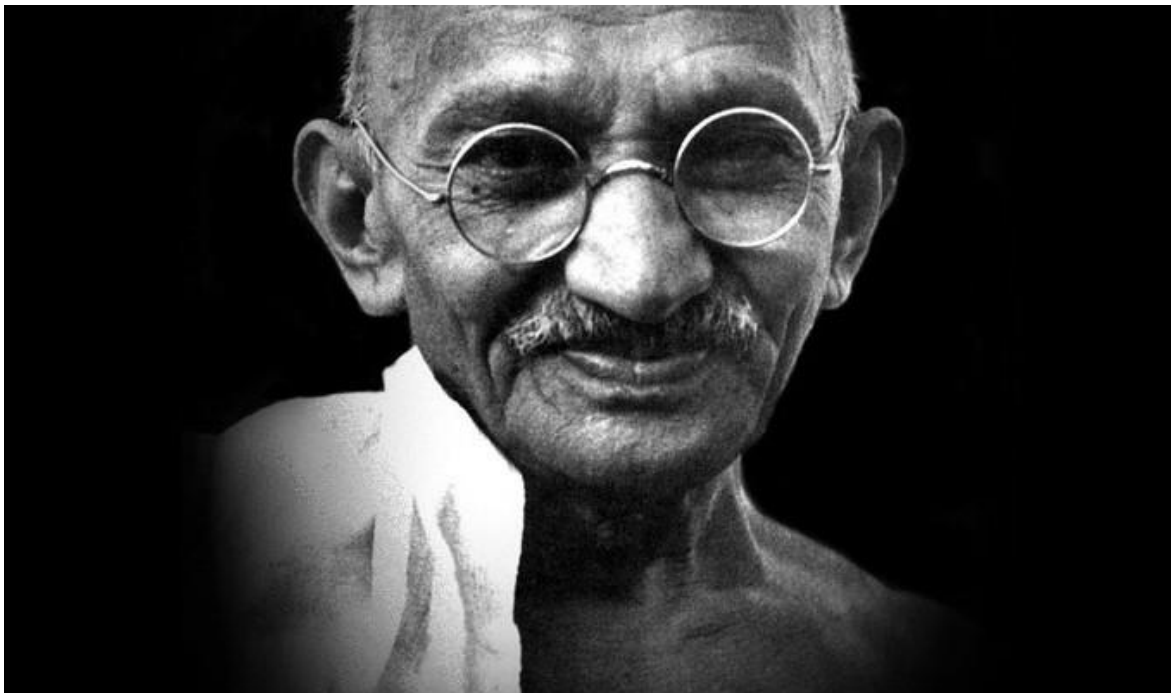
của Lm Đan Vinh, HHTM

BÀI 14

VĂN HOÁ ỨNG XỬ – NGHĨ ĐẾN NGƯỜI KHÁC

1. LỜI CHÚA : Chúa phán : “VẬY TẤT CẢ NHỮNG GÌ ANH EM MUỐN NGƯỜI TA LÀM CHO MÌNH, THÌ CHÍNH ANH EM CŨNG HÃY LÀM CHO NGƯỜI TA. VÌ LUẬT MÔ-SÊ VÀ LỜI CÁC NGÔN SỨ LÀ THẾ ĐÓ” (Mt 7,12).

2. CÂU CHUYỆN : CHIẾC GIÀY CỦA GĂNG-ĐI.



MAHATMA GANDHI (1868-1948)

Sau một tiếng còi vang lên báo hiệu tới giờ khởi hành. Chiếc xe lửa từ từ chuyển bánh và GĂNG-ĐI (Gandhi) từ sân ga vội chạy đến toa và vừa kịp bước chân lên toa hành khách thì tàu bắt đầu chạy. Bất ngờ một chiếc giày của ông bị vướng vào bậc thang để lên tàu và bị rơi xuống đường ray. GĂNG-ĐI không thể nhảy xuống nhặt lại chiếc giày đất tiền vừa bị rơi kia khi con tàu tăng tốc. Bấy giờ trước sự ngỡ ngàng của nhiều người gần đó, GĂNG-ĐI đã lập tức cúi xuống tháo luôn chiếc giày còn lại ném về phía chiếc giày vừa bị rơi xuống đường kia. Sau khi an vị, người hành khách ngồi bên cạnh đã thắc mắc hỏi ông tại sao làm như vậy, thì được GĂNG-ĐI trả lời : “Sở dĩ tôi ném chiếc giày còn lại xuống đường ray là để nếu có người nghèo nào đó lượm được chiếc giày thứ nhất, sẽ dễ tìm thấy chiếc thứ hai và có thể sử dụng được đôi giày của tôi!”.

3. SUY NIỆM :

- Có lẽ mỗi người chúng ta thường nghĩ đến mình hơn nghĩ đến người khác. Đó là **thói ích kỷ cổ hữu** của con người. Có một trắc nghiệm để đánh giá trình độ trưởng thành của một người là: Bao lâu họ chỉ biết nghĩ đến ích lợi của bản thân, là họ vẫn còn trong tình trạng ấu trĩ về tâm lý. Chỉ khi họ biết quên mình để nghĩ đến người khác, thì mới thực sự nên người **trưởng thành về nhân cách**.

- Nghĩ đến người khác là thực hiện lời đức Khổng Tử : “**Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân**” (Điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác). Thánh kinh Cựu ước cũng đã ghi lại lời Tô-bi-a cha khuyên Tô-bi-a con như sau : “**Điều con không thích thì cũng đừng làm cho ai cả**” (Tb 4,15a). Thánh Phao-lô khuyên tín hữu thành Phi-lip-phê như sau : “**Mỗi người đừng tìm lợi ích cho riêng mình, nhưng hãy tìm lợi ích cho người khác**” (Pl 2,4).

- Chúng ta phải “**nghĩ đến người khác**” vì mọi cái chúng ta đang sử dụng đều **do người khác mang lại và phải nhờ người khác mà ta mới có được** như : cơm ăn, áo mặc, xe cộ, đồ dùng, điện nước, thuốc uống, kiến thức, luật pháp... Nếu không được người khác cung cấp giúp đỡ thì cuộc sống của chúng ta sẽ gặp nhiều bất hạnh. Do đó, đến lượt chúng ta, thật là công bình và chính đáng khi ta cũng phải biết nghĩ đến và phục vụ người khác theo khả năng của mình.

- **Nghĩ đến người khác** là cách ứng xử tốt đẹp : Nhưng để thực hiện được điều này, đòi người ta phải **tập thành thói quen**, thành một phong cách ứng xử có văn hóa. Sở dĩ GĂNG-ĐI lập tức cởi chiếc giày thứ hai xuống đường ray bên dưới là do ông đã tập thành thói quen “**nghĩ đến người khác**”, nên khi có dịp là lập tức phản ứng ngay mà không cần thời gian suy nghĩ và bỏ lỡ cơ hội.

- Trong gia đình, cha mẹ công giáo cần tập “**nghĩ đến người khác**” theo gương Đức Giê-su. Cần giúp con cái ý thức và biết luôn “**nghĩ đến người khác**” ngay từ khi còn ấu thơ. Đây là điều kiện giúp chúng quên mình vị tha và hy sinh phục vụ tha nhân để nên người trưởng thành nhân cách, nên môn đệ đích thực của Đức Giê-su và chu toàn sứ vụ làm chứng cho Người.

4. SINH HOẠT : Để tạo thành thói quen ứng xử vị tha như GĂNG-ĐI, chúng ta cần phải làm gì ngay từ hôm nay ? Bạn sẽ làm gì cụ thể để hình thành thói quen **quên mình để nghĩ đến người khác** ngay từ gia đình đến trường học và nơi sở làm ?

5. LỜI CẦU :

Lạy Thiên Chúa Cha từ bi nhân ái. Xin giúp mỗi người chúng con biết thực hành giới răn bác ái của Đức Giê-su Con yêu quý của Cha, bằng việc năng thực hành theo câu châm ngôn : “**Nghĩ Đến Người Khác và Đáp Ứng Nhu Cầu**”. Nhờ đó chúng con sẽ ngày một nên người trưởng thành về nhân cách và trở thành chứng nhân của Chúa trước mặt mọi người.- AMEN.

LM ĐAN VINH – HHTM

VỀ MỤC LỤC

BÀI GIÁO LÝ XI VỀ PHÂN ĐỊNH: TÌNH THỨC - MỘT THÁI ĐỘ CĂN BẢN TRONG TIẾN TRÌNH PHÂN ĐỊNH...

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp



Bài giáo lý này được Đức Thánh Cha Phanxicô trình bày sáng thứ tư ngày 14/12/2022...

Buổi tiếp kiến và bài huấn giáo được bắt đầu bằng phần công bố Lời Chúa:

“Khi thần ô uế xuất khỏi một người, thì nó đi rảo qua những nơi khô cháy, tìm chốn nghỉ ngơi mà tìm không ra. Bấy giờ nó nói : “Ta sẽ trở về nhà ta, nơi ta đã bỏ ra đi. Khi đến nơi, nó thấy nhà để trống, lại được quét tước, trang hoàng hảnh hoai. Nó liền đi kéo thêm bảy thần khác dữ hơn nó, và chúng vào ở đó. Rốt cuộc, tình trạng của người ấy lại còn tệ hơn trước. Thế hệ gian ác này rồi cũng sẽ bị như vậy” (Mt 12,45)...

Và Đức Thánh Cha – sau lời chào thân thương dành cho mọi người như thường lệ – Ngài bắt đầu bài giáo lý...Ngài tóm kết rất gọn những gì đã trình bày ở những tuần trước với gương sống và giáo huấn của thánh Inhaxiô thành Loyola...giúp rút ra những **“yếu tố của sự phân định”**, đây là **việc cầu nguyện, biết chính mình, ước muốn và học cách đọc “cuốn sách đời mình”** mỗi ngày; đây là việc tập trung tìm hiểu **“sự sâu khổ và an ủi, những điều tạo thành chất liệu của sự phân định”**, và cuối cùng là **“việc xác nhận lựa chọn được thực hiện”**...

Và – theo Đức Thánh Cha – thì cần phải cùng nhau nhắc lại **một thái độ thiết yếu** phải có để toàn bộ quá trình giúp sự **phân định được tốt nhất** và – từ đó – có thể đưa ra được một quyết định đúng đắn : đây là **thái độ tỉnh thức**...Bởi – Đức Thánh Cha dạy rằng – **“trong thực tế có một nguy hiểm - như trong trích đoạn Tin Mừng thánh sử Matthêu trên đây – đó là “kẻ phá rối”**, tức là ma quỷ, có thể **phá hỏng mọi thứ**, khiến chúng ta phải **trở lại từ đầu...và bắt đầu lại trong một tình trạng còn tồi tệ hơn...**” Và – như Đức Thánh Cha nhấn mạnh – **“đó là lý do tại sao tỉnh thức là điều cần thiết”**...Cho nên việc nhấn mạnh với nhau về **thái độ tỉnh thức** để tiến trình phân định đi đến thành công là điều không thể bỏ qua...

Và sau đây là quá trình khai triển về **thái độ tỉnh thức**...

· Điểm dừng 1 : **Phải tỉnh thức, bởi nếu không, chúng ta sẽ rơi vào nguy hiểm...**

Nguy hiểm ấy...chúng ta đã nhìn thấy trong trích đoạn Tin Mừng khởi đầu giáo huấn : **“kẻ phá rối – tức là ma quỷ - có thể phá hỏng mọi thứ...khiến chúng ta phải trở lại từ đầu, nhưng là trong một tình trạng còn tệ hại hơn trước nhiều”**...Chính vì thế nên việc **“tỉnh thức là cần thiết”**...để **“tiến trình phân định được thành công”**...

· Điểm dừng 2 : **Tỉnh thức – không mê ngủ - không để mình trở nên quá tự tin** (x. Lc 12 , 35-37)...

“Tỉnh thức để gìn giữ trái tim chúng ta và hiểu điều gì đang xảy ra trong nội tâm mình”...Đức Thánh Cha dạy rằng : **“Đó là trang thái tỉnh thần của các Kitô hữu (và đặc biệt anh em Linh Mục, anh chị em Tu Sĩ) đang chờ đợi Chúa đến lần cuối; nhưng đây cũng có thể được hiểu là thái độ thông thường trong cách cư xử trong cuộc sống, để những lựa chọn tốt**

của chúng ta, đôi khi được thực hiện sau khi đã phân định kỹ càng, có thể tiếp tục một cách kiên trì, nhất quán và đơm hoa kết trái”...

- “**Nếu thiếu cảnh giác** – nghĩa là không tỉnh thức và không tỉnh thức đủ - **nguy cơ rất lớn là tất cả sẽ trở thành vô nghĩa!**”...Và “**sự xáo trộn trật tự thiêng liêng**” ấy là “**một cái bẫy thực sự của ma quỷ**” : “**Trên thực tế, ma quỷ chờ đợi chính thời điểm mà chúng ta quá tự tin về bản thân, khi mọi thứ diễn ra tốt đẹp, khi mọi thứ diễn ra ‘suôn sẻ’...và – như người ta nói – chúng ta đang ‘thuận buồm xuôi gió’!**”...Và trở lại với trích đoạn Tin Mừng thánh sử Luca được công bố trên kia, Đức Thánh Cha khai triển : Tin mừng cho ta thấy là khi thần ô uế trở lại ngôi nhà thì “**ngôi nhà để trống, lại được quét tước, trang hoàng hảnh ho**”...Thế nhưng “**Chủ nhà đâu ? Không có ! Không có ai canh chừng và bảo vệ ngôi nhà...Và đấy là vấn đề !!! Chủ nhà không có ở đó ! Ông đã đi ra ngoài, ông bị phân tâm, hoặc có thể ông vẫn ở trong nhà nhưng đang ngủ ! – và điều ấy đồng nghĩa với tình trạng “**ông không ở đó – trong nhà !!!**”...Nghĩa là “**Ông không tỉnh thức, ông không chú ý, bởi vì ông quá tự tin và đã mất đi sự khiêm tốn để bảo vệ trái tim mình**”...**

Cho nên, thưa bạn, “**chúng ta phải luôn luôn bảo vệ ngôi nhà của chúng ta, tâm hồn của chúng ta, và không thể lơ là được**”...

- Điểm dừng 3 : **Quá yêu mình và không còn ở trong tâm trạng chờ đợi...**

Thưa bạn, dựa trên câu chuyện dụ ngôn của Tin Mừng, Đức Thánh Cha tiếp tục suy tư của Ngài : “**Khi ấy ma quỷ có thể lợi dụng và sẽ quay trở lại ngôi nhà – không phải một mình – nhưng như Tin Mừng nhấn mạnh – nó sẽ đi rử thêm “**bầy thần khác dữ hơn nó**” (c.45)...Nghĩa là cả “**một bè lũ bất lương**”, cả “**một băng nhóm tội phạm**”...Và có thể nói đây là tình trạng “**thường ngày ở huyện**” trên khắp mặt đất trần gian này...cũng như trong mọi tổ chức con người... “**Nhưng – chúng ta tự hỏi – làm sao chúng có thể ngang nhiên vào nhà mà không bị ngăn chặn ? Sao chủ nhà lại không nhận ra ? Chẳng phải ông là người rất giỏi phân định sao ? Chẳng phải ông cũng đã nhận được lời khen từ bạn bè và hàng xóm về ngôi nhà thật đẹp và trang nhã, thật ngăn nắp và sạch sẽ đó sao ?**”...Từ một loạt những câu hỏi gợi ý để mỗi chúng ta tự vấn chính mình ấy, Đức Thánh Cha đi đến một kết luận : “**Phải, nhưng có lẽ chính vì lý do này mà ông đã quá yêu ngôi nhà – nghĩa là yêu chính mình, và đã thôi chờ đợi Chúa, không còn chờ đợi Chàng Rể đến...Có lẽ vì sợ làm rối loạn trật tự đó, ông không tiếp đón ai nữa, ông không mời những người nghèo, những người vô gia cư, những người làm phiền...Và chắc chắn một điều là ở đây – trong con người ấy - **có tính kiêu ngạo xấu xa** : tự cho mình là công chính, là người giỏi giang, là người đúng đắn, đầu ra đó !!!”...Và Đức Thánh Cha bảo rằng khá là nhiều lần chúng ta nghe có người tự biện hộ: “**Phải, trước đây tôi xấu xa, nhưng giờ đây, tôi đã hoán cải...và lúc này, ngôi nhà đã trở nên ngăn nắp nhờ ơn Chúa...Cho nên bạn hãy yên tâm...**” Và Đức Thánh Cha kết luận : “**Khi chúng ta tin tưởng quá nhiều vào chính bản thân mình và không tin vào ân sủng của Thiên Chúa...thì thần dữ sẽ tìm thấy cánh cửa mở...Nó sẽ tổ chức cuộc thám hiểm và sẽ chiếm hữu ngôi nhà đó”... “**Tình trạng của người ấy trở nên tồi tệ hơn trước!**” (c.45) – Đức Giêsu quả quyết như thế...Và Đức Thánh Cha cho biết là tại sao “**chủ nhân ngôi nhà**” lại không nhận ra tình trạng ấy: Là bởi vì đấy là những “**con quỷ tinh tế**” – “**chúng bước vào nhà mà bạn không nhận ra, chúng gõ cửa, chúng lịch sự và rồi cuối cùng chúng điều khiển bạn...**” Cho nên : “**Hãy bảo vệ ngôi nhà khỏi sự lừa dối này – sự lừa dối từ những con quỷ tinh tế !!!**”...******

Và để kết thúc bài giáo lý hôm nay - cũng như loạt bài giáo huấn giúp có được những yếu tố để sự phân định của mỗi chúng ta có kết quả tốt – Đức Thánh Cha dặn dò : “**Mỗi người trong chúng ta có thể xác minh được điều này bằng cách ngĩ lại lịch sử cá nhân của họ. Chỉ phân định tốt và đưa ra được một chọn lựa tốt thôi thì chưa đủ. Không, như thế chưa đủ : **chúng ta còn phải tỉnh thức...để bảo vệ ân sủng Thiên Chúa đã ban cho chúng ta, bởi bạn có thể nói****

với tôi : khi tôi thấy một sự lộn xộn nào đó, tôi nhận ra ngay rằng đây là ma quỷ, đây là một sự cám dỗ...Bạn nói rất đúng, **nhưng bạn hãy nhớ rằng lần này nó cải trang thành thiên thần đấy**, bạn ạ...**Ma quỷ biết cách cải trang thành thiên thần**, nó bước tới và bước vào với những lời lẽ lịch sự, và hấn thuyết phục bạn..." Cho nên " chúng ta phải luôn tỉnh thức, canh giữ trái tim...[...] Bởi vì tỉnh thức là dấu hiệu của sự khôn ngoan, và trên hết, tỉnh thức là dấu hiệu của sự khiêm nhường...và khiêm nhường là con đường chính của đời sống Kitô hữu" ...

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

VỀ MỤC LỤC

MÈO MÈO MÓ

LỜI TẠM BIỆT:



**Kính xin mọi người hiệp thông
cầu nguyện cho Cha Cố**

**PX. Hoàng Đình Mai
1947- 01.09.2018**

Xin chân thành cảm ơn

Quán trọ đời chân trần nay đã mòi,

Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,

Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.

Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:

"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...

"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.

Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.

Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương, xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

MÈO MÉO MÓ

Có một câu truyện vui nước ngoài với tựa đề “Nghỉ học vì con mèo tham ăn”, nội dung như sau:

Để tăng tốc trong kỳ thi cuối cấp, thầy giáo đã đưa ra một qui định: Không ai được ra ngoài vì việc riêng, trừ việc đi vệ sinh mà thôi. Qui định được ban bố và thi hành trong một tuần, ai nấy đều nghiêm chỉnh chấp hành. Thế rồi một hôm, trong tiết của thầy giáo, một cậu bé học sinh đứng lên và xin phép:

- Thưa thầy, xin cho em ra ngoài ạ!
- Em ra ngoài có việc gì không?
- Thưa thầy, em xin ra ngoài để về nhốt con mèo nhà em lại.
- Việc đó có quan trọng bằng việc học của em không?
- Thưa thầy, nếu em không nhốt nó lại, chắc chắn em sẽ phải nghỉ học!
- Sao lại có chuyện như thế? Em hãy giải thích tại sao lại phải nghỉ học?

- Thưa thầy, nếu em không về nhốt con mèo nhà em lại, thì nó sẽ ăn hết thức ăn mà mẹ đã nấu cho bố trưa nay. Nếu bố em về mà không thấy gì, thì sẽ trách mẹ ở nhà không chu đáo. Mẹ chắc chắn sẽ cãi lại. Bố sẽ bỏ đi vì chán nản, còn mẹ thì sẽ buồn bã. Sau đó, bố và mẹ sẽ ly dị. Cuối cùng thì em sẽ bơ vơ, nên phải nghỉ học ạ.

Thầy giáo, nghe xong lập luận của cậu bé học trò, cũng toát hết cả mồ hôi hột, nên đành phải cho cậu bé ra ngoài. (St).

Điểm qua tình hình hiện hay, gã nhận thấy “dân số” dòng họ nhà mèo ngày càng bị giảm đi một cách thê thảm và không chừng sẽ dẫn tới một cuộc khủng hoảng trầm trọng, nhất là từ khi người ta quảng cáo rùm beng cho món “tiểu hổ”. Tệ trạng bắt mèo đã có từ lâu, nhưng bây giờ mới thực sự phát triển bằng những bước nhảy vọt khổng lồ. Đoàn quân bắt mèo lùng sục khắp các hang cùng ngõ hẻm để mua bán, đổi chác và...bắt trộm.

Toan Ánh, trong cuốn “Ăn trộm và nghệ thuật bắt trộm”, đã kể lại chuyện bắt mèo ngày xưa như sau:

“Bắt mèo ở đây có nghĩa đen, tức là bắt trộm mèo của người khác. Kể ra thì người ta bắt mèo làm gì? Ở nhà què mèo vào nhà người ta còn cho là một điềm xấu, nên mới có câu: *Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì giàu.*”

Mèo hoang ở nhà què nhiều lắm và có khi ở tỉnh cũng nhiều. Nhà nào có nuôi mèo, cũng chỉ nuôi một hai con cho nó bắt chuột là nhiều. Nếu chẳng may có con mèo cái đẻ, người ta gọi cho bạn bè, hoặc cũng có khi người ta mang ra chợ bán rẻ được đồng nào hay đồng ấy.

Ai đã có dịp đi xe đò mà gặp một hành khách mang mèo, chắc cũng phải nhận thấy là xe đò không chịu chở mèo vì sợ xúi quẩy.

Vậy mà có kẻ đi bắt mèo, chúng bắt để làm gì? Xin thưa: Nguyên do là mấy năm chiến tranh thực phẩm khan, các hiệu cơm tây lại thường phải cung ứng cho khách ăn các món thỏ si-vê, mà thỏ thì kiếm không ra, khách ăn lại cứ đòi ăn. Các ông chủ hiệu đành phải làm phép biến hoá để có thể cho khách xơi. Các ông khách sành ăn, xơi thịt mèo, lại cứ cho là thịt thỏ, thấy nó vẫn ngon thơm, có khi thịt lại thấy bùi hơn món thỏ các ngài vẫn xơi ở nhà. Các ngài cho là đầu bếp ở hiệu nấu khéo và các ngài đã xơi thịt *thỏ chính cống* rồi.

Cũng vì các ngài *khách sành ăn* này mà các hiệu ăn phải đi kiếm mèo nhiều để có thịt thỏ bán cho khách. Chỉ oan cho lũ mèo! Và cũng do đó có nạn ăn trộm mèo ở nhà què và ở cả tỉnh nữa.

Ngay tại Saigon, trước đây đã có bọn đi bắt mèo để bán cho các hiệu ăn, và các ngài sành ăn ở Saigon chắc hẳn cũng đã xơi nhiều món *thỏ chính cống* nấu bằng thịt mèo rồi.

Muốn bắt mèo, bọn ăn trộm mèo lấy thức ăn mà dử. Trong khi mèo mãi ăn, chúng chụp cho vào bị, hoặc cũng có khi chúng rật thông lọng cho vào lồng.

Bắt mèo không nguy hiểm, vì thường những chủ nuôi mèo cũng ít khi để ý tới mèo. Người nuôi mèo không thấy mèo về, cho là nó đã đi đâu mất, không ai ngờ nó bị bắt trộm. Không có con mèo này thì nuôi con mèo khác, xin đâu chẳng được mèo con.

Bọn đi bắt mèo chỉ bắt những con mèo lớn vì các hiệu ăn cũng chỉ dùng những con mèo lớn để nấu giả làm thịt thỏ.

Chiến tranh xong, thỏ dễ mua, nhưng bọn đi bắt mèo vẫn không bỏ nghề, vì giá thỏ đắt hơn giá mèo, mà khách sành ăn xơi thịt mèo lại vẫn cứ khen ngon, thì các hiệu ăn vẫn cần mua mèo.

Mèo chết thay thỏ và bọn bắt mèo vẫn sống!”

Còn tác giả Lữ Khách trên “Giai phẩm xuân Tân Mão 2011” của báo Kiến Thức Ngày Nay đã viết về món “tiểu hổ” ngày nay như sau:

“Vùng quê tôi có câu: “Đê núi Ninh Bình, cày tơ Nam Định, tiểu hổ Thái Bình”. Chẳng biết từ bao giờ, quê lúa Thái Bình đã trở thành trung tâm của thịt mèo, cũng chẳng biết căn cứ vào sách vở nào, thịt “tiểu hổ”, (thịt mèo) luôn được quý ông khầu truyền và tâm đắc như một món ăn quý, có tác dụng “bổ âm bổ dương, bổ giường bổ chiếu”.

Các quan nhậu ở trung tâm thành phố Thái Bình không cần treo biển hiệu rành rộ, chỉ cần nhốt vài con mèo ngoài cửa, rồi làm thịt ngay trên vỉa hè là khách nhậu ùn ùn kéo tới. Giá “tiểu hổ” gấp đôi món cày tơ, nên các chủ quán sẵn sàng bỏ nghề cũ, mỗi đêm chỉ cần thịt chừng mười chú mèo là sống khoẻ re...

Ăn thịt mèo chưa đủ, còn phải uống rượu mật mèo với giá 10.000đ/xi mới bảo đảm thành “đại sự”. Nghe đâu mật mèo cũng chẳng kém gì mật gấu, mật bò tót. Chủ quán đơn đả với thực khách: “Mật gấu bây giờ là mật gấu nuôi nên lạt nhách. Bò tót thì tuyệt chủng hết rồi, nên phải dùng mật bò nhà làm giả. Bởi vậy, chỉ có mật mèo là nguyên chất nhất. Mà uống mật nó thì có khác gì mật hổ đâu, nó là tiểu hổ mà”. Ai cũng gật gù tán thưởng.

Nếu muốn tác dụng nhanh chóng và hiệu quả rõ ràng hơn, tốt nhất là uống rượu có ngâm bào thai mèo. Đắt giá nhất là “cao tiểu hổ” với giá 700-800 ngàn đồng/lạng, ngâm theo công thức 2 lít rượu/100g cao. “Tiểu hổ” là sự phụ của “Đại hổ, nên rượu “tiểu hổ cốt” uống vô là “bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh tiêu trừ!”...

“Tiểu hổ” cũng đã theo chân người miền Bắc tha phương tới miền Nam. Tôi đi trên đường Lê Hồng Phong, thành phố Nha Trang, thấy đã có nhiều quán treo biển “tiểu hổ 9 món”, “meo...meo”... Ở Saigon, món đặc sản này cũng đã cấm dùi ở Gò Vấp và nhiều nơi khác.

Có cầu ắt có cung, để bảo đảm “hậu cần” cho hàng chục ngàn quán nhậu lớn nhỏ, đã hình thành mạng lưới thu mua, vận chuyển, đại lý hoàn chỉnh. Có những đoàn quân đông đảo do lực lượng chuyên rong mua chó “kiêm nhiệm”, đi khắp các xóm làng hẻo lánh với câu rao: “Ai có mèo đực theo cái, mèo gái theo trai... bán – mua”. Miền Bắc cạn nguồn, đoàn quân này “Nam tiến”, từ mua bán đến đổi xoong nhôm, kể cả bắt trộm. Chưa ai thống kê được mỗi ngày có bao nhiêu chú mèo lên bàn nhậu, nhưng cứ nhìn số lượng mèo bị giết ở những hàng quán tại các tỉnh, thành phố lớn, có thể ước tính cứ 24 giờ trôi qua, cả ngàn kiếp mèo được giải thoát để phục vụ cho “mục đích cao cả” của quý ông.

Thịt mèo ngon bổ đâu chưa biết, nhưng có lẽ cần đưa thêm chút thông tin sau: Một chuột đồng trong vòng 1 năm có thể sinh 80 chuột con, và cứ 2 tháng lại có 1 thế hệ chuột tham gia sinh sản. Mỗi năm, một đôi chuột có thể trực tiếp và gián tiếp cho “ra lò” 2.160 con chuột. Và nếu cánh đồng có 1.000 con chuột, thì mỗi ngày sẽ đẻ thêm 6.000 con. Vắng bóng mèo, chuột sẽ hoành hành”. Lúc bấy giờ đại họa sẽ xảy ra cho bản dân thiên hạ”.

Khoa học cũng như lịch sử đã cho thấy sự thực là như vậy. Một nhà sinh vật học nổi tiếng người Anh, khi nghiên cứu nguyên nhân mất mùa của cây cải dầu, đã kết luận là do số mèo giảm theo cơ chế như sau: Mèo giảm, thì chuột tăng; chuột tăng sẽ phá tổ ong làm cho ong giảm; ong giảm thì việc thụ phấn cho hoa cải dầu cũng giảm, và thế là dẫn tới mất mùa.

Vào thời Trung cổ, ở châu Âu đã từng xảy ra dịch hạch lớn, cướp đi 20 triệu mạng sống, tương đương với 60% dân số lúc bấy giờ. Nguyên nhân là do người châu Âu lúc đó cho rằng mèo là tay chân của phù thủy, nên phải tận diệt, nên tạo cơ hội cho giống chuột châu Phi hoành hành, mang lại thảm họa cho loài người. Chính vì vậy mà mèo dần dần được phục hồi danh dự.

Đối với người Việt Nam, mèo không phải chỉ là con vật thân thương và gần gũi với con người, được nuôi trong nhà để bắt chuột, mà hơn thế nữa mèo còn là một trong số rất ít những con vật được dùng làm hình ảnh tượng trưng cho con người, thậm chí còn được đồng hoá với con người. Gã xin được kể ra như sau:

Trước hết, mèo được dùng làm hình ảnh tượng trưng cho con gái.

Sở dĩ như vậy là vì giữa con gái và con mèo có nhiều điểm rất giống nhau. Thực vậy, trong một cuộc hội thảo bàn tròn chung quanh vấn đề này, những anh con giai đã nhao nhao phát biểu ý kiến.

Anh thì bảo:

- Con gái bình thường rất ư là hiền lành, thậm chí còn nhõng nhẽo với mình bằng đôi mắt nai long lanh. Nhưng khi bức tức ấy hả? Con gái cũng giống như con mèo: gầm gừ, xù lông, không chừng còn nhe răng, làm cho mình, như chú chuột nhất, hết sức sợ hãi, chỉ thẳm mong sao thoát khỏi móng vuốt của nàng mà thôi. Cái lời là bị lườm nguýt thấu đến tận tim gan phèo phổi. Mơ mơ là còn bị ăn đòn nữa chứ!

Anh thì nói:

- Con gái cũng giống như con mèo, khi kêu meo meo thì thật dễ thương, nhưng động vào là nó cào cho chết luôn. Và khi bị con gái cào thì chẳng khác chi bị mèo cào vậy!

Anh thì xác quyết:

- Con mèo rất hay ăn vụng và con gái cũng rứa. Hễ nhìn thấy cái gì ăn được, thì thế nào cũng phải đưa tay bốc.

Anh thì cho rằng:

- Con mèo là chúa lười và hay ngủ dạy muộn. Con gái cũng giống như vậy.

Sau cùng một anh đã nhận xét:

- Con mèo và con gái đều hay nói “meo”. Chẳng hạn khi kiến bò bụng thì con gái thường nói với con trai: Tớ đói meo rồi đó. Có phải vì vậy mà con mèo bắt chước con gái, cứ suốt ngày kêu meo meo!

Tiến đến, mèo được đồng hoá với bò nhí.

Có lần gã đã hỏi một ông thầy người Pháp:

- Tiếng Việt đối với ngài dễ hay là khó?

Ngài bèn trả lời:

- Tôi là người Pháp, nếu học tiếng Ý, hay tiếng Tây Ban Nha thì chỉ mất có ba bốn tháng. Nếu học tiếng Anh thì chỉ mất sáu bảy tháng. Nếu học tiếng Đức thì chỉ mất hơn một năm. Nếu học tiếng Do Thái thì chỉ mất hai năm. Nếu học tiếng Tàu thì chỉ mất ba năm. Còn học tiếng Việt ấy hả. Đã mất bốn năm rồi mà vẫn chưa ăn thua gì. Thậm chí đã viết ra giấy, thế mà khi đọc lên, thiên hạ vẫn cứ cười ồ!

Cũng vì thế mà ngày xưa, các vị cố Tây qua Việt Nam để truyền đạo, tiếng Việt của các ngài không được thông thạo cho lắm, nên nhiều khi đã gây ra những hiểu lầm, buồn cũng có mà vui cũng có, thậm chí còn cười ra cả nước mắt cũng có. Đặc biệt là câu chuyện mà tôi thường được nghe kể sau đây:

Có một chàng thanh niên, khi vào xưng tội với vị cố Tây, anh ta đã nói rằng:

- Thừa cha, con đã có một vợ và hai đứa con thơ, con rất thương vợ và thương các con của con, nhưng mà con đã phạm một tội nặng lắm cha ạ!

Vị cố Tây bèn an ủi:

- Chúa nhân từ, con cứ việc xưng.

Chàng thanh niên lấp bắp:

- Dạ thưa cha, con đã có vợ mà lại còn có mèo nữa ạ!

Vị cố Tây bèn ôn tồn nói:

- Có mèo thì sao? Cha cũng có mèo mà!

Cái rắc rối mà vị cố Tây này không “ngộ” ra được: Mèo có khi chỉ là một con vật, có khi lại là một con người, và nó được đồng hoá với “bồ nhí”. Vậy thế nào là bồ nhí?

Trước hết bồ có nghĩa là phe cánh, chẳng hạn như khi đánh bạc, người ta thường cặp bồ, hay bắt bồ mí nhau. Còn trong ngôn ngữ dân gian, thì bồ có nghĩa là bạn thân. Riêng trong mối liên hệ giữa đờn ông và đờn bà, giữa con trai và con gái, bồ còn có nghĩa là người tình hay người yêu.

Tiếp đến là chữ nhí. Nếu gã không làm thì chữ nhí, dưới một góc cạnh nào đó, cũng đồng nghĩa với chữ nhỏ. Lê văn Đức trong “Việt Nam Tự điển” còn chưa thêm một nghĩa nữa cho chữ nhí, đó là lẳng lơ và liến xáo, chẳng hạn như nhí nhảnh

Tuy nhiên, có bồ, có người tình hay có người yêu thì khác với có mèo hay có bồ nhí. Bởi vì loại có trên thường là công khai, hợp pháp và mang nhãn hiệu trình tòa hẳn hoi, còn loại có dưới, thì bao giờ cũng thâm lén, vụng trộm, chui lủi và bất hợp pháp.

Theo các nhà tâm lý, thì đối với một số những người đờn ông đã lập gia đình, thì thích “có mèo” hay có “bồ nhí” là một khuynh hướng bẩm sinh, khó mà cưỡng lại được. Ngay cả những ông chồng “siêu tốt” cũng phải trầy da tróc vẩy, thế mà chưa chắc đạt được điểm cao cho môn đạo đức hôn nhân. Một công ty thám tử tư, sau nhiều dịch vụ rình mò, đã hùng hồn công bố kết quả của họ là 99% đàn ông đã kết hôn vẫn có hay vẫn thích có bồ nhí. Đàn ông 18 tuổi, thì tìm kiếm một cô gái cùng trang lứa, năm 40 tuổi các chú này vẫn yêu cô gái 18, và cho đến năm 60 hay 70 các cụ này vẫn không thay đổi lập trường, trước sau như một, vẫn chọn cô gái 18 nếu có thể. Đàn ông là như thế. Họ khó chung thủy với bà xã, nhưng luôn chung thủy với bản thân mình. (Đẹp).

Vậy tại sao các ông chồng lại thích có mèo, hay ưa có bồ nhí? Xin thưa chỉ vì bồ nhí thì giống mèo và mèo thì cũng giống bồ nhí. Gã xin đưa ra một vài điểm của sự giống nhau ấy.

1- Mèo ít khi gầm gừ, nhe răng hay dương móng vuốt, trái lại luôn dịu dàng kêu meo meo nghe thật êm tai. Bồ nhí cũng vậy, ít khi cáu gắt hay quát tháo ầm ĩ, nhưng luôn âu yếm, thật êm dịu và dễ chịu.

2- Mèo bao giờ cũng sạch sẽ. Bồ nhí cũng vậy, lúc nào cũng thơm tho.

3- Mèo thích được mơn trớn. Bồ nhí cũng vậy, ưa được vuốt ve và thường xuyên nũng nịu.

4- Mơn trớn mèo mang lại cảm giác mềm mại. Bồ nhí cũng vậy, vuốt ve bồ nhí làm cho sung sướng.

5- Mèo ăn uống nhỏ nhẹ. Bò nhí cũng vậy, ăn uống rất từ tốn, có nghĩa là bò nhí nhiều khi ăn rất từ từ, nhưng lại vô cùng tốn kém, thế mà ông xã vẫn cứ cho là chuyển nhỏ, không đáng kể.

6- Mèo biết tỏ ra vâng lời. Bò nhí cũng vậy, luôn cưng chiều khiến ông xã tưởng mình là chúa tể sơn lâm.

7- Nếu chẳng may bị mèo cào, thì chỉ xót xa tí chút. Cũng vậy, nếu chẳng may bị bò nhí giận hờn, thì cũng chỉ thêm thị vị cho cuộc sống mà thôi.

Càng suy nghĩ, chúng ta càng tìm ra được nhiều điểm giống nhau giữa mèo và bò nhí. Cũng chính vì vậy mà các ông chồng, vợ con đang hoàng, thế mà vẫn cứ thích có mèo, vẫn ưa đèo bồng bò nhí. Đối với các chuyên gia trong lãnh vực gỡ rối tơ lòng, thì đây chỉ là chuyện thường ngày ở huyện, nhưng đối với các bà xã, thì đây quả là một hung tin, bởi vì khi dựng nên người đàn bà, Thượng đế đã cài đặt sẵn trong tâm can ti phé của họ một chương trình ghen và đánh ghen, như Hoạn Thư đã từng phân bua:

- Rằng tôi cũng thể đàn bà,

Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.

Các bà vợ bị phản bội luôn cần đến một quân sư quạt mo, giúp họ những phương thế “trị mèo”, nhưng tại các trung tâm tư vấn, họ chỉ nhận được những lời khuyên chung chung, chẳng hạn như phải bình tĩnh và sáng suốt, phải biết tự trọng và cư xử cho có văn hoá. Nhưng làm sao có thể đang hoàng với những kẻ đã không đang hoàng với mình bây giờ đây?

Tuy nhiên, sự quyết định của các bà vợ, hành động mà các bà định làm, sự ra tay hay xuất chiêu của các bà mới thực sự quan trọng, ảnh hưởng sâu xa tới kết quả: Một là sẽ đưa các ông chồng “trở về mái nhà xưa” cách an toàn, hai là vợ chồng sẽ ca bản đường ai người ấy đi vì tình nghĩa đôi ta chỉ có thể mà thôi.

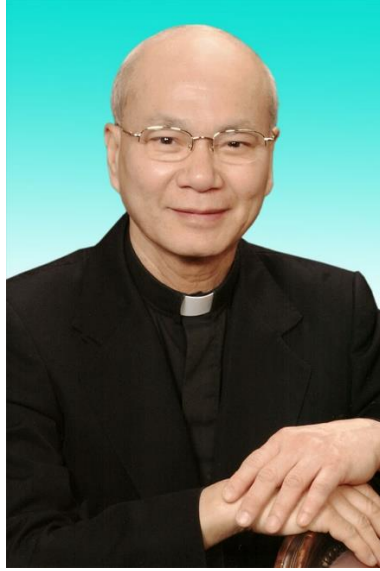
Làm sao trị được mèo bây giờ đây?

Chuyện phiếm của Gã Siêu

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

Tri Ân
Cha Luca PHẠM QUỐC SỬ
Chủ Nhiệm Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam



30.12.1946 – 01.12.2020

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Thư Ký: Giuse Phạm Hoàng Quỳnh.

TGP Baltimore USA